



KHOA HỌC

ĐẶC SAN

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

Số 7

Ngày 28 tháng 2
năm 2025

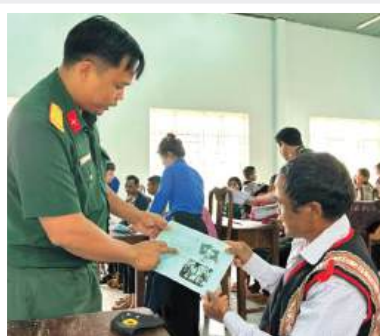
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA VIỆN KHOA HỌC CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT - INSTITUTE OF LAW AND POLICY SCIENCES

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỚI NGƯỜI DÂN NĂM 2025



CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT NĂM 2025

TIẾP CẬN ĐỂ VĂN MINH





CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

BÌNH ĐẲNG VÀ UY NGHIÊM





CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

NĂM 2025
GIÚP XÃ HỘI
NGÀY MỘT
VĂN MINH



ĐẶC SAN KHOA HỌC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

❖ Chịu trách nhiệm xuất bản: Tổng phụ trách biên tập, Viện phó Đoàn Hồng Dương ❖ Địa chỉ: Tầng 2 - Khu văn Phòng Transmeco - Số 162 Khuất Duy Tiến- Thanh Xuân- Hà Nội. ❖ Điện thoại: 0815.666.166 ❖ Email: Banbientap@phapluatchinhhsach.vn ❖ Giấy phép xuất bản: số 135/GP-XBĐS do cục Báo Chí cấp ngày 13, tháng 11, năm 2023 ❖ In tại: Công ty CP In Hà Nội, Lô 6B CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội ❖ Khuôn khổ: 21cm x 29cm ❖ Số trang: 72 ❖ Kỳ hạn xuất bản: 2 tháng/1 số ❖ Giá: 99.000 đồng



CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

NĂM 2025

ĐỔI MỚI ĐỂ VƯƠN MÌNH



KHOA HỌC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

Số 8 - Tháng 2/2025

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chịu trách nhiệm nội dung:
Doãn Hồng Dương - Phó Viện Trưởng

CỐ VẤN BIÊN TẬP

Giáo sư Tiến sĩ: Trần Nho Thìn - Viện trưởng
Thạc Sĩ: Trần Thị Hằng Nga - Phó Viện Trưởng
Ban Biên Tập - Banbientap@phapluatchinh sach.vn

TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP

Nguyễn Tuấn Anh

BAN CHUYÊN ĐỀ

bandoc@phapluatchinh sach.vn
Trưởng ban: Tạ Việt Hằng

BAN CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

ctxh@phapluatchinh sach.vn
Trưởng ban: Triệu Văn Vũ

BAN KHOA HỌC

khoahoc@phapluatchinh sach.vn
Hoàng Hải Linh - Phạm Văn Trường

BAN PHÁP LUẬT CHÍNH SÁCH

phapluat@phapluatchinh sach.vn
Trưởng ban: Phạm Thị Lệ Thủy

BAN TRUYỀN THÔNG - ĐỐI NGOẠI

truyenthong@phapluatchinh sach.vn
Nguyễn Tiến Hưng - Lê Hoàng Linh - Nguyễn Hữu Phương

BAN TRUYỀN HÌNH - MEDIA

social@phapluatchinh sach.vn
Trưởng ban: Hoàng Văn In

THIẾT KẾ

Quang Khải

TỔNG PHỤ TRÁCH ẤN PHẨM

Doãn Hồng Dương

ĐỊA CHỈ BAN BIÊN TẬP:

Tầng 2 - Khu văn Phòng Transmeco -
Số 162 Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội.

ĐƯỜNG DÂY NÓNG: 0815.666.166

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN Số: 135/GP-XBĐS do Cục Báo Chí
cấp ngày 28 tháng 2 năm 2025

TTĐT: phapluatchinh sach.vn GP: 237/GP-TTĐT
do Cục PT-TH - Bộ Thông tin và Truyền thông

cấp ngày 10, tháng 12, năm 2019

IN TẠI: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Lô 6B CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi,

Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số lượng: 1000 cuốn; Giá: 99.000 đồng

Thư ngỏ

Kính gửi các cán bộ, công chức, chuyên gia, nhà nghiên cứu và Quý độc giả!

Trong không khí hân hoan chào đón năm mới 2025, Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa của một giai đoạn phát triển mới, mang tính bước ngoặt, được Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh là Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 10 (khóa XIII), toàn Đảng đã thống nhất khẳng định rằng Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên vươn mình, mở ra triển vọng phát triển mới cho quốc gia và dân tộc. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, cần có sự thống nhất trong nhận thức, niềm tin, cùng với chiến lược sáng suốt và hành động quyết liệt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.



Chính sách và pháp luật là nền tảng vững chắc, đóng vai trò quan trọng trong quản lý nhà nước, định hướng phát triển và bảo vệ quyền lợi người dân, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ sự vươn mình của dân tộc. Năm 2025, dưới định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước, các quy định pháp luật mới sẽ là kim chỉ nam, đảm bảo sự phát triển ổn định, minh bạch và công bằng trong mọi lĩnh vực từ kinh tế tới xã hội.

Chuyên đề số đặc biệt đầu năm 2025 của Viện Khoa học Chính sách và Pháp luật sẽ tập trung vào chủ đề "Chính sách và Pháp luật với người dân trong năm mới 2025". Qua các bài viết phân tích chuyên sâu, các nghiên cứu thực tiễn và ý kiến từ các chuyên gia hàng đầu, chuyên đề sẽ mang đến cái nhìn toàn diện về những chính sách mới, các quy định pháp luật được cập nhật, cũng như tác động của chúng tới đời sống người dân, góp phần hiện thực hóa khát vọng vươn mình của dân tộc.

Pháp luật không chỉ là công cụ quản lý nhà nước mà còn là cầu nối giữa Nhà nước và người dân, đảm bảo mọi tầng lớp trong xã hội đều được thụ hưởng những thành quả từ sự phát triển. Hy vọng rằng chuyên đề này sẽ mang lại những thông tin giá trị, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội trong việc thực thi pháp luật, đồng hành cùng khát vọng đưa Việt Nam vươn xa trên trường quốc tế.

Trân trọng,

Trưởng Ban Biên Tập

NGUYỄN TUẤN ANH

CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT VỚI NGƯỜI DÂN NĂM 2025



NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI CÓ HIỆU LỰC TRONG HAI THÁNG ĐẦU NĂM 2025

4- 9

HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM:

10- 13

MỘT THẬP KỶ PHÁT TRIỂN VÀ TẦM NHÌN TƯƠNG LAI

NGHỊ ĐỊNH 168/2024/NĐ-CP TĂNG CƯỜNG XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH NHẪM ĐẢM BẢO TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TẠI VIỆT NAM

14 - 17

Mục lục

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ:

TẦM NHÌN ĐỘT PHÁ 18- 19

HIỂU ĐÚNG VỀ VIỆC BÃI BỎ QUY ĐỊNH GHI ÂM, GHI HÌNH TRONG GIÁM SÁT CẢNH SÁT GIAO THÔNG TẠI VIỆT NAM 20-23

CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA:
TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 24-27

PHỔ CẬP CHUYỂN ĐỔI SỐ:
THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP TIẾP CẬN MỌI TẦNG LỚP NHÂN DÂN 28-31

HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐIỂM GIẤY PHÉP LÁI XE VÀ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÁY TẠI VIỆT NAM 32-35

PHÂN TÍCH NGHỊ ĐỊNH 9/2025/NĐ-CP:
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU THIÊN TAI 36- 39

QUY ĐỊNH SỞ HỮU ĐẤT ĐAI:
GÓC NHÌN TỪ QUỐC TẾ VÀ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM 40- 43

LUẬT DỰ LIỆU 2024:
ĐỘNG LỰC KIẾN TẠO TƯƠNG LAI SỐ 44 - 47

PHÒNG CHỐNG LỪA ĐẢO NGÂN HÀNG:
HIỂU BIẾT VÀ HÀNH ĐỘNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ 48-51

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI CÓ HIỆU LỰC TRONG HAI THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Trong bối cảnh Việt Nam không ngừng hoàn thiện khung pháp lý để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách mới có hiệu lực từ tháng 1 và tháng 2 năm 2025 đánh dấu bước tiến quan trọng trong quản lý hành chính, giao thông, môi trường, an sinh xã hội và tài chính. Các quy định này không chỉ phản ánh cam kết của Chính phủ trong việc nâng cao hiệu quả quản lý mà còn hướng đến việc cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân và bảo vệ lợi ích quốc gia.



QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ KHO VẬT CHỨNG, TÀI LIỆU VÀ ĐỒ VẬT

Nghị định 142/2024/NĐ-CP ban hành ngày 30/10/2024 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2025. Nghị định thiết lập một khung pháp lý chặt chẽ cho việc quản lý kho vật chứng, tài liệu và đồ vật liên quan đến các vụ việc tư pháp. Theo đó, yêu cầu mọi hoạt động tiếp nhận, nhập kho, xuất kho vật chứng phải tuân thủ nghiêm ngặt lệnh hoặc quyết định từ cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Các vật chứng, tài liệu và đồ vật cần được phân loại kỹ

lượng, lưu trữ trong điều kiện đảm bảo an toàn tuyệt đối, với kho được bảo vệ liên tục 24/24 giờ.

Quy định này không chỉ nhằm tăng cường tính minh bạch trong quản lý vật chứng mà còn giải quyết các vấn đề tồn đọng như thất thoát, hư hỏng hoặc quản lý không nhất quán. Bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt, nghị định góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, củng cố niềm tin của công chúng vào hệ thống tư pháp, đồng thời hỗ trợ các cơ quan điều tra và xét xử trong việc

xử lý vụ việc một cách chính xác và công bằng.

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG TỰ NGUYỆN

Nghị định 143/2024/NĐ-CP ban hành ngày 1/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện dành cho người lao động không làm việc theo hợp đồng lao động, như lao động tự do. Quy định này cung cấp hai quyền lợi chính: giám định mức độ suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động và trợ cấp tài chính

cho những trường hợp đủ điều kiện. Chính sách này đánh dấu một bước tiến trong việc mở rộng mạng lưới an sinh xã hội, đặc biệt hướng đến nhóm lao động dễ bị tổn thương, vốn chiếm tỷ lệ đáng kể trong lực lượng lao động Việt Nam.

Bằng cách cung cấp sự hỗ trợ tài chính và y tế, nghị định không chỉ giúp giảm thiểu gánh nặng kinh tế cho người lao động mà còn khuyến khích các nhà tuyển dụng cải thiện điều kiện làm việc an toàn hơn. Trong dài hạn, chính sách này có thể góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo công bằng xã hội, đặc biệt ở các khu vực nông thôn và các ngành nghề có nguy cơ tai nạn cao.

TÁI CƠ CẤU TỔ CHỨC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Nghị định 146/2024/NĐ-CP ban hành ngày 6/11/2024 có hiệu lực từ ngày 5/1/2025, sửa đổi Điều 3 của Nghị định 102/2022/NĐ-CP, tái tổ chức cơ cấu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính hiện đại. Nghị định sáp nhập Vụ Dự báo, Thống kê và Vụ Ổn định Tiền tệ - Tài chính thành Vụ Dự báo, Thống kê - Ổn định Tiền tệ, Tài chính, đồng thời thành lập Cục Phòng chống Rửa tiền mới. Với cơ cấu mới gồm 25 đơn vị, Ngân hàng Nhà nước hướng đến việc tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tăng cường giám sát tài chính và ứng phó với các thách thức kinh tế toàn cầu. Việc thành lập Cục Phòng chống Rửa tiền thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập, tái cơ cấu này không chỉ giúp cải thiện năng lực quản lý của Ngân hàng Nhà nước mà còn củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư và thương mại.

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG

Nghị định 149/2024/NĐ-CP ban hành ngày 15/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, Sử dụng Vũ khí, Vật liệu Nổ và Công cụ Hỗ trợ. Nghị định yêu cầu các cơ quan, tổ

chức, doanh nghiệp được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng hoặc công cụ hỗ trợ phải lập hồ sơ và sổ theo dõi chi tiết. Việc xuất kho để sử dụng hoặc nhập kho sau sử dụng phải được người đứng đầu phê duyệt, kèm theo thông tin ghi nhận đầy đủ và chữ ký xác nhận của người giao, người nhận.

Các vật liệu không sử dụng hết phải được bàn giao lại để bảo dưỡng và bảo quản theo quy định. Quy định này nhằm tăng cường kiểm soát chặt chẽ các vật liệu nhạy cảm, giảm thiểu nguy cơ lạm dụng, thất thoát hoặc sử dụng sai mục đích.

TIÊU CHUẨN AN TOÀN VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HỌC SINH

Nghị định 151/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, đưa ra các quy định nghiêm ngặt về phương tiện vận chuyển trẻ em mầm non và học sinh. Các xe này phải được sơn màu vàng đậm nổi bật và gắn biển báo nhận diện ở mặt trước và hai bên xe, phía trên cửa sổ để dễ dàng nhận biết là xe chuyên dụng chở học sinh. Đối với các phương tiện kết hợp vận chuyển hành khách và đưa đón học sinh, yêu cầu về biển báo cũng được áp dụng tương tự. Quy định này nhằm nâng cao khả năng nhận diện và đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện chở trẻ em, học sinh.

Bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn trực quan và dễ nhận biết, nghị định góp phần giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông, đồng thời tăng cường ý thức trách nhiệm của các đơn vị vận tải và tài xế. Trong dài hạn, chính sách này có thể tạo ra một hệ thống vận chuyển học sinh an toàn và đáng tin cậy hơn, mang lại sự yên tâm cho phụ huynh và nhà trường.

QUY ĐỊNH XỬ LÝ CHỨNG KHOÁN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Nghị định 152/2024/NĐ-CP ban hành ngày 15/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, bổ sung khoản 5 vào Nghị định 62/2015/NĐ-CP, quy định chi tiết về xử lý chứng khoán trong thi hành án dân sự. Chấp hành viên có quyền ra quyết định phong tỏa chứng khoán, gửi đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt

Nam (VSDC) và các tổ chức liên quan. Trong vòng một ngày làm việc, VSDC phải thực hiện phong tỏa và thông báo lại cho cơ quan thi hành án.

Quy định này tạo cơ chế pháp lý rõ ràng để xử lý các tài sản chứng khoán niêm yết, đảm bảo hiệu quả trong thi hành các phán quyết dân sự, đặc biệt trong các tranh chấp tài chính. Bằng cách tận dụng cơ sở hạ tầng chứng khoán hiện đại, nghị định không chỉ rút ngắn thời gian xử lý mà còn tăng cường tính minh bạch và công bằng trong quá trình thực thi pháp luật. Chính sách này có thể khuyến khích niềm tin của các nhà đầu tư vào hệ thống tư pháp, đồng thời hỗ trợ giải quyết các tranh chấp tài sản phức tạp.

PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Nghị định 153/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 5/1/2025, thiết lập cơ chế thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo công thức $F = f + C$, trong đó 'f' là phí cố định 3.000.000 đồng/năm (hoặc 750.000 đồng/quý) và phí biến đổi của cơ sở xả khí thải (C) là tổng số phí biến đổi tại mỗi dòng khí thải (Ci) được xác định theo công thức sau: $C = \sum Ci$.

CI= CI (BỤI)+CI (SOX)+ CI (NOX) + CI (CO)

Quy định này áp dụng cho cả các cơ sở phải quan trắc khí thải và các cơ sở được miễn quan trắc, nhằm khuyến khích trách nhiệm môi trường và giảm thiểu ô nhiễm không khí. Việc áp dụng công thức tính phí cụ thể giúp đảm bảo tính công bằng, với các cơ sở phát thải lớn phải chịu chi phí cao hơn. Chính sách này phản ánh cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong dài hạn, nghị định có thể thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ CHO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Nghị định 154/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/1/2025, quy định chi tiết về đăng ký cư trú cho người chưa thành niên, đảm bảo thông tin cư trú được cập nhật chính xác và thống



nhất. Theo đó, cha, mẹ hoặc người giám hộ phải kê khai và xác nhận thông tin trong Tờ khai thay đổi thông tin cư trú khi đăng ký thường trú hoặc tạm trú cho trẻ tại nơi cư trú của họ. Trong trường hợp trẻ cư trú tại địa điểm khác hoặc được tòa án giao cho cha/mẹ nuôi dưỡng, người được giao trách nhiệm sẽ thực hiện thủ tục.

QUY ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẦU GIÁ BIỂN SỐ XE CƠ GIỚI

Nghị định 156/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định đầu giá biển số xe thông qua hình thức trực tuyến với phương thức trả giá lên. Giá khởi điểm cho biển số ô tô là 40 triệu đồng, tăng 5 triệu đồng mỗi ba năm kể từ ngày 1/1/2025, trong khi biển số xe máy có giá khởi điểm 5 triệu đồng, tăng 1 triệu đồng mỗi ba năm. Biển số đặc biệt (như AAAAA hoặc ABCDE) có giá khởi điểm cao hơn, lần lượt là 500 triệu đồng cho ô tô và 50 triệu đồng cho xe máy sau lần đầu giá thứ hai.

Quy định này không chỉ tạo nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước mà còn đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong phân bổ biển số xe.

Việc sử dụng hình thức đấu giá trực tuyến giúp tăng cường khả năng tiếp cận, giảm thiểu các hành vi tiêu cực và nâng cao hiệu quả quản lý hành chính.

QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO HỢP ĐỒNG

Nghị định 158/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định các điều kiện nghiêm ngặt cho kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Các phương tiện phải có Giấy phép kinh doanh vận tải, gắn phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG” tại vị trí quy định và niêm yết cùm từ này bằng vật liệu phản quang hoặc thiết bị điện tử với kích thước tối thiểu 6 x 20 cm. Quy định này nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, đảm bảo an toàn cho hành khách và tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc của các phương tiện vận tải. Bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn rõ ràng, nghị định không chỉ bảo vệ quyền lợi của hành khách mà còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vận tải hoạt động trong môi trường cạnh tranh công bằng. Trong bối cảnh nhu cầu vận tải hành khách ngày càng tăng, chính sách này có thể góp phần xây dựng một hệ thống vận tải đáng tin cậy, đáp ứng

nhu cầu đi lại của người dân.

ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE

Nghị định 160/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định các cơ sở đào tạo lái xe phải hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc cơ sở giáo dục. Quy định này đặt nền tảng cho việc chuẩn hóa chất lượng đào tạo, đảm bảo người lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và năng lực cần thiết để tham gia giao thông. Bằng cách yêu cầu các cơ sở đào tạo tuân thủ các tiêu chí nghiêm ngặt, nghị định góp phần giảm thiểu các rủi ro giao thông liên quan đến trình độ lái xe, từ đó nâng cao an toàn giao thông đường bộ. Trong dài hạn, chính sách này có thể tạo ra một thế hệ tài xế có ý thức và kỹ năng tốt hơn, hỗ trợ mục tiêu giảm tai nạn giao thông và xây dựng văn hóa giao thông văn minh tại Việt Nam.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TẠI HÀ NỘI

Nghị định 169/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định chi tiết cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhân dân phường tại Hà Nội. Mỗi ủy ban bao

gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (tối đa 02 cho phường loại I và II, 01 cho phường loại III) và các công chức phụ trách các lĩnh vực như quân sự, văn phòng, đô thị, tài chính, tư pháp và văn hóa - xã hội. Cơ cấu này được thiết kế để đáp ứng nhu cầu quản lý phức tạp của thủ đô, đảm bảo hiệu quả trong cung cấp dịch vụ công và giải quyết các vấn đề địa phương. Bằng cách xác định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí, nghị định hỗ trợ các phường hoạt động một cách đồng bộ, nâng cao năng lực quản lý và đáp ứng kỳ vọng của người dân. Trong bối cảnh Hà Nội đang phát triển nhanh chóng, chính sách này có thể góp phần xây dựng một hệ thống hành chính địa phương mạnh mẽ, linh hoạt và gần gũi với người dân.

CHÍNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM GIAO THÔNG THEO NGHỊ ĐỊNH MỚI

Nghị định 168/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, cập nhật mức phạt đối với các vi phạm giao thông nhằm tăng cường ý thức tuân thủ luật lệ. Một số điểm đáng chú ý như người điều khiển xe ô tô không thắt dây đai an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường; chở người trên xe ô tô không thắt dây đai an toàn (tại vị trí có trang bị dây đai an toàn) khi xe đang chạy sẽ bị phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Phạt tiền từ 4-6 triệu đồng đối với người điều khiển xe ô tô dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ; mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn; dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông...

Người điều ô tô đi ngược chiều sẽ bị phạt từ 18-20 triệu đồng. Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy đi ngược chiều, đi trên vỉa hè (trừ trường hợp điều khiển xe đi qua vỉa hè để vào nhà, cơ quan); không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông sẽ bị phạt tiền từ 4-6 triệu đồng.

Quy định này không chỉ nhằm răn đe các hành vi nguy hiểm mà còn khuyến khích người tham gia giao thông nâng cao ý thức trách nhiệm. Trong bối cảnh tai nạn giao thông

vẫn là một thách thức lớn, nghị định có thể góp phần giảm thiểu rủi ro, bảo vệ an toàn cho người dân và xây dựng một môi trường giao thông văn minh hơn.

QUẢN LÝ KINH PHÍ THU TỪ XỬ PHẠT GIAO THÔNG

Nghị định 176/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định việc quản lý kinh phí thu từ xử phạt vi phạm giao thông và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước. Nghị định xác định rõ các quy trình lập dự toán, sử dụng, quyết toán kinh phí và các nội dung chi tiêu, ưu tiên đầu tư cho các sáng kiến an toàn giao thông như cải thiện hạ tầng, tuyên truyền và đào tạo. Bằng cách đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý nguồn thu, nghị định không chỉ tăng cường niềm tin của công chúng vào hệ thống quản lý mà còn hỗ trợ các nỗ lực cải thiện an toàn giao thông.

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TẠI ĐÀ NẴNG

Nghị định 170/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định chi tiết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng, bao gồm hoạt động của Ủy ban Nhân dân quận, phường, trách nhiệm của các lãnh đạo và quản lý ngân sách, công chức. Quy định này được thiết kế để hỗ trợ Đà Nẵng phát triển thành một đô thị hiện đại, với hệ thống quản lý hiệu quả và linh hoạt. Bằng cách xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các cơ quan hành chính, nghị định đảm bảo cung cấp dịch vụ công chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Trong bối cảnh Đà Nẵng đang trở thành trung tâm kinh tế - du lịch lớn của đất nước, chính sách này có thể góp phần xây dựng một mô hình quản lý đô thị tiên tiến, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

TÀI XẾ PHẢI THI LẠI LÝ THUYẾT NẾU GIẤY PHÉP LÁI XE QUÁ HẠN 1 NGÀY

Thông tư 35/2024/TT-BGTVT có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định rằng người có giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE để quá thời hạn sử dụng

dưới 1 năm phải sát hạch lý thuyết theo quy định để cấp giấy phép lái xe; quá hạn từ 1 năm trở lên phải sát hạch lý thuyết lẫn thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp lại. Như vậy, trường hợp để giấy phép lái xe quá hạn dù chỉ 1 ngày thì phải thi lại lý thuyết.

XE MÁY PHẢI THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI ĐỊNH KỲ

Thông tư 47/2024/TT-BCA có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, quy định xe máy dưới 5 năm tuổi được miễn kiểm định khí thải, trong khi xe từ 5 đến 12 năm tuổi phải kiểm định hai năm một lần và xe trên 12 năm kiểm định hàng năm. Tuy nhiên, Đại diện Cục Đăng kiểm Việt Nam cho biết: thời gian, lộ trình thực hiện kiểm định khí thải mô tô, xe gắn máy sẽ thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường. Luật này do Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp cùng Bộ Giao thông vận tải xây dựng, trình Chính phủ ban hành quyết định lộ trình thực hiện kiểm định khí thải định kỳ với mô tô, xe gắn máy.

Hiện, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa trình dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) lên Chính phủ. Do còn chờ quyết định về lộ trình thực hiện nên việc kiểm định khí thải mô tô, xe gắn máy chưa thực hiện ngay từ 1/1/2025.

Quy định này nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí từ phương tiện giao thông, một vấn đề ngày càng nghiêm trọng tại các đô thị lớn. Bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn kiểm định khí thải, thông tư khuyến khích người dân bảo dưỡng xe thường xuyên, đồng thời hỗ trợ các nỗ lực bảo vệ môi trường. Trong dài hạn, chính sách này có thể góp phần cải thiện chất lượng không khí và nâng cao nhận thức cộng đồng về trách nhiệm môi trường.

ĐĂNG KÝ XE NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

Thông tư 79/2024/TT-BCA có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, cho phép Giám đốc Công an cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận đăng ký xe ngoài giờ hành chính, vào ngày nghỉ và lễ khi cần thiết. Quy định này nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính, đáp ứng nhu cầu thực

tế của người dân, đặc biệt tại các khu vực đông dân cư. Bằng cách cung cấp lịch trình linh hoạt, thông tư không chỉ giảm áp lực lên các cơ quan đăng ký mà còn nâng cao sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công. Trong bối cảnh nhu cầu đăng ký xe ngày càng tăng, chính sách này có thể góp phần xây dựng một hệ thống hành chính thân thiện, hiệu quả và đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của cộng đồng.

XÉT NGHIỆM MA TÚY TRONG KHÁM SỨC KHỎE LÁI XE

Thông tư 36/2024/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, yêu cầu xét nghiệm ma túy (Amphetamine, Marijuana, Morphine, Codeine, Heroin) khi khám sức khỏe lái xe, mở rộng so với yêu cầu hiện hành chỉ xét nghiệm bốn loại chất. Quy định này nhằm giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông do sử dụng chất kích thích, một vấn đề đang gây lo ngại trong an toàn giao thông. Bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn xét nghiệm nghiêm ngặt, quy định này nhằm đảm bảo an toàn cho những người tham gia giao thông khác.

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP

Thông tư 24/2024/TT-BTC hiệu lực từ ngày 1/1/2025, thay thế Thông tư 107/2017/TT-BTC, cập nhật chế độ kế toán cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Thông tư cung cấp hướng dẫn về lập báo cáo quyết toán, quản lý tài chính và các quy định liên quan, nhằm đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính công. Bằng cách chuẩn hóa các quy trình kế toán, thông tư hỗ trợ các cơ quan công quyền trong việc sử dụng nguồn lực một cách hợp lý, giảm thiểu rủi ro sai phạm tài chính.

SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ KIỂM LÂM VÀ BẢO VỆ RỪNG

Nghị định 159/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 2/2/2025, sửa đổi Nghị định 01/2019/NĐ-CP, cập nhật nhiệm vụ và quyền hạn của lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Kiểm lâm được yêu cầu thực hiện đúng chức trách, mặc

đồng phục, đeo cấp hiệu và có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, kiểm tra hiện trường và xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, kiểm tra hiện trường, áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, xử lý vi phạm pháp luật hình sự...

PHẠT 100 TRIỆU VỚI VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Nghị định 155/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/2/2025, quy định mức phạt tối đa 50 triệu đồng cho cá nhân và 100 triệu đồng cho tổ chức đối với các vi phạm trong lĩnh vực khí tượng thủy văn. Quy định này nhằm đảm bảo tính chính xác và kịp thời của thông tin khí tượng, một yếu tố quan trọng trong dự báo thời tiết và phòng chống thiên tai. Bằng cách áp dụng các biện pháp xử phạt nghiêm khắc, nghị định khuyến khích các tổ chức và cá nhân tuân thủ quy định, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ khí tượng thủy văn. Trong bối cảnh thiên tai ngày càng phức tạp, chính sách này có thể tác động tới các cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin đáng tin cậy, giúp giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thời tiết cực đoan gây ra.

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA CÔNG AN NHÂN DÂN

Nghị định 164/2024/NĐ-CP hiệu lực từ ngày 10/2/2025, quy định cơ quan thanh tra Công an Nhân dân hỗ trợ quản lý nhà nước về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Xác định chức năng và nhiệm vụ của cơ quan thanh tra, đảm bảo minh bạch và hiệu quả trong lực lượng công an.

Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn, cơ quan thanh tra Công an nhân dân giúp Thủ tướng Công an cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

tiến hành thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

PHẠT 200 TRIỆU ĐỒNG VỚI VI PHẠM KINH DOANH BẢO HIỂM

Nghị định 174/2024/NĐ-CP hiệu lực từ ngày 15/2/2025, mức phạt tối đa 100 triệu đồng cho cá nhân và 200 triệu cho tổ chức đối với các vi phạm lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Nghị định xác định rõ các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, nhằm đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong ngành bảo hiểm. Bằng cách áp dụng các mức phạt nghiêm khắc, nghị định bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm tuân thủ pháp luật. Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm đang phát triển nhanh chóng, chính sách này có thể góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, nâng cao niềm tin của khách hàng vào các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm.

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI

Nghị định 9/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/2/2025, quy định chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và chi phí sản xuất ban đầu cho nông dân bị thiệt hại do thiên tai hoặc dịch hại thực vật. Mức hỗ trợ cho nuôi trồng thủy sản dao động từ 15 triệu đồng/ha cho hình thức nuôi thông thường đến 60 triệu đồng/ha cho nuôi thâm canh trong ao. Quy định này nhằm khôi phục sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định đời sống cho nông dân.

QUY TRÌNH KỸ THUẬT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Thông tư 35/2024/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 3/2/2025, quy định quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại từ hộ gia đình và cá nhân. Thông tư bao gồm các quy trình cụ thể như thu gom thủ công, vận chuyển từ điểm tập kết đến cơ sở xử lý và vận hành các cơ sở tái chế hoặc chôn lấp hợp vệ sinh.



Quy định này nhằm cải thiện quản lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và thúc đẩy tái chế.

CÁC QUY TRÌNH KỸ THUẬT THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐƯỢC QUY ĐỊNH GỒM:

- Các quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: quy trình kỹ thuật thu gom thủ công chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm tập kết; quy trình kỹ thuật thu gom cơ giới chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận; quy trình kỹ thuật vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận, từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý; quy trình kỹ thuật vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý;

Quy trình kỹ thuật vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, điểm thu gom đến cơ sở xử lý hoặc điểm lưu giữ chất thải nguy hại; quy trình kỹ thuật vận chuyển nước thải phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến cơ sở xử lý; quy trình kỹ thuật vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt;

- Các quy trình kỹ thuật vận hành trạm phân loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt: quy trình kỹ thuật vận hành trạm phân loại chất

thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; quy trình kỹ thuật vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt sử dụng thiết bị ép; quy trình kỹ thuật vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt không sử dụng thiết bị ép;

- Các quy trình kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt: quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở xử lý chất thải thực phẩm thành mùn; quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh; quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở đốt chất thải rắn sinh hoạt thu hồi năng lượng để phát điện; quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở đốt chất thải rắn sinh hoạt không thu hồi năng lượng; quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở xử lý chất thải công kênh; quy trình kỹ thuật vận hành cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH MỘT CUỘC THANH TRA

Thông tư 08/2024/TT-TTCTP có hiệu lực từ ngày 3/2/2025, thay thế Thông tư 06/2021/TT-TTCTP, quy định chi tiết trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra. Thông tư hướng dẫn từ việc thu thập thông tin, ban hành quyết định thanh tra, đến triển khai và công bố kết quả. Quy định này

nhằm chuẩn hóa quy trình thanh tra, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong hoạt động giám sát hành chính.

Thông tư gồm có 04 chương, 27 điều, 51 mẫu văn bản. Một trong những điểm nhấn của Thông tư số 08/2024 là việc quy định cụ thể các mẫu văn bản trong hoạt động thanh tra.

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ THUẾ

Thông tư 86/2024/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 6/2/2025, quy định về đối tượng đăng ký thuế, bao gồm các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước không phải đăng ký qua cơ quan đăng ký kinh doanh.

Bộ Tài chính ban hành Thông tư 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 quy định về đăng ký thuế.

Trong đó, Điều 4 Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định về đối tượng đăng ký thuế như sau:

- Đối tượng đăng ký thuế bao gồm:

+ Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế thông qua cơ chế một cửa liên thông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế.

+ Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế.

- Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, bao gồm:

+ Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi là Tổ chức kinh tế).

+ Đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội, xã hội-ngề nghiệp hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký doanh nghiệp qua cơ quan đăng ký kinh doanh...❖

BBT (Tổng hợp)

HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM:

MỘT THẬP KỶ PHÁT TRIỂN VÀ TẦM NHÌN TƯƠNG LAI

Trong thập kỷ từ 2015 đến 2025, giáo dục Việt Nam đã trải qua những cải cách sâu rộng nhằm hiện đại hóa hệ thống, nâng cao chất lượng đào tạo, và đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 cũng như hội nhập quốc tế. Từ việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, ứng dụng công nghệ số, cải cách thi cử, đến phát triển giáo dục mầm non và đại học, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, hành trình này cũng đối mặt với không ít thách thức, bất bình đẳng vùng miền, áp lực thi cử, và sự thiếu đồng bộ trong triển khai.



CÁC THAY ĐỔI LỚN TRONG GIÁO DỤC VIỆT NAM (2015-2025)

1. Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông:

Một cột mốc quan trọng trong thập kỷ qua là việc triển khai Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, bắt đầu áp dụng từ năm học 2019-2020, thay thế chương trình cũ từ năm

2006. Chương trình này đánh dấu sự chuyển đổi từ tiếp cận truyền tải kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, với các thay đổi cụ thể như:

Giảm tải chương trình: Số môn học bắt buộc được tinh giản, tăng cường các môn tự chọn để học sinh có thể phát triển theo sở thích và năng lực

cá nhân. Ví dụ, ở bậc trung học, học sinh có thể chọn các tổ hợp môn phù hợp với định hướng nghề nghiệp.

Phát triển năng lực toàn diện:

Chương trình nhấn mạnh các kỹ năng thế kỷ 21, bao gồm tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, làm việc nhóm, và sử dụng công nghệ. Các môn học được thiết kế để khuyến khích học sinh tham gia vào

các dự án thực tế, như nghiên cứu khoa học hoặc hoạt động cộng đồng. Đối mới sách giáo khoa: Lần đầu tiên, Việt Nam cho phép nhiều bộ sách giáo khoa từ các nhà xuất bản khác nhau (như Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm) được sử dụng song song, thay vì chỉ một bộ duy nhất. Điều này nhằm khuyến khích sự đa dạng và sáng tạo trong giảng dạy, nhưng cũng gây tranh cãi về chất lượng sách và chi phí mua sách đối với các gia đình thu nhập thấp.

Giữ môn Lịch sử độc lập: Sau nhiều tranh luận vào năm 2015 về việc tích hợp môn Lịch sử và Địa lý, Quốc hội đã quyết định giữ môn Lịch sử như một môn học độc lập ở bậc trung học, nhằm bảo vệ giá trị văn hóa và giáo dục lòng yêu nước.

Tác động: Chương trình mới giúp học sinh phát triển toàn diện hơn, nhưng việc triển khai gặp khó khăn do thiếu giáo viên được đào tạo bài bản, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, và sự phản đối từ một số phụ huynh quen với mô hình học truyền thống.

2. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Sự phát triển của công nghệ số đã thay đổi diện mạo giáo dục Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 (2020-2022) buộc các trường học chuyển sang học trực tuyến. Các thay đổi chính bao gồm:

Học trực tuyến và nền tảng số: Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phát triển nền tảng, cung cấp hơn 100.000 tài liệu số, bài giảng, và bài kiểm tra trực tuyến, hỗ trợ học sinh và giáo viên, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục quốc gia cũng được triển khai từ năm 2018, giúp số hóa thông tin quản lý trường học, từ điểm số đến hồ sơ học sinh.

Số liên lạc điện tử: Các ứng dụng như **Vnedu** đã thay thế sổ liên lạc giấy truyền thống, cho phép phụ huynh nhận thông báo về điểm số, lịch học, và hoạt động của học sinh qua điện thoại. Đến năm 2025, hơn 90% trường học đô thị đã áp dụng các hệ thống này.

Công nghệ trong lớp học: Các

trường học, đặc biệt ở bậc mầm non và tiểu học, đầu tư vào bảng tương tác thông minh, máy chiếu, và phần mềm học tập tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI).

Đào tạo trực tuyến cho giáo viên: Các khóa học bồi dưỡng trực tuyến trên nền tảng chương trình Phát triển Giáo viên đã đào tạo hàng chục nghìn giáo viên về phương pháp giảng dạy mới và sử dụng công nghệ.

Thách thức: Chuyển đổi số tạo ra khoảng cách giữa các khu vực. Các trường ở thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM có điều kiện áp dụng công nghệ, trong khi các trường ở vùng nông thôn, miền núi thiếu thiết bị và kết nối internet. Ngoài ra, nhiều giáo viên lớn tuổi gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ, dẫn đến hiệu quả không đồng đều.

3. CẢI CÁCH KỲ THI VÀ TUYỂN SINH

Hệ thống thi cử và tuyển sinh đã được cải cách để giảm áp lực cho học sinh và tăng tính công bằng:

Kỳ thi THPT Quốc gia (2015-2020): Từ năm 2015, kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học được gộp thành một, với hình thức trắc nghiệm khách quan cho hầu hết các môn (trừ Ngữ văn) từ năm 2017. Các bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) và Khoa học Xã hội (Lịch sử, Địa lý, Giáo dục Công dân) được giới thiệu để giảm số môn thi, giúp học sinh tập trung hơn.

Tự chủ tuyển sinh đại học: Từ năm 2020, các trường đại học được phép sử dụng nhiều phương thức tuyển sinh, bao gồm xét điểm thi THPT, học bạ, chứng chỉ quốc tế (như IELTS, SAT), hoặc kỳ thi đánh giá năng lực riêng (do Đại học Quốc gia Hà Nội và TP.HCM tổ chức). Điều này giúp giảm phụ thuộc vào một kỳ thi duy nhất, nhưng gây khó khăn cho học sinh trong việc lựa chọn phương thức phù hợp.

Định hướng phân luồng: Nhận thấy tỷ lệ cử nhân thất nghiệp cao (khoảng 200.000 người vào năm 2015), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thúc đẩy phân luồng học sinh sang học nghề hoặc cao đẳng. Đến năm 2025, khoảng 75-90% học viên trường nghề tìm được việc làm ngay sau tốt nghiệp, đặc biệt

trong các ngành như cơ khí, công nghệ thông tin, và dịch vụ.

Thách thức: Dù có cải tiến, áp lực thi cử vẫn tồn tại do tâm lý “phải vào đại học” của phụ huynh và học sinh. Tình trạng học thêm tràn lan và chi phí chuẩn bị cho các kỳ thi vẫn là gánh nặng cho nhiều gia đình.

4. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON

Giáo dục mầm non đã có những bước tiến vượt bậc, đặc biệt trong việc cải thiện chất lượng và tiếp cận:

Chương trình giáo dục tiên tiến: Nhiều trường mầm non tư thục và quốc tế tích hợp các phương pháp giáo dục từ Anh, Mỹ, hoặc Phần Lan, tập trung vào phát triển sáng tạo, kỹ năng xã hội, và cá nhân hóa học tập.

Đầu tư cơ sở vật chất: Các trường mầm non, đặc biệt ở khu vực đô thị, được trang bị phòng học hiện đại, khu vui chơi ngoài trời, và thiết bị hỗ trợ như bảng tương tác thông minh. Ở khu vực nông thôn, các chương trình hỗ trợ của chính phủ đã xây dựng thêm hàng nghìn lớp học mới.

Tăng tỷ lệ trẻ đến trường: Nhờ các chính sách miễn học phí và hỗ trợ tài chính, tỷ lệ trẻ em 3-5 tuổi đến trường mầm non tăng từ 85% năm 2015 lên gần 95% vào năm 2025, đặc biệt ở các tỉnh miền núi như Lào Cai, Điện Biên.

Thách thức: Chất lượng giáo dục mầm non vẫn chênh lệch giữa khu vực công và tư, cũng như giữa thành thị và nông thôn. Thiếu giáo viên mầm non đạt chuẩn và chi phí học tại các trường quốc tế cao là những rào cản lớn.

5. TỰ CHỦ ĐẠI HỌC VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Giáo dục đại học đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế:

Tự chủ đại học: Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 trao quyền tự chủ lớn hơn cho các trường về tài chính, chương trình đào tạo, và tuyển sinh. Đến năm 2025, hơn 50 trường đại học lớn, như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, và Đại học Kinh tế Quốc dân, đã triển



khai mô hình tự chủ, cải thiện chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

Đào tạo theo nhu cầu xã hội: Các trường đại học hợp tác với doanh nghiệp để thiết kế chương trình đào tạo thực tiễn, tập trung vào các ngành công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật, và logistics. Ví dụ, Đại học FPT và Đại học VinUni đã tiên phong trong việc đào tạo nhân lực cho các ngành công nghiệp 4.0.

Quốc tế hóa giáo dục: Số lượng chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế tăng đáng kể, từ 104 chương trình năm 2018 lên hơn 300 chương trình vào năm 2025, theo tiêu chuẩn AUN-QA (Mạng lưới các trường đại học ASEAN) và ABET (Hoa Kỳ). Các trường cũng tăng cường trao đổi sinh viên và hợp tác nghiên cứu với các tổ chức quốc tế như UNESCO và Ngân hàng Thế giới.

Thách thức: Tự chủ đại học dẫn đến xu hướng thương mại hóa, với học phí tăng cao (ví dụ, học phí tại Đại học VinUni lên đến 800 triệu đồng/năm), gây khó khăn cho sinh viên từ gia đình thu nhập thấp. Ngoài ra, chất lượng đào tạo vẫn chưa đồng đều giữa các trường top đầu và các trường địa phương.

6. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO VIÊN VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đã được chú trọng đào tạo để đáp ứng yêu cầu đổi mới:

Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên: Hơn 1,2 triệu giáo viên đã tham gia các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng công nghệ, và đánh giá năng lực học sinh thông qua chương trình **Etep** và các khóa học trực tuyến. Giáo viên được khuyến khích áp dụng các phương pháp như dạy học dự án, học tập trải nghiệm, và dạy học phân hóa.

Chuẩn hóa trình độ: Luật Giáo dục 2019 yêu cầu giáo viên mầm non phải có trình độ cao đẳng trở lên, giáo viên tiểu học cần bằng cử nhân. Đến năm 2025, hơn 95% giáo viên đạt chuẩn theo quy định, so với 80% vào năm 2015.

Cải cách quản lý giáo dục: Các trường học áp dụng phần mềm quản lý như **SMAS**, và **Vnedu** để giảm gánh nặng hành chính, giúp giáo viên tập trung vào giảng dạy. Các sở giáo dục cũng sử dụng dữ liệu lớn (big data) để phân tích hiệu quả học tập và phân bổ nguồn lực.

Thách thức: Mức lương giáo viên, đặc biệt ở bậc mầm non và tiểu học,

vẫn thấp (trung bình 5-8 triệu đồng/tháng ở khu vực công), dẫn đến tình trạng thiếu hụt giáo viên và chảy máu chất xám sang khu vực tư nhân.

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC THAY ĐỔI Thành tựu:

Tăng cường tiếp cận giáo dục: Tỷ lệ trẻ em đi học ở bậc tiểu học đạt gần 99%, trung học cơ sở đạt 92%, và trung học phổ thông đạt 80% vào năm 2025, so với lần lượt 97%, 85%, và 70% vào năm 2015.

Nâng cao chất lượng: Việt Nam duy trì vị trí cao trong Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế (**PISA**) vào các năm 2015 và 2018, vượt qua nhiều nước phát triển ở các môn Toán, Khoa học, và Đọc hiểu, nhờ cải cách chương trình và phương pháp giảng dạy.

Hội nhập quốc tế: Các trường đại học Việt Nam bắt đầu xuất hiện trên các bảng xếp hạng quốc tế như QS World University Rankings, với Đại học Quốc gia Hà Nội và TP.HCM nằm trong top 1000 thế giới vào năm 2025.

Chuyển đổi số thành công: Công nghệ số giúp duy trì học tập trong đại dịch COVID-19 và hỗ trợ giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, với hơn 70% trường học có kết nối internet vào năm 2025.

THÁCH THỨC:

Bất bình đẳng vùng miền: Các khu vực nông thôn, miền núi vẫn thiếu cơ sở vật chất, giáo viên chất lượng, và kết nối công nghệ, dẫn đến chênh lệch về kết quả học tập giữa thành thị và nông thôn.

Áp lực thi cử và học thêm: Dù có cải cách, học sinh vẫn chịu áp lực từ kỳ thi THPT và tâm lý “phải vào đại học”, với chi phí học thêm ước tính hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm.

Thiếu đồng bộ trong cải cách: Các cải cách giáo dục thường mang tính thử nghiệm và thiếu một triết lý giáo dục thống nhất, dẫn đến sự chắp vá trong triển khai.

Kháng cự với đổi mới: Một số giáo viên, phụ huynh, và học sinh chưa sẵn sàng chuyển sang mô hình học tập số hoặc phương pháp giảng dạy mới, do thiếu kỹ năng hoặc tâm lý bảo thủ.

GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục phát triển giáo dục Việt Nam và khắc phục các thách thức, cần triển khai các giải pháp đồng bộ sau:

Xây dựng triết lý giáo dục thống nhất: Thiết lập một triết lý giáo dục rõ ràng, kết hợp giá trị văn hóa Việt Nam với các tiêu chuẩn quốc tế, làm nền tảng cho mọi cải cách. Ví dụ,

nhấn mạnh giáo dục toàn diện, vừa phát triển trí tuệ, vừa nuôi dưỡng lòng yêu nước và trách nhiệm xã hội.

Đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ: Tăng ngân sách giáo dục (hiện chiếm khoảng 20% ngân sách quốc gia) để xây dựng trường lớp, cung cấp thiết bị công nghệ, và cải thiện kết nối internet ở vùng sâu, vùng xa. Các chương trình hỗ trợ như “Sóng và Máy tính cho em” cần được mở rộng.

Đơn giản hóa quản lý và giảm áp lực thi cử: Sử dụng công nghệ để giảm gánh nặng hành chính cho giáo viên, đồng thời đa dạng hóa phương thức đánh giá học sinh như dự án, bài thuyết trình để thay thế các kỳ thi truyền thống.

Nâng cao chất lượng giáo viên: Tăng lương giáo viên (mục tiêu đạt 10-15 triệu đồng/tháng cho giáo viên công lập), mở rộng các chương trình đào tạo quốc tế, và khuyến khích giáo viên trẻ làm việc ở vùng khó khăn thông qua chính sách hỗ trợ nhà ở, phụ cấp.

Thúc đẩy phân luồng và hướng nghiệp: Xây dựng hệ thống tư vấn nghề nghiệp từ bậc THCS, tăng đầu tư vào các trường nghề, và truyền thông để thay đổi quan niệm “phải học đại học”. Mục tiêu là đạt 30%

học sinh học nghề sau THCS vào năm 2030.

Hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm: Học hỏi mô hình giáo dục từ các nước như Phần Lan (dạy học cá nhân hóa), Singapore (phân luồng hiệu quả), và Hàn Quốc (chuyển đổi số). Hợp tác với các tổ chức như UNESCO, OECD, và Ngân hàng Thế giới để cải thiện chất lượng nghiên cứu và giảng dạy.

Tăng cường nhận thức cộng đồng: Tổ chức các chiến dịch truyền thông để phụ huynh và học sinh hiểu rõ lợi ích của chương trình giáo dục mới, công nghệ số, và phân luồng nghề nghiệp. Các hội thảo cộng đồng và chương trình truyền hình có thể được sử dụng để lan tỏa thông điệp.

KẾT LUẬN:

10 năm qua, giáo dục Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể, từ đổi mới chương trình phổ thông, ứng dụng công nghệ số, đến hội nhập quốc tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Những cải cách này cải thiện tiếp cận giáo dục và đưa Việt Nam lên bản đồ giáo dục toàn cầu. Tuy nhiên, các thách thức như bất bình đẳng vùng miền, áp lực thi cử, và thiếu đồng bộ vẫn đòi hỏi sự đầu tư dài hạn và quyết tâm chính trị.

Hành trình đổi mới giáo dục là chuyển của thập kỷ và là nền tảng để xây dựng một thế hệ trẻ sáng tạo, tự tin, và sẵn sàng cho thách thức của tương lai. Với tầm nhìn và các giải pháp đồng bộ, Việt Nam có thể biến giáo dục thành động lực chính cho sự phát triển bền vững của đất nước.❖ **TUẤN HƯNG**



Tài liệu tham khảo:

Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018. Các nguồn web về cải cách giáo dục Việt Nam (moet.gov.vn, vnexpress.net). Báo cáo PISA 2015, 2018 của OECD. Luật Giáo dục 2019 và Luật Giáo dục Đại học sửa đổi 2018.

NGHỊ ĐỊNH 168/2024/ND-CP

TĂNG CƯỜNG XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH NHẪM ĐẢM BẢO TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TẠI VIỆT NAM

Trong bối cảnh tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại Việt Nam ngày càng trở nên phức tạp, đặc biệt tại các đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 168/2024/NĐ-CP vào ngày 26/12/2024. Nghị định này quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, thay thế Nghị định 100/2019/NĐ-CP và các sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP.



Với các chế tài nghiêm khắc hơn, gồm tăng mức phạt tiền và áp dụng cơ chế trừ điểm giấy phép lái xe, nghị định nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, giảm tai nạn giao thông, hạn chế ùn tắc và xây dựng văn hóa giao thông,

an toàn. Sau một tháng triển khai, từ ngày 1/1/2025 đến 31/1/2025, nghị định đã mang lại những chuyển biến tích cực, với số vụ tai nạn giao thông giảm đáng kể và ý thức chấp hành pháp luật của người dân được nâng cao rõ rệt. Bài viết này phân tích các

quy định chính của nghị định, bối cảnh ra đời, kết quả bước đầu sau một tháng thực thi, những thách thức trong triển khai và tác động đối với an toàn giao thông và phát triển xã hội.

BỐI CẢNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TẠI VIỆT NAM

Thực trạng giao thông đường bộ tại Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy những thách thức nghiêm trọng đối với an toàn công cộng. Theo thống kê từ Cục Cảnh sát Giao thông (CSGT), trong năm 2023, cả nước ghi nhận hơn 14.000 vụ tai nạn giao thông, tăng 10% so với năm trước, trong đó hơn 6.000 vụ được xếp vào loại nghiêm trọng. Năm 2024, tai nạn giao thông đã cướp đi sinh mạng của khoảng 10.000 người, phản ánh mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Các hành vi vi phạm phổ biến bao gồm không tuân thủ tín hiệu đèn giao thông, chạy quá tốc độ, lạng lách, đánh võng, điều khiển phương tiện sau khi sử dụng rượu bia, sử dụng ma túy, chở quá tải trọng, và không đội mũ bảo hiểm. Những hành vi này không chỉ đe dọa tính mạng, tài sản của người tham gia giao thông mà còn gây ra các hệ lụy kinh tế - xã hội nghiêm trọng, như gánh nặng cho hệ thống y tế, an sinh xã hội, và cản trở sự phát triển bền vững của đất nước. Sự gia tăng tai nạn giao thông, đặc biệt tại các đô thị lớn với mật độ phương tiện cao đòi hỏi các biện pháp quản lý mạnh mẽ hơn. Trong bối cảnh đó, Nghị định 168/2024/NĐ-CP được ban hành nhằm tăng cường chế tài xử phạt, răn đe các hành vi vi phạm, đồng thời thúc đẩy ý thức tự giác của người dân khi tham gia giao thông. Nghị định không chỉ tập trung vào xử phạt mà còn hướng tới việc xây dựng một môi trường giao thông an toàn, hiện đại và văn minh, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

CÁC QUY ĐỊNH NỔI BẬT CỦA NGHỊ ĐỊNH 168/2024/NĐ-CP

Nghị định 168/2024/NĐ-CP điều chỉnh mức xử phạt đối với nhiều hành vi vi phạm giao thông, với các thay đổi đáng chú ý nhằm tăng tính răn đe và phù hợp với tình hình thực tiễn. Dưới đây là một số quy định chính:

TĂNG MỨC PHẠT ĐỐI VỚI VI PHẠM TÍN HIỆU GIAO THÔNG

Hành vi không chấp hành hiệu lệnh

của đèn tín hiệu giao thông hoặc hướng dẫn của người điều khiển giao thông bị xử phạt nghiêm khắc hơn. Đối với người điều khiển ô tô, mức phạt tăng từ 4 - 6 triệu đồng lên 18-20 triệu đồng, kèm theo trừ 4 điểm giấy phép lái xe. Đối với người điều khiển mô tô, xe gắn máy, mức phạt tăng từ 800 - 1 triệu đồng lên 4 - 6 triệu đồng. Những điều chỉnh này nhằm giảm thiểu các hành vi gây rối loạn trật tự giao thông, vốn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn và ùn tắc.

XỬ PHẠT NGHIÊM KHẮC VI PHẠM NỒNG ĐỘ CỒN

Hành vi điều khiển phương tiện sau khi sử dụng rượu bia là một trọng tâm của nghị định. Đối với người điều khiển ô tô có nồng độ cồn từ 0,25 mg đến 0,4 mg/lít khí thở hoặc 50 mg đến 80 mg/100 ml máu, mức phạt tăng từ 16 - 18 triệu đồng lên 18 - 20 triệu đồng, kèm theo tước giấy phép lái xe từ 16 - 18 tháng. Nếu nồng độ cồn vượt quá 0,4 mg/lít khí thở hoặc 80 mg/100 ml máu, mức phạt lên đến 30 - 40 triệu đồng, tước giấy phép lái xe từ 22 - 24 tháng. Đối với người điều khiển xe máy, mức phạt vi phạm nồng độ cồn dao động từ 2 - 10 triệu đồng, tùy thuộc vào mức độ vi phạm. Quy định này củng cố thông điệp “Uống rượu bia không lái xe”, góp phần giảm các vụ tai nạn liên quan đến rượu bia.

XỬ LÝ VI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY, TỐC ĐỘ, VÀ QUÁ TẢI

Nghị định cũng siết chặt xử phạt đối với các hành vi điều khiển phương tiện khi trong cơ thể có chất ma túy, với mức phạt lên đến 30 - 40 triệu đồng cho người điều khiển ô tô và tước giấy phép lái xe từ 22 - 24 tháng. Vi phạm tốc độ cũng bị xử lý nghiêm, cụ thể chạy quá tốc độ từ 10 km/h đến dưới 20 km/h bị phạt 4 - 6 triệu đồng, quá 20 km/h bị phạt 6 - 8 triệu đồng. Đối với hành vi chở quá tải trọng, quá khổ, hoặc coi nói thành thùng, mức phạt dao động từ 4 - 8 triệu đồng, tùy theo mức độ vi phạm, nhằm hạn chế nguy cơ tai nạn và hư hỏng hạ tầng giao thông.

QUY ĐỊNH VỀ MŨ BẢO HIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN PHƯƠNG TIỆN

Người điều khiển mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ không cài quai đúng quy cách bị phạt từ 400.000 - 600.000 đồng. Các vi phạm liên quan đến điều kiện phương tiện, như không có gương chiếu hậu, đèn soi biển số, hoặc đèn báo hãm, cũng bị phạt ở mức tương tự. Những quy định này nhằm đảm bảo các phương tiện lưu thông đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, giảm thiểu rủi ro tai nạn.

CƠ CHẾ TRỪ ĐIỂM GIẤY PHÉP LÁI XE

Một điểm mới quan trọng của nghị định là áp dụng cơ chế trừ điểm giấy





phép lái xe. Ví dụ, vượt đèn đỏ bị trừ 4 điểm, không chấp hành hiệu lệnh của CSGT bị trừ 5 điểm, và các hành vi gây tai nạn nghiêm trọng có thể bị trừ đến 10 điểm. Khi giấy phép lái xe bị trừ hết 12 điểm, người vi phạm phải tham gia khóa học và thi lại lý thuyết sát hạch để phục hồi điểm. Cơ chế này nhằm tăng tính răn đe và khuyến khích người lái xe tuân thủ luật giao thông.

KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU SAU MỘT THÁNG THỰC THI

Sau một tháng triển khai Nghị định 168/2024/NĐ-CP (từ 1/1/2025 đến 31/1/2025), tình hình trật tự, an toàn giao thông tại Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực rõ rệt, được ghi nhận qua các số liệu từ Cục CSGT và các địa phương lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo thống kê, từ ngày 1/1/2025 đến 31/1/2025, cả nước xảy ra 1.702 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 917 người chết và 1.163 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2024, số vụ tai nạn giảm 26,29%, số người chết giảm 1,72%, và số người bị thương giảm 37,71%. So với tháng liền kề trước đó, số vụ giảm 18,25%, số người chết giảm 9,83%, và số người bị thương giảm 20,12%. Đặc biệt, trong 9 ngày nghỉ Tết Nguyên đán Ất Ty 2025, số vụ tai nạn giảm 36,69%, số người chết giảm 37,61%, và số người bị thương giảm 38,34% so với Tết Giáp Thìn 2024. Ngành y tế cũng ghi nhận số ca

khám cấp cứu nghi do tai nạn giao thông giảm 11%, số ca tử vong giảm 28,9%, và số ca mổ cấp cứu giảm đáng kể. Những con số này cho thấy hiệu quả bước đầu của nghị định trong việc kiểm soát tai nạn giao thông.

Cũng trong tháng đầu tiên, lực lượng CSGT toàn quốc đã xử lý 327.349 trường hợp vi phạm, phạt tiền hơn 917,289 tỷ đồng, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 27.820 trường hợp, và trừ điểm 28.762 giấy phép lái xe. So với tháng liền kề trước, tổng số vi phạm giảm 12,8% (48.160 trường hợp). Các vi phạm cụ thể giảm như sau:

- Vi phạm nồng độ cồn: 70.426 trường hợp, giảm 13% (10.484 trường hợp).
- Vi phạm tốc độ: 73.043 trường hợp, giảm 2,1% (1.545 trường hợp).
- Sử dụng ma túy khi lái xe: 589 trường hợp, giảm 21,5% (161 trường hợp).
- Chở quá tải trọng, quá khổ: 4.531 trường hợp, giảm 44% (3.564 trường hợp).
- Không đội mũ bảo hiểm: 33.193 trường hợp, giảm 23,8% (10.362 trường hợp).
- Vượt đèn đỏ: 5.106 trường hợp, giảm 36,7% (2.957 trường hợp).

Những số liệu này phản ánh ý thức chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng cao, đặc biệt ở các đô thị lớn. Tại Hà Nội, từ ngày 1/1/2025 đến 31/1/2025, lực lượng CSGT xử lý 5.654 trường hợp vi phạm, phạt hơn 14,3 tỷ đồng, tạm giữ 1.679 phương tiện, và tước 190 giấy phép lái xe. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, 11.830

trường hợp vi phạm được xử lý, với tổng số tiền phạt khoảng 42,5 tỷ đồng, tạm giữ 4.333 phương tiện, và tước 2.091 giấy phép lái xe.

Một trong những thành công nổi bật của nghị định là thay đổi hành vi tham gia giao thông. Người dân đã tuân thủ nghiêm chỉnh hiệu lệnh đèn tín hiệu, xếp hàng trật tự tại các nút giao, và hạn chế các hành vi như chen lấn, dừng đỗ sai quy định. Tình trạng ùn tắc giao thông chỉ xuất hiện cục bộ và được giải quyết nhanh chóng sau 2 - 3 nhịp đèn tín hiệu.

Nhìn thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, tối ngày 5/1/2025, sau chiến thắng của Đội tuyển Việt Nam tại trận chung kết lượt về ASEAN Cup 2024, người dân đổ ra đường ăn mừng nhưng không ghi nhận trường hợp vượt đèn đỏ, thể hiện ý thức chấp hành được cải thiện đáng kể. Tương tự, tại Hà Nội, các hành vi như đi trên vỉa hè, đi ngược chiều, hay không đội mũ bảo hiểm đã giảm rõ rệt, đặc biệt ở các khu vực đông đúc như đường Nguyễn Xiển.

KINH NGHIỆM TỪ CÁC QUY ĐỊNH TRƯỚC ĐÓ

Việc thực thi Nghị định 100/2019/NĐ-CP và đặc biệt trong lĩnh vực xử lý vi phạm nồng độ cồn đã mang lại những bài học quý giá. Nghị định này đã góp phần hình thành thói quen “đã uống rượu bia, không điều khiển phương tiện” trong một bộ phận người dân, dẫn đến sự giảm đáng kể các vụ tai nạn liên quan đến rượu bia. Thành công này là minh chứng cho hiệu quả của việc kết hợp chế tài nghiêm khắc với các chiến dịch tuyên truyền và thực thi pháp luật đồng bộ.

Kinh nghiệm từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP cho thấy rằng, để Nghị định 168/2024/NĐ-CP phát huy hiệu quả lâu dài, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, sự tham gia tích cực của cộng đồng, và các chương trình giáo dục nâng cao nhận thức. Các chiến dịch tuyên truyền cần được đẩy mạnh, sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng và các hoạt động tại chỗ để tiếp cận cả khu vực đô thị và nông thôn. Mặc dù đạt được những kết

quả khả quan, việc triển khai Nghị định 168/2024/NĐ-CP đối mặt với một số thách thức.

Việc kiểm soát và xử lý vi phạm đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, đặc biệt là lực lượng CSGT. Cục CSGT đã chỉ đạo tăng cường sử dụng hệ thống giám sát, camera cầm tay và camera đeo trên người để ghi hình, tuyên truyền và xử lý vi phạm, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Tuy nhiên, ở một số khu vực, đặc biệt trong giờ cao điểm hoặc nơi không có CSGT, các hành vi vi phạm như đi trên vỉa hè, đi ngược chiều vẫn xảy ra, như tại đường Nguyễn Xiển, Hà Nội. Điều này đòi hỏi tăng cường lắp đặt camera giám sát và nâng cao năng lực tuần tra của lực lượng chức năng.

Một số bất cập về hạ tầng giao thông đã bộc lộ trong quá trình thực thi nghị định. Ví dụ, tại giao lộ Nguyễn Hữu Cánh – Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh, một sự cố đèn tín hiệu giao thông chuyển đỏ bất ngờ khiến hơn 10 phương tiện vi phạm, nhưng CSGT đã không xử phạt do lỗi kỹ thuật. Tương tự, việc thiếu làn dừng khẩn cấp trên các tuyến cao tốc gây khó khăn cho CSGT tiếp cận hiện trường tai nạn, làm gia tăng nguy cơ ùn tắc. Ngoài ra, tình trạng lấn chiếm lòng lề đường, trông giữ xe trái phép vẫn tồn tại, cản trở giao thông tại các đô thị lớn.

Để giải quyết, Cục CSGT đã đề xuất tham mưu cho Bộ Công an chỉ đạo các địa phương rà soát và hoàn thiện hạ tầng giao thông, bổ sung biển báo, kẻ vạch phân làn, và sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu. Việc khôi phục hoặc mở rộng hệ thống đồng hồ đếm ngược tín hiệu đèn cũng được khuyến nghị để hỗ trợ người dân tuân thủ tốt hơn.

Mặc dù ý thức chấp hành đã cải thiện, một bộ phận người dân vẫn mang tâm lý đối phó hoặc chưa quen với mức phạt mới. Một số người bị xử phạt cho biết số tiền phạt như 5 triệu đồng khi vượt đèn đỏ gần bằng cả tháng lương, gây tâm lý “choáng váng”. Ngoài ra, quy định cấm ghi hình CSGT khi làm nhiệm vụ đã gây tranh luận, với một số ý kiến lo ngại về tính minh bạch, trong khi lực lượng chức năng cho rằng quy định này giúp bảo vệ người thi hành công vụ khỏi quấy rối.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Nghị định 168/2024/NĐ-CP không chỉ là công cụ pháp lý để xử lý vi phạm mà còn là bước tiến quan trọng trong việc xây dựng môi trường giao thông an toàn, văn minh. Với các chế tài nghiêm khắc và cơ chế trừ điểm giấy phép lái xe, nghị định đã chứng minh hiệu quả bước đầu trong việc giảm tai nạn giao thông và nâng cao ý thức chấp hành.

Về lâu dài, những cải thiện trong an toàn giao thông sẽ mang lại lợi ích kinh tế và xã hội đáng kể. Một hệ thống giao thông an toàn giúp giảm chi phí liên quan đến tai nạn, giảm áp lực lên hệ thống y tế, và nâng cao chất lượng cuộc sống. Theo thống kê, nguồn thu từ xử phạt (hơn 917 tỷ đồng trong tháng đầu) sẽ được sử dụng để đầu tư hạ tầng giao thông, trang thiết bị, và công nghệ giám sát, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

Ngoài ra, việc hình thành văn hóa giao thông văn minh, với thói quen tuân thủ đèn tín hiệu, đội mũ bảo hiểm, và không lái xe sau khi uống rượu bia, sẽ nâng cao hình ảnh Việt

Nam như một quốc gia hiện đại, phát triển bền vững. Sự đánh giá cao từ khách quốc tế về sự chấp hành của người dân là minh chứng cho tiềm năng này.

Tuy nhiên, để đạt được những mục tiêu này cần sự đồng hành của toàn xã hội. Lực lượng CSGT cần duy trì tính minh bạch và nhất quán trong thực thi pháp luật, tránh lạm quyền hoặc tiêu cực. Người dân cần chủ động tuân thủ và ủng hộ các quy định mới, đồng thời tham gia giám sát để đảm bảo công bằng. Sự phối hợp giữa các bên sẽ là chìa khóa để biến nghị định thành công cụ hiệu quả, tạo nên một hệ thống giao thông an toàn, hiện đại.

KẾT LUẬN

Nghị định 168/2024/NĐ-CP đánh dấu một bước tiến quan trọng trong nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm giải quyết các thách thức về an toàn giao thông đường bộ. Với các quy định xử phạt nghiêm khắc, cơ chế trừ điểm giấy phép lái xe, và sự hỗ trợ từ công nghệ giám sát, nghị định đã mang lại những kết quả tích cực chỉ sau một tháng triển khai, với số vụ tai nạn giao thông giảm đáng kể và ý thức chấp hành của người dân được nâng cao. Tuy nhiên, để duy trì và phát huy hiệu quả, cần khắc phục các bất cập về hạ tầng giao thông, tăng cường tuyên truyền, và đảm bảo thực thi pháp luật công bằng, minh bạch. Với sự đồng lòng của các cơ quan chức năng, doanh nghiệp, và cộng đồng, Nghị định 168/2024/NĐ-CP hứa hẹn sẽ góp phần xây dựng một nền giao thông văn minh, an toàn, thúc đẩy sự phát triển bền vững của Việt Nam trong tương lai. ❖

ANH TUẤN

Tài liệu tham khảo:

- Nghị định số 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.
- Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.
- Lê Sơn, “Sau 1 tháng thực hiện Nghị định 168: Nâng cao ý thức, giảm tai nạn” - 2025, Cổng TTĐT Chính Phủ, truy cập ngày 8/2/2025.
- Chu Thanh Vân, “Sau 1 tuần thực hiện quy định mới về xử phạt vi phạm giao thông: Tình trạng “nhờn” luật đã giảm” - 2025, TTXVN, truy cập ngày 8/2/2025.



NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ:

TẦM NHÌN ĐỘT PHÁ

Thế giới ngày nay đang chứng kiến một thời kỳ biến đổi chưa từng có trong lịch sử nhân loại – thời đại của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Với nền tảng là sự hội tụ và tích hợp sâu rộng giữa các công nghệ số, vật lý và sinh học, cuộc cách mạng này không chỉ làm thay đổi diện mạo kinh tế toàn cầu mà còn tái định hình cách con người sống, làm việc và tương tác với nhau. Trong bối cảnh đó, việc nhận diện đúng xu thế, nắm bắt kịp thời cơ hội và chủ động thích ứng với những thách thức mang tính toàn cầu là yêu cầu sống còn đối với mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, điều đó càng cấp bách hơn bao giờ hết trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững.

Nhận thức rõ vai trò then chốt của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn mới, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về “Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ

phát triển kinh tế - xã hội”. Đây không chỉ là văn kiện chỉ đạo có tính định hướng chiến lược mà còn là lời hiệu triệu thể hiện khát vọng lớn lao và tầm nhìn dài hạn của Đảng ta trong việc đưa đất nước vươn lên mạnh mẽ trong

kỷ nguyên số. Nghị quyết thể hiện sự chủ động, tư duy đổi mới và quyết tâm chính trị sâu sắc trong công cuộc xây dựng một Việt Nam hiện đại, sáng tạo và có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2045: HƯỚNG ĐẾN MỘT VIỆT NAM PHÁT TRIỂN, CÓ THU NHẬP CAO

Một điểm nhấn quan trọng và nổi bật trong Nghị quyết số 57-NQ/TW là tầm nhìn toàn diện và dài hạn mà Đảng đề ra cho đất nước đến năm 2045. Theo đó, Việt Nam phấn đấu trở thành một quốc gia phát triển, có thu nhập cao, trong đó khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữ vai trò then chốt, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng nhanh và bền vững. Đặc biệt, Nghị quyết

đặt ra mục tiêu cụ thể: đến năm 2045, kinh tế số sẽ chiếm ít nhất 50% GDP, Việt Nam trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới, và nằm trong nhóm 30 quốc gia dẫn đầu toàn cầu về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đây không chỉ là những mục tiêu mang tính biểu tượng mà còn thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước trong việc định vị lại vị thế quốc gia trên bản đồ công nghệ toàn cầu. Khát vọng xây dựng một đất nước hiện đại, nơi mà tri thức, công nghệ và đổi mới là động lực phát triển, là minh chứng cho một chiến lược phát triển dựa trên sức mạnh nội sinh, bền vững và tự cường.

CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC - KHỞI ĐẦU CHO MỌI ĐỘT PHÁ

Một trong những nội dung quan trọng hàng đầu mà Nghị quyết nhấn mạnh chính là việc nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy trong toàn xã hội và hệ thống chính trị. Trong thời đại số, khoa học và

công nghệ không còn là sân chơi riêng của các nhà nghiên cứu hay doanh nghiệp mà phải trở thành một bộ phận hữu cơ trong tư duy lãnh đạo, trong hành động quản lý của mọi cấp, mọi ngành. Nghị quyết yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, tổ chức phải trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm trong quá trình triển khai, từ đó lan tỏa tinh thần đổi mới và chuyển đổi số tới từng đảng viên, cán bộ, và rộng hơn là toàn thể nhân dân. Tư duy “chuyển đổi số là trách nhiệm chung” chính là bước khởi đầu quan trọng để biến công nghệ thành một phần tất yếu trong đời sống xã hội. Chỉ khi toàn xã hội cùng nhìn nhận khoa học, đổi mới và chuyển đổi số là cơ hội thay vì rào cản thì mới có thể tạo ra động lực bền vững từ bên trong, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng và hiệu quả.

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ – TẠO HÀNH LANG PHÁP LÝ THUẬN LỢI CHO SÁNG TẠO

Một quốc gia muốn phát triển mạnh về công nghệ và đổi mới sáng tạo thì trước tiên cần một hệ thống pháp luật, chính sách hiện đại và linh hoạt. Nghị quyết 57-NQ/TW xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện thể chế để tháo gỡ các rào cản hành chính, cải thiện môi trường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Cơ chế tài chính cho khoa học – công nghệ cần được đổi mới theo hướng minh bạch, linh hoạt và khuyến khích các mô hình tài trợ đa dạng từ Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế.

Đặc biệt, khu vực tư nhân – vốn là động lực tăng trưởng quan trọng – cần được tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư vào công nghệ. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, điều phối thay vì can thiệp hành chính sâu vào quá trình phát triển công nghệ.

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO - CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định mọi sự phát triển. Trong bối cảnh mới, việc đầu

tư vào giáo dục, đào tạo và thu hút nhân tài là điều kiện tiên quyết để đảm bảo thành công cho quá trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Nghị quyết đặt ra yêu cầu xây dựng một hệ thống giáo dục tiên tiến, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ năng số, có khả năng thích nghi với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

Các trường đại học phải trở thành trung tâm nghiên cứu mạnh, phát triển các chương trình đào tạo tài năng, tăng cường hợp tác quốc tế để tiếp cận tri thức mới. Bên cạnh đó, chính sách thu hút nhân tài từ nước ngoài, khuyến khích người Việt trẻ trở về đóng góp cũng được xem là một chiến lược dài hạn.

DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ - NỀN CỐT CỦA NỀN KINH TẾ ĐỔI MỚI

Trong nền kinh tế đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm. Nghị quyết khẳng định cần hình thành những doanh nghiệp công nghệ chiến lược, có quy mô đủ lớn để dẫn dắt thị trường và vươn ra quốc tế. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng phải được hỗ trợ mạnh mẽ trong việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ để nâng cao năng suất, giảm chi phí và mở rộng thị trường. Để làm được điều này, Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tại doanh nghiệp, đồng thời xây dựng các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ để thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới.

HẠ TẦNG SỐ VÀ DỮ LIỆU LỚN - NỀN MÓNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Chuyển đổi số không thể thành công nếu thiếu một hạ tầng kỹ thuật mạnh mẽ. Nghị quyết số 57-NQ/TW chỉ rõ việc xây dựng hạ tầng số đồng bộ, phát triển các nền tảng số quốc gia, dữ liệu mở, kết nối liên thông giữa các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Đồng thời, an toàn và an ninh mạng được xem là yếu tố “bất khả xâm phạm”, là điều

kiện tiên quyết để người dân và doanh nghiệp yên tâm khi tiếp cận các dịch vụ số. Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm quyền riêng tư và chống lại các nguy cơ từ không gian mạng cần được đặt ngang hàng với các vấn đề an ninh truyền thống. Chỉ khi có sự bảo vệ vững chắc, xã hội mới có thể xây dựng được lòng tin vào chuyển đổi số.

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ – MỞ RỘNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

Trong thời đại toàn cầu hóa và công nghệ cao, không một quốc gia nào có thể phát triển đơn độc. Việt Nam cần chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, học hỏi và chuyển giao công nghệ tiên tiến, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu và đồng thời góp phần xây dựng luật chơi chung cho công nghệ thế giới.

Hợp tác quốc tế không chỉ giúp Việt Nam tiếp cận những tri thức mới mà còn khẳng định vai trò, vị thế của đất nước trên trường quốc tế, mở rộng không gian phát triển và tạo động lực mới cho tăng trưởng.

Nghị quyết số 57-NQ/TW là dấu mốc quan trọng thể hiện bước ngoặt về tư duy chiến lược của Đảng trong việc đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia. Với tầm nhìn rõ ràng, mục tiêu cụ thể và các giải pháp đồng bộ, nghị quyết không chỉ là kim chỉ nam cho hành động của toàn bộ hệ thống chính trị mà còn là lời hiệu triệu, là niềm tin và hy vọng về một Việt Nam hùng cường, hiện đại, sáng tạo và có vị thế trên trường quốc tế.

Đây là thời điểm mà mỗi cá nhân, mỗi tổ chức cần hành động mạnh mẽ, đồng lòng, bứt phá, để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên số hóa, đổi mới và phát triển bền vững.❖

HOÀNG LINH

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hà Nội.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông, 2024. Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hà Nội.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2023. Báo cáo khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2022. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
4. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2022. Chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 6 (2022), tr. 45-55.
5. Nguyễn Xuân Phúc, 2021. Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - động lực phát triển đất nước. Tạp chí Cộng sản, số chuyên đề Xuân 2021.
6. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), 2023. Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu 2023 (Global Innovation Index 2023). Geneva, Switzerland.
7. Trần Văn Bình, 2023. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
8. Tổng cục Thống kê, 2023. Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022. Hà Nội: NXB Thống kê.

HIỂU ĐÚNG VỀ VIỆC BÀI BỎ QUY ĐỊNH GHI ÂM, GHI HÌNH TRONG GIÁM SÁT CẢNH SÁT GIAO THÔNG TẠI VIỆT NAM

BỐI CẢNH VÀ Ý NGHĨA CỦA SỬA ĐỔI PHÁP LÝ

Ngày 30/9/2024, Bộ Công an Việt Nam ban hành Thông tư 46/2024/TT-BCA, sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 67/2019/TT-BCA về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Thông tư mới, có hiệu lực từ ngày 15/11/2024, đã bãi bỏ quy định cho phép người dân sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình như một hình thức chính thức để giám sát hoạt động của lực lượng Cảnh sát giao thông (CSGT). Quy định này từng được quy định tại Điều 6, khoản

1 của Thông tư 67/2019, cho phép người dân giám sát thông qua ghi âm, ghi hình hoặc quan sát trực tiếp các hoạt động của CSGT trong quá trình thực thi công vụ. Sự thay đổi này không chỉ đánh dấu một bước điều chỉnh quan trọng trong chính sách giám sát lực lượng chức năng mà còn phản ánh nỗ lực của Bộ Công an trong việc cân bằng giữa quyền giám sát của người dân và hiệu quả thực thi pháp luật.

Sự bãi bỏ quy định ghi âm, ghi hình đã thu hút sự chú ý rộng rãi từ công chúng, truyền thông và các nhà

nghiên cứu pháp luật. Nhiều ý kiến lo ngại rằng việc loại bỏ hình thức giám sát này có thể làm giảm tính minh bạch trong hoạt động của CSGT, đặc biệt trong bối cảnh các vụ việc tiêu cực như nhận “mãi lộ” từng được phơi bày nhờ các đoạn ghi âm, ghi hình do người dân cung cấp. Tuy nhiên, Bộ Công an khẳng định rằng Thông tư 46/2024 vẫn bảo đảm quyền giám sát của người dân thông qua các kênh thay thế, đồng thời khắc phục các bất cập phát sinh từ việc lạm dụng ghi âm, ghi hình trong hơn 4 năm qua. Bài nghiên cứu này sẽ phân tích toàn



diện lý do dẫn đến sự thay đổi, tác động của quy định mới và các giải pháp để bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong công tác bảo đảm an toàn giao thông.

NỘI DUNG CHÍNH THÔNG TƯ 46/2024

Thông tư 46/2024/TT-BCA đã thay thế quy định về ghi âm, ghi hình bằng năm hình thức giám sát khác, được quy định tại Điều 6, khoản 1. Các hình thức này bao gồm tiếp cận thông tin công khai từ lực lượng công an hoặc các phương tiện thông tin đại chúng, giám sát thông qua các chủ thể có thẩm quyền theo quy định pháp luật, tiếp xúc trực tiếp với cán bộ, chiến sĩ để phản ánh ý kiến, giám sát thông qua kết quả giải quyết các vụ việc liên quan đến đơn thư, khiếu nại, tố cáo và quan sát trực tiếp các hoạt động tuần tra, kiểm soát của CSGT. Những hình thức này được đưa ra để bảo đảm quyền làm chủ của người dân trong khi giảm thiểu các xung đột không cần thiết giữa người dân và lực lượng chức năng.

Ngoài ra, Thông tư 46/2024 đặt ra các điều kiện cụ thể khi thực hiện giám sát. Người dân phải bảo đảm rằng hành vi giám sát không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cán bộ, chiến sĩ khi thực thi công vụ, không xâm nhập vào khu vực thực thi công vụ (trừ người có quyền và nghĩa vụ liên quan), tuân thủ các quy định pháp luật khác. Quy định mới cũng bãi bỏ yêu cầu công khai một số nội dung nhạy cảm, như kế hoạch tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm giao thông, thông tin về trang phục và số hiệu của cán bộ CSGT trong công tác đăng ký, cấp biển số xe và điều khiển giao thông. Theo Bộ Công an, những thay đổi này nhằm ngăn chặn việc lợi dụng thông tin để né tránh xử lý vi phạm hoặc tổ chức các hoạt động chống đối.

LÝ DO BÀI BỎ QUY ĐỊNH GHI HÌNH

Theo Cục Cảnh sát giao thông, trong hơn bốn năm thực hiện Thông tư 67/2019, việc giám sát bằng ghi âm, ghi hình đã phát sinh nhiều bất cập nghiêm trọng. Một số cá nhân đã lợi dụng quyền giám sát để quay phim, chụp ảnh và chia sẻ lên mạng xã hội với mục đích không khách quan, như quấy rối, kích động, hoặc bôi nhọ hình ảnh của CSGT. Những hành vi này không chỉ gây cản trở cho công tác thực thi pháp luật mà còn làm gia tăng căng thẳng giữa người dân và lực lượng chức năng. Các đoạn video được chỉnh sửa hoặc cắt ghép thiếu ngữ cảnh đã dẫn đến những tranh cãi công khai, làm giảm lòng tin của người dân vào CSGT, ngay cả trong các trường hợp lực lượng này thực thi đúng quy định.

Bộ Công an cũng chỉ ra rằng một số đối tượng đã lợi dụng việc công khai kế hoạch tuần tra, kiểm soát để né tránh xử lý vi phạm hoặc tổ chức các hoạt động chống đối, gây khó khăn cho công tác bảo đảm an toàn giao thông. Hơn nữa, một bộ phận cán bộ, chiến sĩ CSGT chưa nắm vững quy định pháp luật và kỹ năng xử lý tình huống, dẫn đến các phản ứng chưa phù hợp khi bị ghi âm, ghi hình, từ đó làm gia tăng xung đột với người dân. Về mặt pháp lý, việc bãi bỏ quy định ghi âm, ghi hình được Bộ Công an lý giải là phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, bao gồm Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Bộ luật Dân sự 2015, Luật An toàn thông tin mạng 2015, và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022. Những quy định này nhấn mạnh việc bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh các đoạn ghi âm, ghi hình có thể bị sử dụng sai mục đích.

QUYỀN GHI ÂM, GHI HÌNH CỦA NGƯỜI DÂN TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT

Mặc dù Thông tư 46/2024 bãi bỏ quy định ghi âm, ghi hình như một hình thức giám sát chính thức, người dân vẫn có quyền thực hiện các hoạt động này trong khuôn khổ pháp luật. Theo nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, người dân được phép làm những gì không bị cấm bởi luật. Tuy nhiên, việc ghi âm, ghi hình phải tuân thủ các điều kiện nghiêm ngặt: chỉ được thực hiện ở các khu vực công cộng, không xâm nhập vào khu vực thực thi công vụ (trừ người trực tiếp liên quan), không gây cản trở hoạt động của CSGT và phải được sử dụng đúng mục đích, không chỉnh sửa hoặc phát tán với ý đồ xấu. Đại diện Cục Cảnh sát giao thông nhấn mạnh rằng người dân cần thực hiện quyền này một cách có trách nhiệm để tránh gây ra các tình huống căng thẳng hoặc xung đột không cần thiết.

Để tăng cường tính minh bạch, Bộ Công an dự kiến ban hành thông tư riêng về nghiệp vụ tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính của CSGT đường bộ, trong đó sẽ quy định cụ thể về việc ghi âm, ghi hình trong các tình huống thực thi công vụ. Các đơn vị công an cũng sẽ bố trí khu vực làm việc với thiết bị ghi âm, ghi hình chính thức để đảm bảo công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi của cả người dân cũng như cán bộ CSGT. Những biện pháp này nhằm duy trì quyền giám sát của người dân trong khi giảm thiểu các rủi ro từ việc lạm dụng ghi âm, ghi hình.

TÁC ĐỘNG CỦA QUY ĐỊNH MỚI ĐỐI VỚI TÍNH MINH BẠCH VÀ QUYỀN GIÁM SÁT

Việc bãi bỏ quy định ghi âm, ghi hình đã gây ra nhiều ý kiến trái chiều trong dư luận. Một số người



lo ngại rằng thay đổi này có thể làm giảm tính minh bạch trong hoạt động của CSGT, đặc biệt trong bối cảnh các vụ việc tiêu cực từng được phơi bày nhờ các đoạn ghi âm, ghi hình do người dân cung cấp. Năm 2018, một video do báo Tiền Phong ghi lại tại Hà Nội đã làm dấy lên nghi vấn về hành vi nhận “mã lộ” của một số CSGT, dẫn đến việc tạm đình chỉ công tác các cán bộ liên quan. Tương tự, năm 2020, 09 cán bộ CSGT tại Tiền Giang bị kỷ luật sau khi người dân cung cấp bằng chứng về hành vi tương tự. Những trường hợp này cho thấy vai trò quan trọng của ghi âm, ghi hình trong việc phát hiện và xử lý các hành vi sai phạm.

Tuy nhiên, Bộ Công an khẳng định rằng các hình thức giám sát thay thế được quy định trong Thông tư 46/2024 vẫn bảo đảm quyền làm chủ của người dân. Người dân có thể phản ánh ý kiến trực tiếp vào biên bản vi phạm, sử dụng đường dây nóng của lực lượng công an (số 069.234.2608 của Cục CSGT), hoặc thông qua các kênh thông tin chính thức như cổng thông tin

điện tử của Bộ Công an. Ngoài ra, việc tiếp cận thông tin công khai và giám sát thông qua các cơ quan có thẩm quyền cũng là những kênh hiệu quả để bảo đảm tính minh bạch. Dù vậy, một số chuyên gia pháp luật cho rằng việc bãi bỏ quy định ghi âm, ghi hình có thể làm giảm động lực của người dân trong việc chủ động giám sát, đặc biệt ở những khu vực chưa được trang bị camera giao thông hoặc các thiết bị giám sát chính thức.

Sự thay đổi trong Thông tư 46/2024 phản ánh nỗ lực của Bộ Công an trong việc cân bằng giữa quyền giám sát của người dân và hiệu quả thực thi công vụ của lực lượng CSGT, nhưng nó cũng đặt ra nhiều thách thức. Trước hết, nhận thức pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, dẫn đến việc thực hiện ghi âm, ghi hình không đúng quy định, gây ra hiểu lầm hoặc xung đột. Như việc đứng quá gần khu vực thực thi công vụ hoặc sử dụng các đoạn ghi hình để bôi nhọ lực lượng CSGT trên mạng xã hội có thể vi phạm các quy định về bảo vệ danh dự và quyền riêng

tư. Thứ hai, một số cán bộ, chiến sĩ CSGT chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống, dẫn đến các phản ứng thiếu thuyết phục khi bị giám sát, làm giảm lòng tin của người dân.

Thứ ba, hạ tầng giám sát tại nhiều khu vực, đặc biệt là vùng nông thôn vẫn còn hạn chế. Hệ thống camera giao thông và thiết bị ghi hình chính thức chưa được triển khai rộng rãi, khiến việc giám sát phụ thuộc nhiều vào hành vi ghi hình tự phát của người dân. Cuối cùng, việc thiếu các hướng dẫn chi tiết về việc ghi âm, ghi hình trong các tình huống thực thi công vụ có thể dẫn đến sự không thống nhất trong cách áp dụng pháp luật giữa các địa phương, gây khó khăn cho cả người dân và CSGT.

GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ

Để khắc phục các thách thức và bảo đảm hiệu quả của Thông tư 46/2024 cần triển khai đồng bộ một số giải pháp. Trước hết, Bộ Công an nên sớm ban hành thông tư riêng về nghiệp vụ tuần tra, kiểm soát, trong đó quy định rõ

ràng các điều kiện và quy trình ghi âm, ghi hình trong các tình huống thực thi công vụ. Điều này sẽ giúp thống nhất cách áp dụng pháp luật và giảm thiểu các tranh cãi phát sinh.

Thứ hai, cần tăng cường đào tạo nghiệp vụ cho lực lượng CSGT, đặc biệt về kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, và nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến quyền giám sát của người dân. Những chương trình đào tạo này sẽ giúp cán bộ, chiến sĩ phản ứng chuyên nghiệp hơn trong các tình huống bị giám sát.

Thứ ba, công tác tuyên truyền pháp luật cần được đẩy mạnh thông qua các phương tiện truyền thông, hội thảo và tài liệu hướng dẫn để người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ khi giám sát CSGT. Việc này sẽ giúp giảm thiểu các hành vi giám sát không đúng quy định và xây dựng sự hợp tác giữa người dân và lực lượng chức năng.

Thứ tư, cần đầu tư mở rộng hệ thống camera giao thông và thiết bị ghi hình chính thức tại các khu vực trọng điểm để tăng cường tính minh bạch, đồng thời giảm áp lực từ việc ghi hình tự phát của người dân.

Cuối cùng, Bộ Công an nên tổ chức các diễn đàn, hội thảo giữa



lực lượng CSGT và người dân để giải thích rõ ràng về quy định mới, đồng thời tiếp thu ý kiến để cải thiện chính sách.

KẾT LUẬN

Thông tư 46/2024/TT-BCA là một bước điều chỉnh quan trọng trong chính sách giám sát lực lượng CSGT tại Việt Nam, nhằm khắc phục các bất cập trong việc ghi âm, ghi hình và bảo đảm hiệu quả thực thi pháp luật. Mặc dù bãi bỏ quy định ghi âm, ghi hình như một hình thức giám sát chính thức, quy định mới vẫn bảo đảm quyền giám sát của người dân thông qua các

kênh thay thế, đồng thời đặt ra các điều kiện để tránh lạm dụng hoặc gây cản trở công vụ. Tuy nhiên, để quy định này phát huy hiệu quả, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa lực lượng CSGT, người dân, và các cơ quan liên quan, cùng với các biện pháp nâng cao nhận thức pháp luật, đào tạo nghiệp vụ, và ứng dụng công nghệ. Việc thực hiện đúng các quy định trong Thông tư 46/2024 sẽ góp phần xây dựng một môi trường giao thông an toàn, minh bạch, và hiệu quả, đồng thời củng cố lòng tin của người dân vào lực lượng thực thi pháp luật. ♦

ANH TUẤN

Tài liệu tham khảo:

1. Thông tư số 46/2024/TT-BCA của Bộ Công an: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 67/2019/TT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

2. Thông tư 67/2019/TT-BCA quy định về thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do Bộ Công an ban hành.

3. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Luật số 91/2015/QH13 của Quốc hội: Bộ Luật Dân sự.

5. Luật số 86/2015/QH13 của Quốc hội: Luật An toàn thông tin mạng.

6. Luật số 10/2022/QH15 của Quốc hội: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

7. Hồng Quang, 2024. “Cục CSGT lý giải việc bỏ quy định người dân được giám sát qua ghi âm, ghi hình”, Báo Tuổi Trẻ, truy cập ngày 17/2/2025.

8. Trí Minh, 2024. “Vẫn được ghi âm, ghi hình giám sát cảnh sát giao thông”, Báo Lao động, truy cập ngày 17/2/2025.

CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA:

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh thế giới bước vào kỷ nguyên số với tốc độ chuyển đổi chưa từng có, các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT) đã tái định hình cấu trúc kinh tế - xã hội, thay đổi mô hình quản trị công và hoạt động doanh nghiệp. Đối với Việt Nam, quá trình chuyển đổi số không chỉ là một xu hướng mà còn là một yêu cầu cấp thiết để tận dụng cơ hội phát triển, vượt qua thách thức và thực hiện khát vọng trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.



Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 57-NQ/TW đánh dấu một bước ngoặt chiến lược trong việc thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết xác định những lĩnh vực này là “xương sống” của công cuộc hiện đại hóa, đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) cần đóng góp ít nhất 55% vào tăng trưởng GDP, và Việt Nam hướng tới trở thành một trong những trung tâm công nghiệp công nghệ số hàng đầu khu vực. Như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh trong bài phát biểu ngày 2/9/2024,

chuyển đổi số không chỉ là việc áp dụng công nghệ mà là một “phương thức phát triển mới” – một cách tiếp cận toàn diện đòi hỏi tư duy phức hợp và hệ thống lý luận nền tảng. Để triển khai hiệu quả Nghị quyết 57, phương thức CSCI (Complex of Strategy, Communications, and Investment Way) được đề xuất như một khung tư duy phức hợp, giúp chuẩn hóa chiến lược, đồng bộ hóa hành động và tạo ra một ngôn ngữ chung dựa trên nền tảng dữ liệu. Bài viết này phân tích các yếu tố cốt lõi của Nghị quyết 57, đánh giá ý nghĩa chiến lược và đề xuất lộ trình thực hiện thông qua phương thức CSCI. Mục tiêu

là cung cấp một góc nhìn khoa học, toàn diện về cách Việt Nam có thể hiện thực hóa tầm nhìn “Việt Nam hùng cường” trong kỷ nguyên số.

NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW:
KIM CHỈ NAM CHO KỶ NGUYÊN SỐ
Nghị quyết 57-NQ/TW được ban hành ngày 22/12/2024, ra đời trong bối cảnh thế giới chuyển dịch mạnh mẽ sang kỷ nguyên số, nơi khoa học và công nghệ trở thành động lực cốt lõi, đổi mới sáng tạo là trụ cột dẫn dắt, và chuyển đổi số định hình sự phát triển của xã hội tương lai. Nghị quyết phù hợp với định hướng của Đại hội XIII và Chiến lược phát triển

kinh tế - xã hội 2021–2030, nhấn mạnh ba trụ cột chính: khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Giai đoạn từ nay đến năm 2030 được nhận diện là thời điểm then chốt để Việt Nam tận dụng cơ hội, vượt qua bẫy thu nhập trung bình và trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2045.

Nghị quyết đặt ra các mục tiêu cụ thể, bao gồm việc đưa Việt Nam vào nhóm ba quốc gia dẫn đầu Đông Nam Á về đổi mới sáng tạo vào năm 2030, với kinh tế số chiếm ít nhất 30% GDP và TFP đóng góp trên 55% vào tăng trưởng kinh tế. Tầm nhìn đến năm 2045 còn tham vọng hơn, hướng tới việc Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, sở hữu các doanh nghiệp công nghệ số tầm cỡ toàn cầu và đóng vai trò trung tâm công nghiệp công nghệ số khu vực. Để đạt được các mục tiêu này, nghị quyết nhấn mạnh cải cách thể chế nhằm tạo môi trường pháp lý thông thoáng, đầu tư mạnh vào hạ tầng số như mạng 5G/6G, trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, đồng thời phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực chiến lược như AI, dữ liệu lớn và công nghệ bán dẫn.

Tuy nhiên quá trình triển khai đối mặt với nhiều thách thức. Nhận thức về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo vẫn chưa đồng đều, đặc biệt ở các địa phương và khu vực nông thôn. Thể chế hiện hành chưa hoàn toàn đáp ứng tốc độ phát triển của công nghệ mới, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thử nghiệm và đưa sản phẩm ra thị trường. Thiếu hụt nhân lực chất lượng cao có khả năng dẫn dắt các dự án chiến lược cũng là một rào cản lớn. Hạ tầng số dù đã có tiến bộ, nhưng vẫn chưa đồng bộ dẫn đến khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Những thách thức này đòi hỏi một cách tiếp cận liên ngành, đa chiều, nơi các bên liên quan từ trung ương đến địa phương, từ khu vực công đến tư nhân, có thể phối hợp hiệu quả thông qua một ngôn ngữ chung.

PHƯƠNG THỨC CSCI: NỀN TẢNG

TƯ DUY PHỨC HỢP

Phương thức CSCI (Complex of Strategy, Communications and Investment Way) được đề xuất như một khung tư duy phức hợp để triển khai Nghị quyết 57 một cách hệ thống và đồng bộ. Với trọng tâm là chiến

lược, truyền thông và đầu tư, CSCI tạo ra một kiến trúc tổng thể, giúp tổ chức tiến trình triển khai, đồng bộ hóa hành động và xây dựng một cơ chế ra quyết định thống nhất dựa trên nền tảng dữ liệu. Phương thức này không chỉ chuẩn hóa cách tiếp cận mà còn thúc đẩy sự cộng hưởng giữa các dự án và hoạt động, đảm bảo hiệu quả cao trong thực tiễn.

Trong bài phát biểu ngày 9/1/2025 tại TP. Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh rằng nguy cơ tụt hậu và bẫy thu nhập trung bình là mối đe dọa thường trực nếu Việt Nam không tìm được con đường mới. Ông khẳng định Nghị quyết 57 là “đột phá” để vượt qua những thách thức này, với hai yếu tố then chốt: nhận thức và ý chí chính trị, cùng với việc coi khoa học, công nghệ là động lực cốt lõi. Phương thức CSCI đáp ứng yêu cầu này bằng cách cung cấp một lộ trình triển khai cụ thể, được tổ chức qua bốn bước chính, dựa trên nội dung Nghị quyết 57 và Chương trình hành động của Chính phủ (Nghị quyết 03-NQ/CP, ngày 9/1/2025).

Đầu tiên, CSCI xác định giá trị cốt lõi của Nghị quyết 57 là sự phát triển, được xây dựng trên ba trụ cột: khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Khoa học - công nghệ đóng vai trò động lực nền tảng, đổi mới sáng tạo biến các thành tựu này thành giá trị thực tiễn và chuyển đổi số ứng dụng chúng để tạo ra đột phá phát triển. Thứ hai, CSCI xác định sáu trụ cột chiến lược, bao gồm hiện đại hóa lực lượng sản xuất, đổi mới tư duy dẫn dắt, triển khai các giải pháp đột phá, xây dựng hạ tầng số hiện đại, ưu tiên nguồn lực cho khoa học - công nghệ và đảm bảo an ninh mạng. Thứ ba, CSCI đề xuất một hệ định hướng tổ chức với tám nội dung từ việc xác lập tầm nhìn tiên tiến về khoa học - công nghệ đến thúc đẩy hợp tác quốc tế. Cuối cùng, để triển khai các dự án cụ thể, CSCI đưa ra một khung chuẩn thức với 12 nội dung, giúp các bộ, ngành, địa phương thống nhất kế hoạch hành động, đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ.

ƯU TIÊN CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP THỰC THI

Để hiện thực hóa Nghị quyết 57, Việt Nam cần tập trung vào các lĩnh vực công nghệ chiến lược như AI, dữ liệu lớn, công nghệ bán dẫn và năng lượng sạch. Việc lựa chọn các mũi nhọn này cần dựa trên một ngôn ngữ chung giữa cơ quan quản

lý, doanh nghiệp và xã hội. Cơ quan nhà nước nên ưu tiên xây dựng các cơ chế thử nghiệm (sandbox), tạo môi trường để doanh nghiệp và startup thử nghiệm các mô hình mới mà không bị cản trở bởi rào cản pháp lý, hoặc có khung pháp lý cởi mở hơn trong phạm vi cho phép. Doanh nghiệp cần xác định lợi thế cạnh tranh, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực có tiềm năng cao, trong khi xã hội cần nâng cao nhận thức để chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong quá trình đổi mới. Mô hình Smart Nation của Singapore với các khung pháp lý linh hoạt hỗ trợ đổi mới là một ví dụ đáng học hỏi (GovTech Singapore, 2022). Đến năm 2030, Việt Nam hướng tới dẫn đầu Đông Nam Á về nghiên cứu AI và xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao, đòi hỏi đầu tư chiến lược và hợp tác quốc tế.

Hạ tầng số là một trọng tâm khác của Nghị quyết 57, với yêu cầu triển khai mạng 5G toàn quốc, xây dựng trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế và phát triển điện toán đám mây. Phương thức CSCI đề xuất mô hình “nền tảng đồng tâm”, trong đó một lõi dữ liệu tập trung đóng vai trò hạt nhân, hỗ trợ các dịch vụ và ứng dụng mở rộng. Hệ thống GovTech Stack của Singapore tích hợp dữ liệu công dân để cung cấp các dịch vụ thống nhất là một minh chứng cho hiệu quả của mô hình này (GovTech Singapore, 2022). Việc áp dụng mô hình này tại Việt Nam sẽ đảm bảo khả năng liên kết đa tầng, tăng cường tính bền vững và thích ứng trước các biến động công nghệ.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số. Nghị quyết 57 nhấn mạnh việc đào tạo đội ngũ “tổng công trình sư” và thu hút nhân tài từ nước ngoài. Phương thức CSCI khuyến nghị xây dựng mô hình “tổ chức học tập” (learning organization), nơi nhân viên được khuyến khích đổi mới, chia sẻ tri thức và không sợ thất bại (Senge, 1990). Các chương trình đào tạo chuyên sâu về AI, dữ liệu lớn và công nghệ bán dẫn cần được triển khai rộng rãi, từ các trường đại học đến các trung tâm thực hành trong doanh nghiệp. Song song đó, cải cách thể chế thông qua hợp tác công - tư và đầu tư vào nghiên cứu phát triển (R&D) sẽ tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo.

Chuyển đổi số nội bộ tổ chức đòi hỏi tiếp cận toàn diện, tác động đến sáu chiều:



quản trị, quy trình, văn hóa, tài chính, công nghệ, con người. Phương thức CSCI nhấn mạnh rằng, thay vì chỉ triển khai công nghệ ở một bộ phận, các tổ chức cần đảm bảo nhất quán tư duy và vận hành. Các sáng kiến số hóa của FPT tập trung tích hợp công nghệ với văn hóa tổ chức là một ví dụ điển hình. Ở góc độ tư nhân, với các doanh nghiệp như FPT, VNG và các startup đóng vai trò “đầu tàu” trong việc lan tỏa đổi mới và kết nối Việt Nam với chuỗi giá trị toàn cầu. CSCI khuyến khích đầu tư mạo hiểm và các mô hình hợp tác công - tư, học hỏi các quốc gia như Hàn Quốc và Singapore.

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN: TỪ NỀN TẢNG ĐẾN BỨT PHÁ

Giai đoạn 2025 – 2030 là thời kỳ đặt nền móng cho chuyển đổi số quốc gia. Trong giai đoạn này, Việt Nam cần tập trung hoàn thiện khung pháp lý, triển khai các cơ chế thử nghiệm (sandbox) để hỗ trợ đổi mới công nghệ. Các chương trình đào tạo nhân lực chiến lược về AI, dữ liệu lớn và công nghệ bán dẫn cần được mở rộng, kết hợp với các chính sách thu hút nhân tài từ nước ngoài. Việc triển khai mạng 5G toàn quốc và xây dựng trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế sẽ củng cố hạ tầng số, trong khi các biện pháp bảo đảm an ninh mạng và dữ liệu được ưu tiên hàng đầu. Phương thức CSCI đảm bảo các dự án được triển khai đồng bộ với một ngôn ngữ chung giúp giảm thiểu mâu thuẫn và tối ưu hóa hiệu quả. Mô hình “nền tảng đồng tâm” sẽ kết nối hạ tầng và dữ liệu, tạo tiền đề cho các cải tiến kỹ thuật sau năm 2030.

Giai đoạn 2030 – 2045 là thời kỳ bứt phá, khi Việt Nam hướng tới tự chủ công nghệ và tham gia sâu vào thị trường quốc tế. Kinh tế số được kỳ vọng đạt 50% GDP với sự hỗ trợ từ một hệ sinh thái dữ liệu hoàn chỉnh. Các quan hệ hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực như AI, điện toán đám mây và công nghệ bán dẫn sẽ củng cố vị thế khu vực của Việt Nam. Mô hình học tập tiến hóa của CSCI sẽ đảm bảo khả năng thích ứng liên tục, giúp các tổ chức và xã hội không ngừng trao đổi tri thức và nâng cao năng lực. Đến năm 2045, nếu duy trì được tốc độ số hóa và phát triển nhân lực tinh hoa, Việt Nam có thể hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao với khả năng làm chủ chuỗi giá trị toàn cầu.

THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

Quá trình triển khai Nghị quyết 57 đối mặt với nhiều thách thức. Nhận thức về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo vẫn chưa đồng đều, đặc biệt ở các khu vực nông thôn. Điều này dẫn đến sự chênh lệch trong phân bổ nguồn lực và thực thi chính sách. Hạ tầng số dù đã cải thiện nhưng vẫn chưa đồng bộ, với nhiều địa phương thiếu kết nối băng thông rộng gây khó khăn cho việc ứng dụng AI, IoT và dữ liệu lớn. Mô hình quản trị truyền thống với cấu trúc thứ bậc cản trở việc áp dụng các nền tảng số hiện đại, trong khi nguy cơ an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu ngày càng gia tăng. Thiếu hụt khung pháp lý rõ ràng về quản trị dữ liệu cũng có thể ảnh hưởng đến niềm tin của người dân và uy tín quốc gia.

Phương thức CSCI đề xuất một hệ giải

pháp toàn diện để vượt qua các thách thức trong triển khai Nghị quyết 57, tập trung vào việc xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững và thích ứng. Trước hết, việc thiết lập một ngôn ngữ chung là yếu tố cốt lõi để thống nhất mục tiêu, trách nhiệm và hành động giữa các bên liên quan, từ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp đến cộng đồng xã hội. Ngôn ngữ chung này theo tinh thần của CSCI không chỉ là cách diễn đạt mà là một hệ thống tư duy dựa trên nền tảng dữ liệu, giúp các bên phối hợp hiệu quả và giảm thiểu xung đột lợi ích. Một nghiên cứu của CSCI Strategy nhấn mạnh rằng ngôn ngữ chung giúp chuẩn hóa quy trình ra quyết định, tạo ra sự đồng bộ trong các dự án chuyển đổi số (CSCI Strategy, 2019). Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam, nơi mà các bộ, ngành và địa phương thường hoạt động với các ưu tiên khác nhau, dẫn đến sự phân mảnh trong thực thi chính sách.

Để thúc đẩy chia sẻ tri thức và học tập, cần tổ chức các diễn đàn liên ngành và hội thảo chuyên đề thường xuyên. Các sự kiện này không chỉ là nơi trao đổi ý tưởng mà còn là “phòng thí nghiệm” để rút kinh nghiệm từ thất bại, khuyến khích đổi mới mà không sợ rủi ro. Ví dụ các hội thảo về AI và công nghệ bán dẫn có thể kết nối các nhà khoa học, doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách, tạo ra các dự án liên kết có tính ứng dụng cao. Kinh nghiệm từ Singapore cho thấy các diễn đàn như Singapore FinTech Festival đã thúc đẩy hợp tác công - tư, tạo động lực cho đổi mới công nghệ (GovTech Singapore, 2022). Tại Việt Nam, việc tổ chức các sự kiện tương tự dưới sự bảo trợ của Ủy ban Chỉ đạo Quốc gia về Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số, sẽ giúp lan tỏa tinh thần Nghị quyết 57 và xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo.

Cơ chế thử nghiệm (sandbox) và đầu tư mạo hiểm là hai giải pháp quan trọng khác mà CSCI hướng tới để tạo “phòng thí nghiệm” cho các mô hình kinh doanh và công nghệ mới. Sandbox cho phép doanh nghiệp thử nghiệm các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo trong một môi trường được kiểm soát, giảm thiểu rủi ro pháp lý và tài chính. Nghị quyết 57 đã đề cập đến việc xây dựng các cơ chế này, và CSCI nhấn mạnh rằng chúng cần được triển khai nhanh chóng, đặc biệt trong các lĩnh vực như AI, fintech và năng lượng sạch. Một báo cáo của World Bank (2023) chỉ ra rằng các cơ

chế sandbox đã giúp Singapore và Hàn Quốc thu hút đầu tư vào các startup công nghệ, Việt Nam có thể học hỏi để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Đồng thời đầu tư mạo hiểm cần được khuyến khích thông qua các quỹ đầu tư công - tư, cung cấp vốn cho các dự án có tiềm năng cao nhưng rủi ro lớn. Việc thành lập các quỹ này với sự tham gia của các doanh nghiệp lớn như FPT, VNG hay Viettel sẽ tạo động lực cho các startup công nghệ Việt Nam vươn ra thị trường quốc tế.

Hạ tầng số linh hoạt là một yếu tố không thể thiếu để đón đầu xu hướng công nghệ. Hạ tầng số của Việt Nam cần được thiết kế với khả năng nâng cấp liên tục, đảm bảo thích ứng với các công nghệ mới như 6G, điện toán lượng tử và blockchain. Mô hình “nền tảng đồng tâm” của CSCI, với một lõi dữ liệu tập trung kết nối các ứng dụng và dịch vụ sẽ giúp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên và tăng cường khả năng liên kết. Kinh nghiệm từ Singapore với hệ thống GovTech Stack cho thấy một nền tảng dữ liệu tập trung có thể giảm chi phí vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ công (GovTech Singapore, 2022). Tại Việt Nam, việc triển khai các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế và mở rộng mạng 5G toàn quốc, như mục tiêu của Nghị quyết 57 cần được thực hiện đồng bộ với mô hình này để đảm bảo tính bền vững và an toàn dữ liệu.

Khung pháp lý về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu là một ưu tiên chiến lược để xây dựng niềm tin cho người dân và doanh nghiệp. CSCI nhấn mạnh rằng khung pháp lý này cần dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế như mô hình của Singapore, với các quy định rõ ràng về quản trị dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân và ứng phó với

các mối đe dọa mạng. An ninh mạng là một trong những thách thức lớn nhất đối với chuyển đổi số tại Việt Nam, với các vụ tấn công mạng gia tăng trong những năm gần đây. Để giải quyết, Việt Nam cần xây dựng một cơ quan chuyên trách về an ninh mạng, phối hợp với các tổ chức quốc tế như Interpol và các công ty công nghệ toàn cầu như IBM để nâng cao năng lực phòng thủ. Đồng thời, các doanh nghiệp cần được hỗ trợ để triển khai các giải pháp bảo mật tiên tiến, như mã hóa dữ liệu và xác thực đa yếu tố, nhằm bảo vệ hệ thống trước các mối đe dọa phức tạp.

Ngoài ra, CSCI đề xuất xây dựng một hệ sinh thái học tập tiến hóa, nơi các tổ chức và cá nhân liên tục trao đổi tri thức và thích ứng với các thay đổi công nghệ. Điều này có thể được thực hiện thông qua các nền tảng trực tuyến, nơi các nhà khoa học, doanh nghiệp và nhà quản lý chia sẻ dữ liệu, bài học kinh nghiệm và các giải pháp sáng tạo. Một ví dụ là nền tảng Qlik được sử dụng để tích hợp và phân tích dữ liệu thời gian thực, giúp các tổ chức ra quyết định dựa trên dữ liệu (OpenGov Asia, 2025). Tại Việt Nam, việc phát triển một nền tảng tương tự, dưới sự quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tạo ra một “não bộ số” cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các mục tiêu của Nghị quyết 57.

Những giải pháp này không chỉ bám sát tinh thần Nghị quyết 57 mà còn thể hiện tư duy phức hợp của CSCI, khuyến khích học tập tiến hóa và đổi mới liên tục. Bằng cách kết hợp ngôn ngữ chung, các diễn đàn liên ngành, cơ chế thử nghiệm, hạ tầng linh hoạt và khung pháp lý hiện đại, CSCI tạo ra một hệ sinh thái nơi các ý tưởng được thử nghiệm, các thất bại được học hỏi và các thành công được nhân rộng. Cách tiếp

cận này phù hợp với khuyến nghị của các chuyên gia quốc tế, như GS. Nguyễn Xuân Huấn từ Đại học Middlesex, Anh Quốc, người nhấn mạnh rằng Việt Nam cần xây dựng các chính sách rõ ràng để kết nối học thuật và doanh nghiệp, đồng thời thu hút nhân tài từ cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

KẾT LUẬN

Nghị quyết 57-NQ/TW là kim chỉ nam chiến lược, định hướng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045 thông qua khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phương thức CSCI cung cấp một khung tư duy phức hợp, giúp hiện thực hóa nghị quyết bằng cách tạo ra một ngôn ngữ chung, đồng bộ hóa hành động và thúc đẩy học tập tiến hóa. Bằng cách ưu tiên các công nghệ mũi nhọn, xây dựng hạ tầng số hiện đại, phát triển nhân lực tinh hoa và khuyến khích hợp tác quốc tế, Việt Nam có thể vượt qua thách thức và khẳng định vị thế trong kỷ nguyên số.

Thành công của Nghị quyết 57 không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực của Chính phủ mà còn đòi hỏi sự đồng hành của doanh nghiệp, giới nghiên cứu và toàn xã hội. Phương thức CSCI với tinh thần hệ thống và linh hoạt là công cụ để biến cơ hội thành hiện thực, đảm bảo rằng Việt Nam không chỉ bắt kịp mà còn dẫn đầu trong cuộc cách mạng số. Cánh cửa hướng tới tương lai đang rộng mở, với sự quyết tâm và phối hợp chặt chẽ, Việt Nam hoàn toàn có thể viết nên một kỳ tích mới, trở thành một trung tâm công nghệ số tầm cỡ khu vực và toàn cầu.❖

GIA HÂN

Tài Liệu Tham Khảo

1. Ban Cơ yếu Chính phủ, 2022. Báo cáo về hợp tác công-tư trong nghiên cứu và phát triển công nghệ.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023. Báo cáo đánh giá năng lực chuyển đổi số quốc gia.
3. GovTech Singapore, 2022. Smart Nation and Digital Government: GovTech Stack.
4. Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
5. Senge, P. M., 1990. The Fifth Discipline: The Art & Practice of The Learning Organization.
6. World Bank, 2023. Vietnam Digital Economy Report 2023: Accelerating Digital Transformation. Washington, DC: World Bank. Truy cập từ <https://www.worldbank.org>
7. Nghị quyết 57-NQ/TW. (2024). Truy cập từ <https://nhandan.vn/nghi-quyet-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-post852360.html>
8. Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

PHỔ CẬP CHUYÊN ĐỔI SỐ: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP TIẾP CẬN MỌI TẦNG LỚP NHÂN DÂN

Chuyển đổi số đã trở thành động lực cốt lõi thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0. Chuyển đổi số là quá trình tích hợp công nghệ số vào mọi lĩnh vực của đời sống nhằm nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa quy trình và tạo ra giá trị mới. Trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng, việc đảm bảo mọi người dân, bất kể độ tuổi, khu vực sinh sống hay điều kiện kinh tế, đều có thể tiếp cận và sử dụng công nghệ số là yếu tố then chốt để xây dựng một xã hội số hóa toàn diện. Tuy nhiên, quá trình phổ cập chuyển đổi số đang đối mặt với nhiều thách thức lớn, bao gồm sự thiếu hụt nhận thức, hạn chế về kỹ năng số, rào cản tài chính và hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ. Bài nghiên cứu này phân tích các thách thức trong việc đưa chuyển đổi số đến mọi người dân và đề xuất các giải pháp khả thi, dựa trên các nguồn dữ liệu uy tín và chiến lược quốc gia hiện hành, nhằm thúc đẩy một xã hội số bình đẳng và bền vững.



TẦM QUAN TRỌNG CỦA PHỔ CẬP CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ mà còn là nền tảng để nâng cao chất lượng cuộc

sống và thúc đẩy phát triển kinh tế. Theo Báo cáo Kinh tế số Đông Nam Á 2023 của Google, Temasek và Bain & Company, kinh tế số Việt Nam dự kiến đạt giá trị 295 tỷ USD

vào năm 2025, đóng góp khoảng 20% vào GDP quốc gia theo mục tiêu của Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, để đạt được con số

này, cần đảm bảo rằng mọi người dân, từ thành thị đến nông thôn, từ người trẻ đến người lớn tuổi đều có thể tham gia vào nền kinh tế số. Việc phổ cập chuyển đổi số giúp thu hẹp khoảng cách số giữa các tầng lớp xã hội, đảm bảo quyền tiếp cận công nghệ và thông tin cho tất cả mọi người. Ví dụ các dịch vụ số như thương mại điện tử, giáo dục trực tuyến và y tế từ xa đã mang lại lợi ích thiết thực, giúp người dân tiết kiệm thời gian và cải thiện hiệu quả công việc. Nếu không có sự tham gia của toàn dân, những lợi ích này sẽ chỉ tập trung vào một số nhóm nhất định, dẫn đến sự bất bình đẳng và cản trở sự phát triển bền vững của đất nước.

Phổ cập chuyển đổi số còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng xã hội. Khi mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận công nghệ, họ có thể tham gia vào các hoạt động kinh tế và xã hội một cách hiệu quả hơn. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nhóm yếu thế, như người thu nhập thấp, người lớn tuổi hoặc người dân ở vùng sâu, vùng xa, những người thường bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển công nghệ. Việc đảm bảo rằng mọi người dân đều có thể sử dụng công nghệ số không chỉ giúp cải thiện đời sống cá nhân mà còn góp phần xây dựng một xã hội công bằng, nơi mọi người đều có cơ hội phát triển và đóng góp vào sự thịnh vượng chung.

THÁCH THỨC TRONG VIỆC PHỔ CẬP CHUYỂN ĐỔI SỐ

Một trong những rào cản lớn nhất trong việc phổ cập chuyển đổi số là sự thiếu hụt nhận thức và kỹ năng số của người dân. Theo nghiên cứu của Pew Research Center (2021), nhiều người dân, đặc biệt ở các khu vực nông thôn vẫn chưa hiểu rõ về lợi ích của công nghệ số hoặc cảm thấy e ngại khi sử dụng các thiết bị và ứng dụng mới. Điều này đặc biệt đúng với nhóm người lớn tuổi, những người thường gặp khó khăn trong việc làm quen với các công cụ



công nghệ hiện đại như điện thoại thông minh hay ứng dụng trực tuyến. Ngoài ra, các chương trình đào tạo kỹ năng số hiện nay còn hạn chế về quy mô và chưa được thiết kế phù hợp với nhu cầu đa dạng của các nhóm dân cư khác nhau, dẫn đến việc nhiều người dân không thể tiếp cận các khóa học cần thiết để nâng cao năng lực số của mình.

Rào cản tài chính cũng là một thách thức đáng kể. Chi phí để sở hữu các thiết bị công nghệ như điện thoại thông minh, máy tính hoặc các gói dịch vụ internet thường vượt quá khả năng chi trả của người dân có thu nhập thấp. Theo Báo cáo của Liên minh Viễn thông Quốc tế (2023), mặc dù số lượng người dùng internet toàn cầu đã tăng lên 5,4 tỷ vào năm 2023, nhưng nhiều khu vực nông thôn tại Việt Nam vẫn chưa được phủ sóng internet chất lượng cao. Hạ tầng mạng lưới chưa đồng bộ, đặc biệt ở các vùng miền núi và hải đảo, khiến việc triển khai các dịch vụ số gặp nhiều khó khăn. Điều này làm gia tăng khoảng cách số giữa các vùng miền, khiến người dân ở các khu vực kém phát triển bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

Khoảng cách số giữa các vùng miền và nhóm dân cư là một vấn đề nghiêm trọng khác. Theo Quyết

định số 749/QĐ-TTg, mục tiêu đến năm 2025 là phủ sóng mạng băng rộng cáp quang đến 80% hộ gia đình và 100% xã. Tuy nhiên, tiến độ triển khai ở một số địa phương còn chậm, đặc biệt ở các khu vực miền núi và vùng sâu, vùng xa. Sự chênh lệch này không chỉ làm hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ của người dân mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và xã hội của các khu vực này. Khoảng cách số không chỉ là vấn đề công nghệ mà còn phản ánh sự bất bình đẳng xã hội, đòi hỏi các giải pháp toàn diện để đảm bảo rằng mọi người dân đều có cơ hội tham gia vào nền kinh tế số.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ KỸ NĂNG SỐ

Để khắc phục hạn chế về nhận thức, các chiến dịch truyền thông đại chúng cần được triển khai rộng rãi trên các kênh như truyền hình, radio, báo chí và mạng xã hội. Những chương trình này nên tập trung vào việc giới thiệu lợi ích thực tiễn của chuyển đổi số, chẳng hạn như sử dụng ứng dụng thanh toán điện tử để thực hiện giao dịch nhanh chóng hoặc các nền tảng học trực tuyến để nâng cao kiến thức. Theo Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm



2030” (Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022), mục tiêu là 90% người dân trong độ tuổi lao động biết đến các dịch vụ số thiết yếu vào năm 2030. Các câu chuyện thành công, như việc nông dân sử dụng các nền tảng thương mại điện tử để bán nông sản trực tiếp đến người tiêu dùng có thể được sử dụng để truyền cảm hứng và khuyến khích người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Việc cung cấp đào tạo kỹ năng số là yếu tố quan trọng không kém. Các khóa học trực tuyến và tại chỗ cần được tổ chức để giúp người dân, đặc biệt là người lớn tuổi và những người có trình độ công nghệ thấp làm quen với các công cụ số. Các trung tâm hỗ trợ công nghệ cộng đồng, như mô hình Tổ Công nghệ số cộng đồng được đề cập trong Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 có thể đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật. Những trung tâm này không chỉ giúp người dân học cách sử dụng các ứng dụng như giao dịch trực tuyến hay bảo mật thông tin cá nhân mà còn hỗ trợ giải quyết các vấn đề kỹ thuật, tạo ra một môi trường học

tập thân thiện và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng. Việc thiết kế các khóa học phù hợp với từng nhóm đối tượng, từ cơ bản đến nâng cao sẽ đảm bảo rằng mọi người dân đều có thể tiếp cận và sử dụng công nghệ một cách hiệu quả.

Chính phủ cần tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ tài chính để giảm gánh nặng chi phí cho người dân, đặc biệt là những người có thu nhập thấp. Các gói trợ cấp hoặc tín dụng ưu đãi cho việc mua thiết bị công nghệ như điện thoại thông minh, máy tính hoặc các gói dịch vụ internet giá rẻ là cần thiết để tăng khả năng tiếp cận công nghệ. Theo nghiên cứu của McKinsey & Company (2021), việc giảm chi phí tiếp cận công nghệ có thể tăng tỷ lệ tham gia vào kinh tế số lên đến 20% ở các quốc gia đang phát triển. Hợp tác với các nhà mạng để triển khai các chương trình khuyến mãi và mở rộng hạ tầng mạng lưới sẽ giúp đảm bảo rằng mọi người dân, kể cả ở các khu vực nông thôn và miền núi, đều có cơ hội sử dụng internet chất lượng cao.

Việc phát triển hạ tầng công nghệ,

đặc biệt là mạng 5G là yếu tố then chốt để thúc đẩy chuyển đổi số. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), các nhà mạng lớn tại Việt Nam đã bắt đầu triển khai mạng 5G, mang lại tốc độ truy cập nhanh hơn và khả năng kết nối nhiều thiết bị cùng lúc mà không làm giảm chất lượng dịch vụ. Công nghệ 5G không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về dữ liệu mà còn hỗ trợ các ứng dụng tiên tiến như học trực tuyến, y tế từ xa và thương mại điện tử. Việc đẩy mạnh phủ sóng 5G ở các khu vực nông thôn sẽ giúp thu hẹp khoảng cách số, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các dịch vụ số hiện đại và cải thiện chất lượng cuộc sống. Chính phủ cần tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông để đảm bảo rằng hạ tầng mạng được triển khai đồng bộ và hiệu quả trên toàn quốc.

Xây dựng các cộng đồng hỗ trợ chuyển đổi số, cả trực tiếp tại địa phương và trực tuyến trên các nền tảng số cũng là một giải pháp quan trọng để khuyến khích người dân tham gia vào quá trình số hóa. Các nhóm cộng đồng tại khu dân cư, trường học hoặc trên các nền

tăng như mạng xã hội có thể kết nối những người có kinh nghiệm với những người mới bắt đầu, tạo ra một môi trường học tập cởi mở và thân thiện. Theo Harvard Business Review (2021), các cộng đồng số hóa thành công thường dựa trên sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên, giúp tăng cường sự tự tin và động lực học hỏi. Các buổi hội thảo, tọa đàm định kỳ hoặc sự kiện cộng đồng như ngày hội công nghệ có thể được tổ chức để khuyến khích người dân trao đổi kiến thức và trải nghiệm các ứng dụng số mới.

Những cộng đồng này không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn tạo ra sự gắn kết xã hội, khuyến khích người dân cảm thấy mình là một phần của quá trình chuyển đổi số. Như một nhóm cộng đồng tại địa phương có thể tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng ứng dụng thanh toán điện tử hoặc chia sẻ kinh nghiệm về bảo mật thông tin cá nhân, từ đó giúp người dân tự tin hơn khi sử dụng công nghệ. Việc xây dựng các cộng đồng hỗ trợ cũng cần sự tham gia của các tổ chức xã hội, trường học và chính quyền địa phương để đảm bảo rằng các hoạt động được triển khai một cách bền vững và hiệu quả.

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG PHỔ CẬP CHUYỂN ĐỔI SỐ

Doanh nghiệp đóng vai trò không thể thiếu trong việc phổ cập chuyển đổi số thông qua việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ và chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của người dân. Hợp tác với các tổ chức giáo dục, bao gồm trường học và trung tâm đào tạo nghề, để xây dựng các khóa học về kỹ năng số như lập trình, thiết kế web hoặc an ninh mạng sẽ giúp người dân không chỉ sử dụng mà còn phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực công nghệ. Các sáng kiến như tổ chức hội thảo, ngày hội công nghệ hoặc các chương trình cộng đồng sẽ tạo cơ hội cho người dân tiếp cận thông tin và trải nghiệm các sản phẩm số mới nhất. Theo Báo cáo Kinh tế số toàn cầu 2024 của UNCTAD, sự tham gia của khu vực tư nhân trong các dự án cộng đồng có thể tăng tỷ lệ tiếp cận công nghệ lên đến 15% ở các quốc gia đang phát triển.

Sự đầu tư của doanh nghiệp vào cộng đồng không chỉ nâng cao nhận thức mà còn góp phần xây dựng một hệ sinh thái chuyển đổi số bền vững. Các doanh nghiệp có thể hưởng lợi từ việc xây dựng thương hiệu, tạo lòng tin và sự trung thành từ khách hàng thông

qua các hoạt động vì cộng đồng. Để đạt hiệu quả tối đa, các doanh nghiệp cần có chiến lược rõ ràng và cam kết lâu dài, thể hiện trách nhiệm xã hội và góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

KẾT LUẬN

Phổ cập chuyển đổi số đến mọi người dân là một nhiệm vụ chiến lược đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng. Các giải pháp như nâng cao nhận thức, cung cấp kỹ năng số, hỗ trợ tài chính, phát triển hạ tầng công nghệ và xây dựng cộng đồng hỗ trợ sẽ giúp vượt qua các thách thức hiện tại, từ khoảng cách số đến hạn chế về nhận thức và tài chính. Việc triển khai thành công các giải pháp này không chỉ góp phần đạt được mục tiêu kinh tế số chiếm 20% GDP vào năm 2025 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, mà còn tạo ra một xã hội số hóa bình đẳng, nơi mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận và hưởng lợi từ công nghệ. Hành động đồng bộ và quyết liệt từ tất cả các bên liên quan sẽ là chìa khóa để xây dựng một tương lai số xán lạn cho Việt Nam, nơi công nghệ trở thành công cụ thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững.❖

HỒNG NHUNG

Tài liệu tham khảo:

1. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
2. Quyết định số 146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
3. Quyết định số 1690/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
4. Google, Temasek, & Bain & Company. (2023). *e-Conomy SEA 2023: Báo cáo Kinh tế số Đông Nam Á*.
5. Harvard Business Review. (2021). *Building Digital Communities: Lessons from the Pandemic*.
6. Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU). (2023). *Báo cáo về tình trạng kết nối internet toàn cầu*.
7. McKinsey & Company. (2021). *The Digital Transformation Journey: Insights and Learnings*.
8. UNCTAD. (2024). *Báo cáo Kinh tế số toàn cầu 2024*.
9. Hoàng Hà. *Mạng 5G sẽ phủ sóng đến hơn 99% dân số Việt Nam vào năm 2030*. VneConomy, truy cập ngày 15/2/2025.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐIỂM GIẤY PHÉP LÁI XE VÀ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÁY TẠI VIỆT NAM

Chính phủ ban hành Nghị định 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm cơ chế trừ điểm và phục hồi điểm giấy phép lái xe (GPLX). Đồng thời, Thông tư 47/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, yêu cầu kiểm định khí thải định kỳ đối với xe mô tô và xe gắn máy sử dụng trên 5 năm. Những quy định này thay thế Nghị định 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 123/2021/NĐ-CP) và là bước tiến quan trọng trong quản lý giao thông, giảm ô nhiễm không khí và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Với hơn 70 triệu xe máy lưu hành, chiếm hơn 80% tổng số phương tiện giao thông tại Việt Nam, các chính sách này không chỉ nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông mà còn góp phần xây dựng hệ thống giao thông bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe công dân.



CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐIỂM GIẤY PHÉP LÁI XE

- Nguyên tắc và quy trình trừ điểm

Theo khoản 1 Điều 50 Nghị định 168/2024/NĐ-CP, việc trừ điểm GPLX được thực hiện ngay sau khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực. Dữ liệu điểm được cập nhật tự động trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả. Quy trình này tăng cường tính răn đe, khuyến khích người lái xe tuân thủ quy định giao thông, đồng thời cung cấp cơ sở dữ liệu để theo dõi hành vi tham gia giao thông.

Trong trường hợp một cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm cùng lúc, nếu có từ hai hành vi bị trừ điểm trở lên, chỉ hành vi có mức trừ điểm cao nhất được áp dụng. Quy định này tránh xử phạt quá mức, đảm bảo công bằng và hợp lý. Nếu số điểm còn lại của GPLX thấp hơn số điểm bị trừ, toàn bộ điểm còn lại sẽ bị trừ hết.

Đối với GPLX tích hợp (kết hợp loại không thời hạn cho xe mô tô và có thời hạn cho ô tô), việc trừ điểm được thực hiện dựa trên loại phương tiện sử dụng khi vi phạm. Điểm sẽ được trừ từ GPLX không thời hạn khi điều khiển xe mô tô và từ GPLX có thời hạn khi điều khiển xe ô tô. Nghị định cũng quy định không trừ điểm trong thời gian GPLX bị tước quyền sử dụng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lái xe trong giai đoạn chịu hình phạt khác.

- Các mức trừ điểm và hành vi vi phạm

Dự thảo của Bộ Công an đề xuất 189 hành vi vi phạm bị trừ điểm, trong đó 28 hành vi nghiêm trọng bị trừ toàn bộ 12 điểm, như điều khiển xe có nồng độ cồn vượt quá 0,4 mg/lít khí thở, sử dụng chất ma túy, hoặc chạy quá tốc độ trên 35 km/h. Các hành vi này được xác định là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông, đòi hỏi xử lý nghiêm khắc.



Các mức trừ điểm khác như trừ 2 điểm (không đội mũ bảo hiểm), 4 điểm (vượt đèn đỏ), 6 điểm (chờ quá số người quy định) và 10 điểm (gây tai nạn không dừng lại). Cơ chế này không chỉ mang tính răn đe mà còn giáo dục, khuyến khích người lái xe cải thiện hành vi.

- Phục hồi điểm GPLX

Phục hồi điểm khi chưa bị trừ hết 12 điểm: Đối với GPLX chưa bị trừ hết điểm và không có vi phạm mới trong 12 tháng kể từ lần trừ điểm gần nhất, điểm sẽ được tự động phục hồi về mức tối đa 12 điểm. Quy trình này áp dụng cho cả GPLX đang bị tước quyền sử dụng và được thực hiện thông qua Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.

Thông tin phục hồi được thông báo tự động qua các kênh điện tử như Cổng dịch vụ công, Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động và Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông..

Phục hồi điểm khi bị trừ hết 12 điểm: Đối với GPLX bị trừ hết điểm, người lái xe phải tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ sau ít nhất 6 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm. Nếu đạt yêu cầu, dữ liệu điểm sẽ được phục hồi về 12 điểm, cập

nhập tự động trong hệ thống.

Thông báo phục hồi được gửi bằng văn bản theo mẫu của Bộ Công an, qua giao trực tiếp, dịch vụ bưu chính hoặc phương thức điện tử. Thông tin phục hồi được công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông và cập nhật trong căn cước điện tử nếu GPLX được tích hợp.

Kiểm định khí thải xe máy

- Cơ sở pháp lý và lộ trình triển khai

Thông tư 47/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, yêu cầu xe mô tô và xe gắn máy sử dụng trên 5 năm phải kiểm định khí thải định kỳ mỗi năm. Nghị định 168/2024/NĐ-CP bổ sung quy định xử phạt tại điểm b khoản 1 Điều 32, với mức phạt từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với xe không có bộ phận giảm thanh, giảm khói hoặc không đảm bảo quy chuẩn môi trường. Theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, kiểm định khí thải là biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí, đặc biệt tại các đô thị lớn như Hà Nội và TP.HCM, nơi xe máy chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số phương tiện.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất lộ trình kiểm định khí thải xe máy từ năm 2025 tại các thành phố lớn, bắt đầu thí điểm tại Hà Nội và TP.HCM



từ năm 2026. Xe sản xuất dưới 5 năm được miễn kiểm định, xe từ 5 đến 12 năm tuổi kiểm định 2 năm/lần và xe trên 12 năm tuổi kiểm định hàng năm. Cục Đăng kiểm Việt Nam cho biết cả nước hiện có khoảng 3.000 cơ sở đủ điều kiện kiểm định, bao gồm các trung tâm đăng kiểm và cơ sở bảo dưỡng thuộc Hiệp hội các nhà sản xuất, nhập khẩu xe máy Việt Nam (VAMM). Tại TP.HCM với hơn 8,5 triệu xe máy, dự kiến tận dụng các trung tâm bảo dưỡng để giảm áp lực cho các cơ sở đăng kiểm.

- Thực trạng ô nhiễm và lý do kiểm định

Với hơn 70 triệu xe máy đăng ký lưu hành, trong đó hơn 45 triệu xe được sử dụng hàng ngày, xe máy là nguồn phát thải ô nhiễm lớn nhất tại Việt Nam. Theo Báo cáo Tình trạng Ô nhiễm Môi trường Việt Nam 2023, xe máy cũ, đặc biệt là xe trên 5 năm tuổi, phát thải lượng lớn carbon monoxide (CO), nitrogen oxides (NOx), hydrocarbons (HC) và hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs). Các khí này gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng tại các đô thị, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, đặc biệt là các bệnh về hô hấp và tim mạch.

Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển (VIED) cho

thấy hơn 54% xe máy trên 5 năm tuổi không đạt tiêu chuẩn khí thải mức 1 theo TCVN 6438:2018. Xe trên 10 năm tuổi có tỷ lệ vượt tiêu chuẩn cao, với 72,58% tại Hà Nội, 68% tại TP.HCM và trên 59% tại Đà Nẵng. Ô nhiễm không khí tại các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM đã đạt mức báo động, với chỉ số chất lượng không khí (AQI) thường xuyên ở mức không lành mạnh, gây ra các bệnh viêm phế quản, hen suyễn, và tim mạch.

Kiểm định khí thải giúp giảm 35,55% lượng CO và 40% lượng HC, cải thiện chất lượng không khí và tiết kiệm nhiên liệu (10,07 lít/xe/năm, tương đương 1,8 nghìn tỷ đồng tại Hà Nội). Ngoài ra, xe máy cũ còn gây tiếng ồn và hư hại môi trường, làm giảm chất lượng cuộc sống. Việc kiểm định khí thải không chỉ giảm ô nhiễm mà còn nâng cao ý thức bảo dưỡng phương tiện, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường.

- Quy trình kiểm định khí thải

Thông tư 47/2024/TT-BGTVT quy định xe máy trên 5 năm tuổi phải được kiểm tra tại các trung tâm kiểm định được cấp phép, sử dụng thiết bị hiện đại để đo nồng độ khí thải (CO, NOx, HC) và kiểm tra các bộ phận như bộ lọc khí, ống xả. Nếu đạt tiêu chuẩn, xe được cấp chứng nhận an toàn kỹ thuật; nếu không, chủ xe

phải sửa chữa và tái kiểm định. Các trung tâm kiểm định cần đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, với diện tích tối thiểu 15 m²/thiết bị, hệ thống thông gió cưỡng bức và camera giám sát.

Quy trình kiểm định bao gồm: (1) đăng ký kiểm định tại trung tâm; (2) kiểm tra kỹ thuật các bộ phận liên quan đến khí thải; (3) đo nồng độ khí thải bằng thiết bị chuyên dụng; (4) cấp chứng nhận hoặc yêu cầu sửa chữa nếu không đạt. Quy trình này đảm bảo xe máy đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 3 hoặc cao hơn, góp phần giảm thiểu ô nhiễm.

- Tác động của kiểm định khí thải

Kiểm định khí thải mang lại nhiều lợi ích, bao gồm giảm ô nhiễm không khí, cải thiện sức khỏe cộng đồng và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), ô nhiễm không khí là nguyên nhân gây ra hàng triệu ca bệnh về hô hấp và tim mạch mỗi năm. Giảm khí thải từ xe máy giúp giảm tần suất mắc bệnh, cải thiện chất lượng sống, đặc biệt tại các đô thị lớn.

Chính sách này khuyến khích bảo dưỡng định kỳ, kéo dài tuổi thọ xe, giảm chi phí vận hành và tăng an toàn giao thông. Nó cũng thúc đẩy các nhà sản xuất xe máy cải tiến công nghệ, sản xuất phương tiện ít phát thải, tiêu thụ ít nhiên liệu, góp phần phát triển ngành công nghiệp xe máy bền vững. Theo Báo cáo Môi trường Toàn Cầu của Liên Hợp Quốc (UNEP), kiểm định khí thải là biện pháp hiệu quả để giảm tác động của các chất gây ô nhiễm.

Ngoài ra, kiểm định khí thải nâng cao chất lượng phương tiện giao thông trong nước. Các nhà sản xuất buộc phải cải tiến mẫu xe, tập trung vào công nghệ tiết kiệm nhiên liệu và giảm phát thải. Điều này không chỉ có lợi cho môi trường mà còn thúc đẩy cạnh tranh trong ngành công nghiệp xe máy, hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế.

- Thách thức và giải pháp

Kiểm định khí thải xe máy đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm số

lượng xe lớn (8,5 triệu xe tại TP.HCM), năng lực cơ sở kiểm định hạn chế, và chi phí kiểm định (ước tính 50.000 đồng/lần). Năng lực hiện tại khó đáp ứng nhu cầu kiểm định ngay lập tức, đặc biệt với xe trên 5 năm tuổi. Người dân cũng lo ngại về chi phí, thời gian chờ đợi và việc sửa chữa xe không đạt tiêu chuẩn.

Giải pháp bao gồm triển khai theo lộ trình, bắt đầu từ các thành phố lớn, huy động các cơ sở bảo dưỡng tham gia kiểm định và hỗ trợ người dân giải quyết khó khăn (thu hồi xe cũ, chuyển đổi phương tiện). Tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức, đầu tư cơ sở hạ tầng kiểm định và áp dụng công nghệ số trong quản lý kiểm định. Cơ quan chức năng có thể xem xét trợ giá kiểm định cho các hộ gia đình thu nhập thấp để giảm tác động kinh tế.

THẢO LUẬN VÀ Ý NGHĨA

Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Thông tư 47/2024/TT-BGTVT thể hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống

giao thông an toàn, văn minh và bền vững. Cơ chế quản lý điểm GPLX mang tính rắn đe và giáo dục, ứng dụng công nghệ số để đảm bảo minh bạch và hiệu quả. Trong khi đó, việc kiểm định khí thải xe máy góp phần giảm ô nhiễm, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững và cam kết quốc tế về giảm phát thải.

Tuy nhiên, việc triển khai đối mặt với các thách thức về cơ sở hạ tầng, nhận thức người dân, và chi phí. Các nghiên cứu trong tương lai nên đánh giá hiệu quả thực tế, tác động đến tỷ lệ tai nạn giao thông, chất lượng không khí và mức độ chấp nhận của người dân. Chính sách hỗ trợ và truyền thông cần được đẩy mạnh để đảm bảo thành công, đặc biệt trong việc khuyến khích người dân tham gia kiểm định khí thải và bảo dưỡng phương tiện định kỳ.

Các quy định này cũng mở ra cơ hội để Việt Nam học hỏi kinh nghiệm quốc tế. Tại các nước như Thái Lan và Ấn Độ đã triển khai kiểm định khí thải xe máy thành công nhờ mạng lưới cơ sở kiểm định rộng

khắp và chính sách hỗ trợ người dân. Việt Nam có thể áp dụng các mô hình tương tự, kết hợp với công nghệ số để tối ưu hóa quy trình kiểm định và quản lý GPLX.

KẾT LUẬN

Nghị định 168/2024/NĐ-CP và Thông tư 47/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 là các công cụ pháp lý quan trọng nhằm nâng cao trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Cơ chế quản lý điểm GPLX đảm bảo công bằng và nhân văn, trong khi kiểm định khí thải xe máy là bước đi cần thiết để giảm ô nhiễm không khí. Với lộ trình triển khai kỹ lưỡng, các chính sách này sẽ góp phần xây dựng văn hóa giao thông và hệ thống giao thông bền vững, hướng tới một tương lai xanh và phát triển lâu dài. Thành công của các chính sách này phụ thuộc vào sự phối hợp giữa cơ quan quản lý, người dân, và các bên liên quan, cùng với sự đầu tư vào cơ sở hạ tầng và truyền thông hiệu quả. ❖ **HOÀNG LINH**

Tài liệu tham khảo:

- Nghị định số 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.
- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải: Quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
- Phan Trang, 2024. Chứa thực hiện kiểm định khí thải xe máy từ 1/1/2025. Cổng TTĐT Chính Phủ. Truy cập ngày 2/2/2025 tại <https://baohinhphu.vn/chua-thuc-hien-kiem-dinh-khi-thai-xe-may-tu-1-1-2025-102241216132358235.htm>.
- Phương Nhi, 2024. TP.HCM có thể đi đầu trong kiểm định khí thải xe máy. Báo Tuổi Trẻ. Truy cập ngày 2/2/2025 tại <https://tuoitre.vn/tp-hcm-co-the-di-dau-trong-kiem-dinh-khi-thai-xe-may-20240724155546642.htm>.
- N. Huyền, 2024. Kiểm soát khí thải xe máy, không thể chậm trễ ở bất cứ địa phương nào. Báo Vietnamnet. Truy cập ngày 5/2/2025 tại <https://vietnamnet.vn/kiem-soat-khi-thai-xe-may-khong-the-cham-tre-o-bat-cu-dia-phuong-nao-2353930.html>.
- Tuấn Kiệt, 2024. TP.HCM sẽ kiểm định khí thải 8,5 triệu xe máy ra sao? Báo Vietnamnet. Truy cập ngày 5/2/2025 tại <https://vietnamnet.vn/tp-hcm-se-kiem-dinh-khi-thai-8-5-trieu-xe-may-ra-sao-2354339.html>.
- Lê Phạm, 2024. Thách thức kiểm định khí thải hàng chục triệu xe máy trên 5 tuổi. Báo VnExpress. Truy cập ngày 8/2/2025 tại <https://vnexpress.net/thach-thuc-kiem-dinh-khi-thai-hang-chuc-trieu-xe-may-tren-5-tuoi-4828215.html>.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023. Báo cáo Tình trạng Ô nhiễm Môi trường Việt Nam 2023..
- Tổ chức Y tế Thế giới, 2021. Nghiên cứu về Tác động của Ô nhiễm Không khí đối với Sức khỏe cộng đồng ở Việt Nam.
- Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển, 2022. Nghiên cứu về Xe Cũ và Khí Thải ở Việt Nam.
- Liên Hợp Quốc, 2020. Báo cáo Môi trường Toàn Cầu.

PHÂN TÍCH NGHỊ ĐỊNH 9/2025/NĐ-CP:

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU THIÊN TAI

Nông nghiệp Việt Nam từ lâu đã đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế quốc dân, đảm bảo an ninh lương thực và cung cấp sinh kế cho hơn 60% dân số sống ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và dịch hại thực vật đã gây thiệt hại đáng kể cho ngành nông nghiệp. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê (2024), trong giai đoạn 2018–2023, thiên tai đã gây thiệt hại trung bình khoảng 1–2% GDP mỗi năm, với ngành nông nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Các đợt thiên tai như bão Yagi (tháng 9/2024) đã gây thiệt hại hơn 30.000 tỷ đồng, phá hủy hàng nghìn hecta lúa, cây trồng, và cơ sở nuôi trồng thủy sản.



Trước thực trạng này, ngày 10/1/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 9/2025/NĐ-CP, quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục vùng bị thiệt hại do thiên tai và dịch hại thực vật, có hiệu lực từ ngày 25/2/2025. Nghị định này thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP, mang đến những thay đổi đáng kể về mức hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng và cơ chế triển khai. Với cách tiếp cận toàn diện, văn bản pháp lý này không chỉ nhằm khắc phục hậu quả tức thời

mà còn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, thích ứng với các rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng. Chính sách hỗ trợ sau thiên tai phản ánh cam kết của Nhà nước trong việc bảo vệ sinh kế của nông dân, đồng thời củng cố niềm tin của cộng đồng vào thể chế. Nghị định 9/2025/NĐ-CP được xây dựng dựa trên các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn, tiếp thu khuyến nghị từ các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (2022) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP, 2021). Văn

bản này không chỉ tập trung vào hỗ trợ vật chất mà còn nhấn mạnh việc nâng cao năng lực ứng phó, đào tạo kỹ thuật, và ứng dụng khoa học công nghệ để tăng cường khả năng chống chịu của ngành nông nghiệp.

PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

Nghị định 9/2025/NĐ-CP xác định rõ các đối tượng thụ hưởng, bao gồm cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (trừ các

doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trong các lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản và sản xuất muối. Điểm đổi mới của nghị định là mở rộng phạm vi hỗ trợ, không chỉ giới hạn ở các hộ nông dân nhỏ lẻ mà còn bao gồm các tổ chức kinh tế tập thể và mô hình hợp tác công-tư, phản ánh xu hướng hiện đại hóa và liên kết trong sản xuất nông nghiệp Việt Nam.

Các hình thức hỗ trợ gồm: cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và một phần chi phí sản xuất ban đầu như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y. Mức hỗ trợ quy định: ví dụ, đối với cây lúa, nếu thiệt hại trên 70% diện tích sau gieo trồng từ 1-10 ngày được hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; từ 10-45 ngày được hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; trên 45 ngày được hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha. Đối với thủy sản, mức hỗ trợ dao động từ 15.000.000 đồng/ha (nuôi trồng hình thức khác) đến 60.000.000 đồng/ha (thâm canh trong ao, đầm). Những mức hỗ trợ này cao hơn đáng kể so với Nghị định 02/2017/NĐ-CP, phản ánh nỗ lực của

Chính phủ trong việc giảm bớt gánh nặng tài chính cho nông dân.

Đặc biệt, nghị định nhấn mạnh việc cung cấp các giống cây trồng và vật nuôi có khả năng thích nghi cao với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng địa phương, đồng thời có sức chống chịu tốt với thiên tai và dịch bệnh. Theo nghiên cứu của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (2023), các giống cây trồng chống chịu tốt có thể tăng năng suất 15–20% trong điều kiện bất lợi, góp phần tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn hỗ trợ.

CƠ CHẾ TRIỂN KHAI VÀ TÍNH KỊP THỜI

Tính kịp thời là yếu tố cốt lõi trong việc triển khai Nghị định 9/2025/NĐ-CP, bởi thời gian phục hồi sản xuất sau thiên tai có ý nghĩa quyết định trong việc giảm thiểu thiệt hại và ngăn chặn các hệ lụy như mất mùa liên tiếp, đói nghèo và bất ổn xã hội. Nghị định quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp trong việc tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại và phân bổ hỗ trợ. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thành lập Tổ kiểm tra, bao gồm đại diện UBND cấp xã, tổ chức

chính trị-xã hội và đại diện thôn, tổ dân phố, để phối hợp với cơ sở sản xuất đánh giá mức độ thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ. Kết quả kiểm tra được báo cáo lên UBND cấp huyện để thẩm định và quyết định hỗ trợ hoặc chuyển lên UBND cấp tỉnh trong trường hợp cần thiết.

Để đảm bảo tính minh bạch, các đối tượng thụ hưởng từ ngân sách nhà nước phải cung cấp đầy đủ thông tin và số liệu thiệt hại, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của dữ liệu. Nghị định cũng quy định các cơ quan chức năng phải giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện để tránh tình trạng chồng chéo, sai đối tượng hoặc lợi dụng chính sách. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai các chương trình hỗ trợ sau thiên tai cho thấy vẫn còn những thách thức, như sự thiếu đồng bộ giữa các cấp chính quyền và hạn chế về năng lực quản lý tại một số địa phương. Báo cáo của UNDP Việt Nam (2021) chỉ ra rằng sự chậm trễ trong phân bổ hỗ trợ có thể làm giảm hiệu quả của các chương trình, đặc biệt ở các khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề.





HƯỚNG TỚI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG VÀ THÍCH ỨNG KHÍ HẬU

Nghị định 9/2025/NĐ-CP không chỉ tập trung vào khắc phục hậu quả tức thời mà còn đặt nền móng cho một nền nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chính sách khuyến khích áp dụng các mô hình canh tác an toàn, chẳng hạn như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái và sử dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước. Việc ưu tiên cung cấp giống cây trồng và vật nuôi có khả năng chống chịu cao là một bước tiến quan trọng, giúp giảm thiểu rủi ro trong điều kiện thời tiết cực đoan. Theo Ngân hàng Thế giới (2022), đầu tư vào các giải pháp nông nghiệp thông minh với khí hậu có thể giảm 30–40% thiệt hại do thiên tai tại Việt Nam, đồng thời tăng cường năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Bên cạnh đó, nghị định đề cao vai trò của khoa học công nghệ trong

việc nâng cao khả năng chống chịu trước thiên tai. Các chương trình nghiên cứu và lai tạo giống, phát triển công nghệ tưới tiết kiệm và ứng dụng chế phẩm sinh học được khuyến khích triển khai rộng rãi. Ví dụ, việc sử dụng giống lúa chịu mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long đã giúp tăng năng suất lên 10–15% trong điều kiện xâm nhập mặn gia tăng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2023). Những giải pháp này không chỉ hỗ trợ khôi phục sản xuất mà còn góp phần xây dựng một hệ sinh thái nông nghiệp có khả năng “miễn dịch” tốt hơn trước các tác động của thiên tai.

Nghị định cũng nhấn mạnh việc đào tạo và nâng cao năng lực cho nông dân. Các chương trình tập huấn về kỹ thuật canh tác thích ứng, quản lý rủi ro thiên tai và ứng dụng công nghệ cần được lồng ghép vào quá trình hỗ trợ. Điều này nhằm xây dựng một thế

hệ nông dân mới, không chỉ chăm chỉ mà còn có tư duy kinh tế, khả năng hợp tác và năng lực ứng dụng khoa học công nghệ. Việc nâng cao năng lực của nông dân là yếu tố then chốt để đảm bảo hiệu quả lâu dài của các chính sách hỗ trợ nông nghiệp.

THÁCH THỨC TRONG TRIỂN KHAI VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Mặc dù mang nhiều điểm tiến bộ, việc triển khai Nghị định 9/2025/NĐ-CP vẫn đối mặt với một số thách thức. Thứ nhất, việc đánh giá thiệt hại và xác định đối tượng thụ hưởng đòi hỏi sự minh bạch và khách quan để tránh tiêu cực. Một số địa phương, đặc biệt là các khu vực nông thôn còn thiếu nhân lực và công nghệ để thực hiện đánh giá chính xác, dẫn đến nguy cơ sai lệch thông tin. Thứ hai, nguồn lực tài chính cho chính sách hỗ trợ là một hạn chế lớn, đặc biệt khi ngân sách nhà nước phải phân bổ cho nhiều lĩnh vực. Theo Bộ

Tài chính (2024), chi phí hỗ trợ thiên tai hàng năm chiếm khoảng 0,5–1% ngân sách quốc gia, đòi hỏi sự huy động thêm từ các nguồn lực xã hội, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, và các tổ chức quốc tế.

Thứ ba, sự thiếu đồng bộ trong phối hợp giữa các cấp chính quyền và cơ quan chuyên môn có thể làm chậm tiến độ hỗ trợ. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2023) chỉ ra rằng một số địa phương gặp khó khăn trong việc điều phối nguồn lực và triển khai các biện pháp hỗ trợ kịp thời, đặc biệt trong các đợt thiên tai lớn. Để khắc phục, cần tăng cường năng lực quản lý cho các cơ quan địa phương, đồng thời ứng dụng công nghệ số trong việc thống kê thiệt hại và phân bổ hỗ trợ.

Để nâng cao hiệu quả triển khai, một số giải pháp được đề xuất như sau:

1. Tăng cường giám sát và minh bạch hóa: Thiết lập hệ thống giám sát độc lập và sử dụng công nghệ số (như phần mềm quản lý thiên tai) để theo dõi quá trình phân bổ hỗ trợ, đảm bảo nguồn lực đến đúng đối tượng.
2. Huy động nguồn lực xã hội: Kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, và các tổ chức quốc tế để bổ sung nguồn lực tài chính và kỹ thuật cho chương trình hỗ trợ.
3. Đào tạo và nâng cao năng lực nông dân: Tăng cường các chương trình tập huấn về kỹ thuật canh tác thích ứng, quản lý rủi ro, và ứng dụng công nghệ, nhằm giúp nông dân tự chủ hơn trong việc ứng phó với thiên tai.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học: Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển giống cây trồng, vật nuôi chống chịu tốt, cũng như các công nghệ nông nghiệp tiên tiến, để nâng cao khả năng thích ứng của ngành nông nghiệp.

TẦM NHÌN DÀI HẠN VÀ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC

Nghị định 9/2025/NĐ-CP không chỉ là một chính sách để khắc phục hậu quả thiên tai mà còn là một phần của chiến lược tổng thể nhằm tăng cường khả năng chống chịu của ngành nông nghiệp trước biến đổi khí hậu. Với tần suất và cường độ thiên tai dự kiến sẽ gia tăng trong tương lai, việc thể chế hóa các chính sách hỗ trợ và xây dựng hệ thống phòng ngừa–ứng phó–phục hồi đồng bộ là xu thế tất yếu. Nghị định này cần được tiếp tục bổ sung và hoàn thiện qua thực tiễn, đồng thời trở thành nền tảng cho việc luật hóa các chính sách phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong nông nghiệp.

Từ góc độ cộng đồng, chính sách hỗ trợ sau thiên tai góp phần củng cố niềm tin của người dân vào Nhà nước, khuyến khích họ tích cực tham gia các chương trình phát triển nông nghiệp. Sự đồng hành của chính quyền, tổ chức xã hội và doanh nghiệp sẽ tạo nên một hệ sinh thái hỗ trợ mạnh mẽ, giúp nông dân không còn đơn độc trong cuộc chiến với thiên tai. Các chính sách hỗ trợ hiệu quả có thể kích thích các phong trào sản xuất và tái thiết sau thiên tai, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

Về mặt kinh tế, nghị định góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, một trong những ưu tiên hàng đầu của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp nhanh chóng sau thiên tai không chỉ giúp ổn định sinh kế của nông dân mà còn duy trì chuỗi cung ứng thực phẩm và xuất khẩu nông sản, vốn là thế mạnh của Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê (2024), nông sản Việt Nam như lúa gạo, thủy sản, và trái cây đã chiếm hơn 20% kim ngạch xuất khẩu quốc gia trong năm 2023.

KẾT LUẬN

Nghị định 9/2025/NĐ-CP là một bước tiến quan trọng trong nỗ lực của Chính phủ nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sau thiên tai và xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Với phạm vi hỗ trợ toàn diện, cơ chế triển khai linh hoạt và tầm nhìn dài hạn, chính sách này không chỉ giúp nông dân vượt qua khó khăn trước mắt mà còn góp phần hiện đại hóa ngành nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực và giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thời tiết ngày càng cực đoan. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tối ưu, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, sự tham gia của cộng đồng và sự đầu tư vào khoa học công nghệ. Nếu được thực hiện đồng bộ, minh bạch và hiệu quả, Nghị định 9/2025/NĐ-CP sẽ là nền tảng cho sự phát triển bền vững của nông nghiệp Việt Nam trong tương lai. ♦

KHÁNH LINH

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 9/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2023. Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và khôi phục sản xuất nông nghiệp năm 2023.
3. Tổng cục Thống kê, 2024. Niên giám thống kê Việt Nam 2023. Hà Nội: NXB Thống kê.
4. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2023. Nghiên cứu ứng dụng giống cây trồng chống chịu thiên tai tại Việt Nam. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
5. Ngân hàng Thế giới, 2022. Việt Nam: Hướng tới nền nông nghiệp chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Báo cáo kỹ thuật.
6. UNDP Việt Nam, 2021. Tăng cường khả năng chống chịu của nông dân trước thiên tai và biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Báo cáo dự án hỗ trợ kỹ thuật.
7. TS. Võ Hữu Phước, 2022. Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, truy cập ngày 10/2/2025 tại <https://kinhtevadubao.vn/phat-trien-nong-nghiep-ben-vung-thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-23316.html>

QUY ĐỊNH SỞ HỮU ĐẤT ĐAI: GÓC NHÌN TỪ QUỐC TẾ VÀ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM



TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích các mô hình sở hữu đất đai trên thế giới, làm sáng tỏ những thách thức mà các quốc gia đối mặt trong việc quản lý tài nguyên đất – một nguồn lực chiến lược cho phát triển kinh tế và xã hội. Đồng thời, bài viết tái hiện hành trình lịch sử của chế độ sở hữu đất đai tại Việt Nam, với trọng tâm là chế độ sở hữu toàn dân hiện hành. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giống như nhiều quốc gia khác, Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi về sở hữu đất đai, phản ánh những biến động lịch sử và yêu cầu phát triển. Chế độ sở hữu toàn dân hiện nay, với những cải cách linh hoạt, không chỉ phù hợp với đặc thù văn hóa và chính trị Việt Nam mà còn tiệm cận các xu hướng toàn cầu, đặc biệt trong việc mở rộng quyền của người sử dụng đất để thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA SỞ HỮU ĐẤT ĐAI TRONG PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU

Đất đai không chỉ là nền tảng vật chất cho đời sống con người mà còn là yếu tố cốt lõi định hình các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường. Quyền sở hữu và sử dụng đất ảnh hưởng sâu sắc đến sinh kế của hàng tỷ người, từ việc đảm bảo an ninh lương thực đến hỗ trợ các dự án phát triển đô thị và công nghiệp. Theo thống kê từ cơ sở dữ liệu Scopus, từ năm 1950 đến 2020, hơn 5.800 bài báo học thuật đã được công bố về chủ đề sở hữu đất đai, với số lượng tăng đều qua các thập kỷ: từ khoảng 100 bài mỗi năm trước năm 1999, lên 180 bài/năm trong giai đoạn 1999-2010, và đạt mức 350 bài/năm từ 2010-2020 (Salmerón-Manzano & Manzano-Agugliaro, 2023). Con số này không chỉ phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn của giới học thuật mà còn cho thấy tính phức tạp và cấp bách của vấn đề trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa, và biến đổi khí hậu. Bài viết này đặt mục tiêu khám phá các mô hình sở hữu đất đai trên thế giới,

phân tích những thách thức mà các quốc gia đang đối mặt, và đối chiếu với thực tiễn tại Việt Nam. Đặc biệt, nghiên cứu tập trung vào quá trình hình thành và phát triển của chế độ sở hữu đất đai tại Việt Nam, từ thời phong kiến đến chế độ sở hữu toàn dân hiện nay, đồng thời đánh giá tác động của các cải cách pháp luật gần đây, nổi bật là Luật Đất đai 2024. Qua đó, bài viết không chỉ làm rõ tính phù hợp của chế độ sở hữu toàn dân mà còn rút ra các bài học từ kinh nghiệm quốc tế để định hướng quản lý đất đai hiệu quả hơn trong tương lai.

KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA CHẾ ĐỘ SỞ HỮU ĐẤT ĐAI

Chế độ sở hữu đất đai là tập hợp các quy định pháp luật và thực tiễn xã hội điều chỉnh quyền kiểm soát, sử dụng và chuyển giao đất đai giữa các chủ thể, bao gồm nhà nước, cá nhân, và cộng đồng (FAO, 2002). Hệ thống này không chỉ xác định ai có quyền sở hữu hoặc sử dụng đất mà còn đặt ra các trách nhiệm

liên quan, từ khai thác kinh tế đến bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Ở cấp độ cá nhân, quyền sở hữu đất đai mang lại sự an tâm về pháp lý, đảm bảo người dân có thể sử dụng đất mà không sợ bị chiếm đoạt hoặc thu hồi trái phép (UNCCD, 2017). Ở cấp độ xã hội, một hệ thống sở hữu đất đai minh bạch và công bằng khuyến khích đầu tư, giảm thiểu xung đột và tạo nền tảng cho ổn định kinh tế. Hơn nữa, từ góc độ môi trường, việc quản lý đất đai bền vững thông qua các chính sách sở hữu hợp lý đóng vai trò then chốt trong việc bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với các thách thức khí hậu toàn cầu (Törhönen, 2024).

Thế giới, các chế độ sở hữu đất đai có thể được phân loại thành bốn nhóm chính:

- **Sở hữu toàn dân (Public/State Tenure):** Đất đai thuộc về toàn dân, với nhà nước đóng vai trò đại diện quản lý và phân bổ quyền sử dụng. Mô hình này phổ biến ở các quốc gia xã hội chủ nghĩa như Việt Nam và Trung Quốc.

- **Sở hữu tư nhân (Private Tenure):** Cá nhân hoặc tổ chức có quyền sở hữu đất vô thời hạn, với đầy đủ quyền sử dụng, chuyển nhượng và khai thác kinh tế. Mô hình này chiếm ưu thế ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, Canada, và Đức.

- **Sở hữu tập thể (Collective Tenure):** Đất đai thuộc về một cộng đồng hoặc nhóm, với quyền sử dụng được phân bổ theo quy tắc nội bộ, thường thấy ở các khu vực bản địa hoặc nông thôn truyền thống.

- **Sở hữu hỗn hợp:** Kết hợp các yếu tố của ba mô hình trên, tùy thuộc vào bối cảnh văn hóa, chính trị, và kinh tế của từng quốc gia (FAO, 2002; UNCCD, 2017).

CÁC MÔ HÌNH SỞ HỮU ĐẤT ĐAI TRÊN THẾ GIỚI: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC

- Các quốc gia phát triển:

Ở các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Canada và Úc, chế độ sở hữu tư nhân là nền tảng của hệ thống quản lý đất đai. Quyền sở hữu đất được bảo vệ chặt chẽ thông qua các quy định pháp lý và hệ thống đăng ký địa bạ minh bạch. Đất đai được xem như một loại tài sản giao dịch tự do trên thị trường bất động sản, tạo điều kiện cho các hoạt động mua bán, cho thuê, và

thế chấp. Như tại Vương quốc Anh, mô hình thuê đất dài hạn (leasehold) với thời hạn lên đến 99 năm là một hình thức phổ biến ở các khu đô thị, cho phép người dân sử dụng đất mà không cần sở hữu hoàn toàn (Home, 2009).

Tuy nhiên, các quốc gia này không tránh khỏi những thách thức. Một vấn đề nổi bật là xung đột về quyền đất đai với các cộng đồng bản địa. Tại Canada và Úc, các dân tộc bản địa liên tục đấu tranh để đòi lại quyền kiểm soát đất đai truyền thống, vốn bị chiếm đoạt trong thời kỳ thực dân (Colchester et al., 2004). Ngoài ra, sự tăng giá bất động sản quá mức ở các đô thị lớn như London, New York và Sydney đã làm gia tăng bất bình đẳng, khiến nhiều người dân khó tiếp cận nhà ở. Một số quốc gia đã áp dụng các biện pháp như thuế chuyển nhượng đất đai cao hoặc quy định bảo vệ đất nông nghiệp để kiểm soát đầu cơ và bảo vệ môi trường, nhưng hiệu quả vẫn còn hạn chế (UN-Habitat, 2014).

- Các quốc gia đang phát triển:

Tại các quốc gia đang phát triển như Ấn Độ, Kenya, Nigeria và Indonesia, chế độ sở hữu đất đai thường mang tính hỗn hợp, kết hợp giữa sở hữu chính thức (được công nhận bởi pháp luật) và không chính thức (dựa trên phong tục hoặc tập quán). Ở các khu vực nông thôn, đất đai không chính thức chiếm tỷ lệ lớn, đặc biệt ở các cộng đồng bản địa, nơi quyền sử dụng đất thường được truyền miệng mà không có giấy tờ pháp lý. Điều này khiến người dân dễ bị mất đất do các dự án phát triển hoặc chiếm đoạt bất hợp pháp (French Development Cooperation, 2009).

Hệ thống sở hữu đất đai ở các quốc gia này thường thiếu ổn định, dẫn đến nhiều tranh chấp và cản trở đầu tư. Như tại Kenya, các quy định pháp lý chồng chéo và thiếu minh bạch đã gây ra hàng loạt vụ tranh chấp đất đai, đặc biệt ở các khu vực đô thị hóa nhanh (UNCCD, 2017). Tham nhũng trong quản lý đất đai và sự thiếu hụt cơ chế bảo vệ quyền lợi của người dân càng làm trầm trọng thêm tình hình. Theo Ngân hàng Thế giới, cải cách quản lý đất đai là một trong những ưu tiên hàng đầu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia

đang phát triển, nhưng tiến trình này đòi hỏi sự đồng thuận chính trị và nguồn lực lớn (World Bank, 2023).

HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ CỦA CHẾ ĐỘ SỞ HỮU ĐẤT ĐAI TẠI VIỆT NAM

- Thời kỳ phong kiến và thuộc địa (trước 1945):

Trong thời kỳ phong kiến, đất đai tại Việt Nam chủ yếu thuộc về nhà nước phong kiến, địa chủ, hoặc các tổ chức tôn giáo lớn. Nông dân (tá điền) thường chỉ có quyền sử dụng đất thông qua thuê mướn hoặc canh tác trên đất công, với điều kiện nộp tô thuế nặng nề. Dưới thời thuộc địa Pháp, đất đai ở miền Nam bị tập trung vào tay các địa chủ và công ty tư nhân, trong khi miền Bắc duy trì phần nào mô hình sở hữu phong kiến truyền thống. Sự bất bình đẳng trong phân phối đất đai là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến các cuộc khởi nghĩa nông dân.

- Giai đoạn 1945-1975:

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam bắt đầu thực hiện cải cách ruộng đất nhằm phân phối lại đất đai từ địa chủ cho nông dân nghèo. Ở miền Bắc, chế độ sở hữu toàn dân được thiết lập, với đất đai được nhà nước quản lý và phân bổ thông qua các hợp tác xã nông nghiệp. Quá trình cải cách ruộng đất giai đoạn 1953-1956 đã tái phân phối hàng triệu hecta đất, nhưng cũng gây ra nhiều tranh cãi về cách thực hiện.

Ở miền Nam, chế độ sở hữu tư nhân vẫn được duy trì dưới chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Chương trình “Người cày có ruộng” (1970) cho phép nông dân sở hữu tối đa 3 ha đất ở đồng bằng và 5 ha ở vùng cao nguyên, nhưng đất đai có giá trị cao vẫn tập trung trong tay một số ít địa chủ và doanh nghiệp. Sự phân cực về chế độ sở hữu giữa hai miền phản ánh những khác biệt sâu sắc về chính trị và kinh tế.

- Giai đoạn 1975-1986:

Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, Hiến pháp 1980 chính thức quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước thống nhất quản lý (Điều 19, 20). Quyền sở hữu tư nhân bị xóa bỏ và đất đai được phân bổ cho nông dân thông qua các hợp tác xã. Tuy nhiên hiệu quả



kinh tế của mô hình này thấp, dẫn đến tình trạng thiếu lương thực và năng suất nông nghiệp giảm sút. Năm 1981, Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư đã mở ra chính sách khoán sản phẩm, giao đất cho các hộ gia đình để khuyến khích sản xuất. Dù vậy, quyền sử dụng đất vẫn thuộc về hợp tác xã và người dân chưa có quyền tự do chuyển nhượng hay khai thác kinh tế từ đất.

- Từ năm 1986 đến nay:

Chính sách đổi mới năm 1986 đánh dấu bước ngoặt trong quản lý đất đai tại Việt Nam. Luật Đất đai 1987 công nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình và cá nhân, nhưng chưa xem quyền này là tài sản giao dịch. Đến Luật Đất đai 1993, quyền sử dụng đất được chính thức công nhận là hàng hóa, cho phép người dân chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp và góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất được quy định là 20 năm cho đất trồng cây hàng năm và 50 năm cho đất trồng cây lâu năm, tạo động lực cho người dân đầu tư vào sản xuất.

Luật Đất đai 2003 và 2013 tiếp tục mở rộng quyền của người sử dụng đất, đồng thời bổ sung các quy định về thu hồi đất, bồi thường, và hỗ trợ tái định cư. Tuy nhiên, những hạn chế như quy hoạch thiếu thực tiễn, thủ tục hành chính phức tạp, và tình trạng dự án treo vẫn tồn tại, gây lãng phí tài nguyên và ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

Luật Đất đai 2024: Cải cách đột phá và định hướng tương lai

Luật Đất đai 2024 được Quốc hội thông qua là một cột mốc quan trọng trong nỗ lực hoàn thiện khung pháp lý về đất đai tại Việt Nam. Với mục tiêu khắc phục những bất cập của Luật Đất đai 2013 và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, luật này mang đến nhiều đổi mới mang tính đột phá:

- Xóa bỏ khung giá đất cố định: Thay vì sử dụng khung giá đất cố định 5 năm/lần, giá đất hiện được xác định theo nguyên tắc thị trường, cập nhật hàng năm để phản ánh đúng giá trị thực tế. Điều này giúp giảm thiểu chênh lệch giữa giá đất nhà nước và thị trường, đồng thời tăng tính minh bạch trong bồi thường và thu hồi đất.

- Mở rộng hạn mức chuyển nhượng đất nông nghiệp: Cá nhân được phép nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với hạn mức tối đa gấp 15 lần hạn mức giao đất, so với mức 10 lần trước đây. Quy định này tạo điều kiện cho các dự án nông nghiệp quy mô lớn và khuyến khích đầu tư vào nông thôn.

- Nói lỏng quy định về đất trồng lúa: Cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được phép nhận chuyển nhượng đất trồng lúa, mở ra cơ hội sử dụng đất hiệu quả hơn và giảm tình trạng bỏ hoang đất nông nghiệp.

- Linh hoạt trong bồi thường: Ngoài bồi thường bằng tiền hoặc đất cùng mục đích, người dân có thể nhận đất

khác mục đích hoặc nhà ở, với quyền tự do lựa chọn hình thức phù hợp. Các khoản hỗ trợ bổ sung, như chi phí di dời vật nuôi, tháo dỡ tài sản, và tái định cư, cũng được quy định rõ ràng hơn.

- Tăng cường minh bạch và trách nhiệm: Luật yêu cầu hoàn thành bồi thường và tái định cư trước khi thu hồi đất, đồng thời thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ hơn trong việc giao đất và cho thuê đất. Doanh nghiệp thuê đất phải nộp tiền thuê đất hàng năm trong chu kỳ 5 năm, với giá thuê dựa trên bảng giá đất cập nhật.

- Đồng bộ hóa pháp luật: Luật sửa đổi các quy định về người sử dụng đất để thống nhất với Bộ luật Dân sự, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo, và Luật Quốc tịch, đảm bảo quyền tiếp cận đất đai bình đẳng cho tất cả công dân Việt Nam, bao gồm cả người định cư ở nước ngoài.

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), các quy định mới trong Luật Đất đai 2024 dự kiến sẽ giảm thiểu tranh chấp đất đai, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên, và tạo động lực cho các dự án phát triển hạ tầng và đô thị. Những cải cách này không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý đất đai mà còn củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật.

NHỮNG THÁCH THỨC TỒN TẠI TRONG QUẢN LÝ ĐẤT TẠI VIỆT NAM

Dù đã đạt được nhiều tiến bộ, hệ thống quản lý đất đai tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều trở ngại. Quy hoạch sử dụng đất thường thiếu tầm nhìn dài hạn, dẫn đến tình trạng điều chỉnh liên tục và gây lãng phí tài nguyên. Tình trạng dự án treo – các dự án được phê duyệt nhưng không triển khai – tiếp tục gây bức xúc cho người dân, đặc biệt ở các khu vực đô thị hóa nhanh.

Thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng và thừa kế vẫn còn phức tạp và kéo dài, làm tăng chi phí và rủi ro cho người dân. Việc thẩm định giá đất thiếu cơ quan độc lập, phụ thuộc chủ yếu vào chính quyền địa phương, dễ dẫn đến tiêu cực và thiếu minh bạch. Quyền sử dụng đất dù được công nhận là tài sản, vẫn bị giới hạn bởi thời hạn (thường là 50 năm),

làm giảm động lực đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và cá nhân.

Bên cạnh đó, tranh chấp đất đai là một vấn đề dai dẳng, đặc biệt trong các trường hợp liên quan đến thu hồi đất và bồi thường. Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ, hơn 70% khiếu nại hành chính tại Việt Nam liên quan đến đất đai, với nguyên nhân chính là sự không minh bạch trong quy trình thu hồi và bồi thường (Thanh tra Chính phủ, 2023). Tham nhũng trong lĩnh vực đất đai cũng là một thách thức lớn, làm suy giảm niềm tin của người dân vào hệ thống quản lý nhà nước.

CHẾ ĐỘ SỞ HỮU TOÀN DÂN: TÍNH PHÙ HỢP VÀ TRANH LUẬN

Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai tại Việt Nam được duy trì dựa trên các lý do lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội. Những người ủng hộ lập luận rằng mô hình này mang lại nhiều lợi ích quan trọng:

- Bảo vệ tài nguyên quốc gia: Đất đai là tài sản chung của dân tộc, không thể để rơi vào tay một số cá nhân thông qua thị trường tự do. Sở hữu toàn dân giúp nhà nước kiểm soát đất đai vì lợi ích chung.
- Thúc đẩy công nghiệp hóa: Chế độ sở hữu toàn dân tạo điều kiện cho nhà nước thu hồi đất để triển khai các dự án hạ tầng, công nghiệp và đô thị, tránh tình trạng thương lượng phức tạp với

nhiều chủ sở hữu tư nhân.

- Ngăn chặn bất bình đẳng: Công nhận sở hữu tư nhân có thể dẫn đến sự tích tụ đất đai trong tay một số ít người giàu, làm gia tăng bất bình đẳng và đẩy nông dân vào cảnh mất đất.

- Đảm bảo an ninh lương thực: Nhà nước có thể kiểm soát diện tích đất nông nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa, để duy trì an ninh lương thực quốc gia.

Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng chế độ sở hữu toàn dân có những hạn chế cần khắc phục. Tiến sĩ Thang Văn Phúc, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ lập luận rằng công nhận sở hữu tư nhân có thể thúc đẩy thị trường đất đai minh bạch hơn, khuyến khích đầu tư dài hạn và giảm tranh chấp đất đai. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng bất kỳ cải cách nào cũng cần đi kèm các chính sách bảo vệ người dân yếu thế để tránh bất bình đẳng. Các chuyên gia quốc tế cũng cho rằng mô hình sở hữu toàn dân dù hiệu quả trong một số bối cảnh, vẫn có thể gây ra rủi ro nếu thiếu cơ chế giám sát chặt chẽ và minh bạch.

KẾT LUẬN

Chế độ sở hữu đất đai là một trong những vấn đề chiến lược, định hình con đường phát triển của mọi quốc gia. Tại Việt Nam, chế độ sở hữu toàn dân đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi để đáp ứng yêu cầu của

từng thời kỳ, từ thời phong kiến đến thời kỳ đổi mới và hiện nay.

Với Luật Đất đai 2024, Việt Nam đang từng bước hội nhập với các xu hướng toàn cầu, đặc biệt trong việc mở rộng quyền của người sử dụng đất và tăng cường minh bạch trong quản lý.

Để đảm bảo phát triển bền vững, Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Xây dựng quy hoạch đất đai dài hạn, dựa trên dữ liệu khoa học và tham vấn cộng đồng, để tối ưu hóa sử dụng tài nguyên.
- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ số trong quản lý đất đai để giảm chi phí và thời gian cho người dân.
- Thiết lập các cơ quan thẩm định giá đất độc lập và cơ chế giám sát chặt chẽ để ngăn chặn tiêu cực và tham nhũng.
- Tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai nhanh chóng và công bằng, đặc biệt cho các nhóm yếu thế.
- Học hỏi kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ các quốc gia có hệ thống quản lý đất đai minh bạch như Singapore và Đức, để nâng cao hiệu quả quản lý.

Những cải cách này không chỉ giúp Việt Nam khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai mà còn củng cố niềm tin của người dân, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và tiến tới mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045.❖

THU TRANG

Tài liệu tham khảo:

1. Chi thị 100-CT/TW năm 1981 về Cải tiến công tác khoán mở rộng sản phẩm đến nhóm lao động hợp tác xã nông nghiệp.
2. Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.
3. Báo cáo đánh giá tác động của Luật Đất đai 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2024.
4. Colchester, M., Griffiths, T., MacKay, F., & Nelson, J. (2004). Indigenous land tenure: Challenges and possibilities. In *FAO Land Reform, Land Settlement and Cooperatives*. Truy cập ngày 23/2/2025 tại: <https://www.fao.org/4/y5407t/y5407t04.htm>
5. FAO, 2002. Land tenure and rural development. *FAO Land Tenure Studies* 3. Truy cập ngày 23/2/2025 tại: <https://www.fao.org/4/y4307e/y4307e05.htm#bm05>
6. French Development Cooperation, 2009. *Land Governance and Security of Tenure in Developing Countries. White Paper*. Truy cập ngày 23/2/2025 tại: <https://www.agter.asso.fr/IMG/pdf/land-governance-and-security-of-tenure-in-developing-countries.pdf>
7. Home, R, 2009. Land ownership in the United Kingdom: Trends, preferences and future challenges. *Land Use Policy*. Truy cập ngày 23/2/2025 tại: https://www.researchgate.net/publication/222408718_Land_ownership_in_the_United_Kingdom_Trends_preferences_and_future_challenges
8. Törhonen, M.-P., 2024. Securing land tenure to secure a sustainable future. *World Bank Blogs*. Truy cập ngày 22/2/2025 tại: <https://blogs.worldbank.org/en/sustainablecities/securing-land-tenure-to-secure-a-sustainable-future>
9. UN-Habitat., 2014. *Land tenure security in selected countries: Synthesis Report*. Truy cập ngày 22/2/2025 tại: https://unhabitat.org/sites/default/files/download-manager-files/Land%20Tenure%20Security%20in%20Selected%20Countries_English_2014.pdf
10. UNCCD., 2017. *Land tenure and rights. Global Land Outlook Working Paper*. Truy cập ngày 19/2/2025 tại: https://www.unccd.int/sites/default/files/2018-06/5.%20Land%2BTenure%2Band%2BRights_E_Kasimbazi.pdf
11. Duyệt Tu Ha, 2022. Nhìn lại hai cuộc cải cách ruộng đất ở miền Nam ít người biết
12. Lê Minh Hoàng, 2021. Thực tiễn thi hành Luật Đất đai 2013 và những bất cập cần sửa đổi, bổ sung. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, truy cập ngày 15/2/2025.

LUẬT DỮ LIỆU 2024:

ĐỘNG LỰC KIẾN TẠO TƯƠNG LAI SỐ

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, dữ liệu trở thành tài nguyên chiến lược, thúc đẩy quản lý nhà nước, phát triển kinh tế và đổi mới xã hội. Tại Việt Nam, Luật Dữ liệu 2024, được Quốc hội thông qua ngày 30/11/2024 theo Nghị quyết 97/NQ-CP ngày 24/6/2024, đánh dấu bước ngoặt trong hoàn thiện khung pháp lý về quản lý dữ liệu. Luật này, do Bộ Công an chủ trì soạn thảo, điều chỉnh các hoạt động dữ liệu và đặt nền móng cho việc xây dựng Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản lý dữ liệu xuyên biên giới và phát triển thị trường dữ liệu. Bài nghiên cứu này phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn, các chính sách cốt lõi và ý nghĩa của Luật Dữ liệu 2024, đồng thời tham chiếu kinh nghiệm quốc tế để đánh giá tác động và đề xuất giải pháp triển khai hiệu quả, góp phần xây dựng một hệ sinh thái số bền vững tại Việt Nam.

BỐI CẢNH VÀ Ý NGHĨA CỦA LUẬT DỮ LIỆU 2024

Chuyển đổi số là động lực cốt lõi để Việt Nam hội nhập và cạnh tranh trong kỷ nguyên số, với mục tiêu hiện đại hóa quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy kinh tế số và xây dựng xã hội số. Dữ liệu, được xem như "nhiên liệu" của nền kinh tế số, đòi hỏi một khung pháp lý chặt chẽ để quản lý, khai thác và bảo vệ. Luật Dữ liệu 2024 được thông qua ngày 30/11/2024 sau quá trình xây dựng và lấy ý kiến tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa XV (tháng 10/2024), là bước tiến chiến lược nhằm đáp ứng nhu cầu này. Luật không chỉ thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng Chính phủ số mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển của các ngành công nghiệp dựa trên dữ liệu, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo vệ quyền lợi công dân trong môi trường



số. Việc thông qua Luật Dữ liệu 2024 khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc kiến tạo một hệ sinh thái số hiện đại, an toàn và bền vững, đồng thời hội nhập với các tiêu chuẩn quản lý dữ liệu toàn cầu.

Luật Dữ liệu 2024 được xây dựng dựa trên nền tảng chính trị và pháp lý vững chắc, phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, với các mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số và phát triển kinh tế, xã hội số. Nghị



quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị khuyến khích đầu tư vào các trung tâm dữ liệu lớn và phát triển khoa học phân tích dữ liệu, nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong công nghiệp hóa. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 yêu cầu xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia đồng bộ, tạo điều kiện cho kết nối liên thông giữa các cơ quan và tổ chức. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, khẳng định tầm quan trọng của dữ liệu trong chiến lược phát triển quốc gia.

Về mặt pháp lý, Điều 62 Hiến pháp năm 2013 quy định khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, khuyến khích nghiên cứu và đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao. Nghị quyết số 81/2023/QH15 về quy hoạch tổng thể quốc gia và Quyết định số 2289/QĐ-TTg về chiến lược quốc gia cho Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư định hướng cụ thể cho việc phát triển hạ tầng dữ liệu. Công văn số 7455-CV/VPTW ngày 31/7/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, đồng ý chủ trương xây dựng trung tâm này và giao Đảng đoàn Quốc hội phối hợp rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan. Trước khi Luật Dữ liệu 2024 được thông qua, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2024 là văn bản pháp luật duy nhất quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng phạm vi điều chỉnh hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý dữ liệu toàn diện trong bối cảnh chuyển đổi số. Luật Dữ liệu 2024 ra đời nhằm thể chế hóa các nguyên tắc hiến pháp, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đồng thời khắc phục các khoảng trống pháp lý hiện hành.

THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU TẠI VIỆT NAM

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong quá trình chuyển đổi số, đặc biệt trong việc xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia. Đến nay, 07 cơ sở dữ liệu quốc gia đã được khởi tạo, trong đó một số đã đạt được mức

độ liên thông nhất định, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện trải nghiệm của người dân. Hạ tầng công nghệ cho các trung tâm dữ liệu cũng nhận được sự đầu tư đáng kể, tạo nền tảng cho các ứng dụng số trong các lĩnh vực như hành chính công, y tế, giáo dục và giao thông.

Tuy nhiên, nhiều thách thức vẫn tồn tại, cản trở quá trình phát triển hệ sinh thái dữ liệu quốc gia. Một số bộ, ngành thiếu hạ tầng công nghệ cần thiết để triển khai các hệ thống cốt lõi dẫn đến khó khăn thu thập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu. Dữ liệu nhiều cơ quan không đồng nhất về định dạng và tiêu chuẩn, gây trở ngại cho việc tích hợp và khai thác. Các trung tâm dữ liệu hiện nay thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất, ít được bảo trì định kỳ, làm tăng nguy cơ mất an ninh và an toàn hệ thống. Việc thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tại một số cơ quan còn tiềm ẩn rủi ro về bảo mật, đặc biệt trong bối cảnh các mối đe dọa an ninh mạng ngày càng gia tăng. Những hạn chế này cho thấy sự cấp thiết của Luật Dữ liệu 2024 trong việc chuẩn hóa quản lý dữ liệu, đảm bảo an ninh và tối ưu hóa hiệu quả khai thác.

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ DỮ LIỆU

Kinh nghiệm quốc tế cung cấp nhiều bài học quý giá cho Việt Nam trong việc xây dựng và triển khai Luật Dữ liệu 2024. Liên minh Châu Âu (EU) đã áp dụng Luật Quản trị Dữ liệu và Đạo luật Dữ liệu Châu Âu cho 27 nước thành viên, tạo ra một cơ chế chia sẻ dữ liệu hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường tính minh bạch. Hàn Quốc với Luật Dữ liệu Mở đã khuyến khích sử dụng dữ liệu công để phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đồng thời nâng cao sự tham gia của người dân vào quá trình quản lý nhà nước. Singapore thông qua sáng kiến Smart Nation đã xây dựng một hệ sinh thái số tích hợp, tăng cường kết nối giữa các dịch vụ công, cải thiện trải nghiệm người dùng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ.

Nhật Bản tập trung vào việc quản lý dữ liệu y tế và xã hội để nâng cao chất lượng cuộc sống, trong khi Hoa Kỳ khuyến khích dữ liệu mở nhằm tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính phủ.

Những mô hình này đều nhấn mạnh vai trò của các trung tâm dữ liệu tập trung, khung pháp lý chặt chẽ và sự hợp tác công-tư trong việc tối ưu hóa quản lý dữ liệu. Việt Nam có thể tham khảo các mô hình này để đảm bảo Luật Dữ liệu 2024 không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện cho sự hội nhập và cạnh tranh trong nền kinh tế số toàn cầu.

NHỮNG CHÍNH SÁCH CỐT LÕI CỦA LUẬT DỮ LIỆU 2024

Luật Dữ liệu 2024 được xây dựng với bốn nhóm chính sách cốt lõi, nhằm đáp ứng các yêu cầu quản lý dữ liệu trong bối cảnh chuyển đổi số. Thứ nhất, chính sách về xây dựng và quản trị dữ liệu tập trung vào việc thiết lập một chiến lược quốc gia toàn diện, bao gồm các quy định về thu thập, phân tích, tổng hợp, xác thực và lưu trữ dữ liệu. Luật nhấn mạnh việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ dữ liệu và đảm bảo chất lượng. Các tiêu chuẩn an toàn cho chuỗi cung ứng dữ liệu được quy định chặt chẽ, kết hợp với các cam kết hợp tác quốc tế để nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu.

Thứ hai, Cơ sở dữ liệu tổng hợp Quốc gia được xác định là trụ cột dữ liệu chính, đồng bộ hóa thông tin từ các nguồn như cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân. Luật quy định rõ mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp Quốc gia với các cơ sở dữ liệu khác và Cổng Dịch vụ Công Quốc gia, cùng với các chính sách về phí và giá khai thác dữ liệu để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong tiếp cận thông tin.

Thứ ba, Trung tâm Dữ liệu Quốc gia được thiết lập như một hạ tầng cốt lõi, cung cấp tài nguyên cho các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội,

đảm bảo an ninh mạng và tăng cường khả năng tương tác thông qua nền tảng chia sẻ dữ liệu. Trung tâm này sẽ đóng vai trò trung tâm trong việc lưu trữ và quản lý dữ liệu, hỗ trợ các hoạt động của Chính phủ số và kinh tế số.

Thứ tư, chính sách về sản phẩm và dịch vụ dữ liệu điều chỉnh các tổ chức cung cấp dịch vụ dựa trên dữ liệu, bao gồm xác thực điện tử, phân tích dữ liệu, trung gian dữ liệu và sản giao dịch dữ liệu. Các quy định này nhằm đảm bảo an toàn, minh bạch và khuyến khích đổi mới sáng tạo, góp phần hình thành một thị trường dữ liệu sôi động và bền vững. Những chính sách này không chỉ tạo ra một khung pháp lý toàn diện mà còn thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế số và xã hội số tại Việt Nam, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và cá nhân khai thác dữ liệu một cách hiệu quả và an toàn.

Luật Dữ liệu 2024 đề cập đến nhiều khía cạnh quan trọng, từ bảo vệ dữ liệu cá nhân đến quản lý dữ liệu xuyên biên giới, phản ánh nỗ lực của Việt Nam trong việc xây dựng một khung pháp lý hiện đại và phù hợp với bối cảnh số hóa. Về dữ liệu cá nhân, Luật định nghĩa rõ ràng dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, số, hình ảnh, âm thanh hoặc tương tự trên môi trường điện tử, gắn liền hoặc giúp xác định một cá nhân cụ thể. Dữ liệu cá nhân được phân loại thành hai nhóm: dữ liệu cơ bản, bao gồm 11 trường thông tin như họ tên, ngày sinh, số định danh cá nhân, quốc tịch, tình trạng hôn nhân và thông tin tài khoản số; và dữ liệu nhạy cảm, bao gồm 11 trường thông tin như quan điểm chính trị, tình trạng sức khỏe, nguồn gốc chủng tộc, dữ liệu tội phạm và thông tin tài chính. Việc phân loại này phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là Quy định Bảo vệ Dữ liệu Chung (GDPR) của EU, tạo nền tảng vững chắc cho các biện pháp bảo vệ quyền riêng tư của công dân.

Chủ thể dữ liệu được trao một loạt quyền cơ bản gồm quyền được biết, đồng ý, truy cập, rút lại đồng ý, xóa dữ liệu, hạn chế xử lý, cung cấp dữ liệu, phản đối xử lý, khiếu nại, yêu cầu bồi thường thiệt hại và tự bảo vệ. Chủ thể

dữ liệu có nghĩa vụ như: tự bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng quyền riêng tư của người khác, cung cấp thông tin, tham gia tuyên truyền về bảo vệ dữ liệu và tuân thủ các quy định pháp luật. Những quy định này trao quyền cho cá nhân trong kiểm soát thông tin của mình và thúc đẩy trách nhiệm trong quản lý dữ liệu, tạo ra một môi trường số đáng tin cậy.

Các tổ chức và cá nhân xử lý dữ liệu cá nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật, bao gồm việc không được mua bán dữ liệu trái phép và áp dụng các biện pháp bảo mật tiên tiến. Quy trình xử lý dữ liệu cần minh bạch, đi kèm với các yêu cầu về đào tạo nhân viên, đánh giá rủi ro định kỳ và báo cáo vi phạm kịp thời. Cơ quan chức năng có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và thông báo các vi phạm dữ liệu, đảm bảo quyền lợi của chủ thể dữ liệu được bảo vệ. Nguyên tắc xử lý dữ liệu nhấn mạnh tính công khai và minh bạch, yêu cầu các tổ chức thông báo rõ ràng về mục đích và phương thức xử lý dữ liệu, trừ các trường hợp pháp luật quy định ngoại lệ. Luật cũng giải quyết vấn đề thu thập dữ liệu vượt mức cần thiết, một thực trạng phổ biến tại Việt Nam, bằng cách quy định giới hạn mục đích và trách nhiệm giải trình, nhằm bảo vệ quyền riêng tư và tăng cường niềm tin của người dân.

Về Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, Văn bản số 4410/TB-TTKQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nhấn mạnh sự cần thiết phải làm rõ khái niệm, cơ cấu tổ chức, hoạt động, biện pháp bảo mật và hệ thống dự phòng của trung tâm này. Các quy định trong Luật Dữ liệu 2024 xác định Trung tâm Dữ liệu Quốc gia là hạ tầng chiến lược, chịu trách nhiệm lưu trữ và quản lý dữ liệu, cung cấp tài nguyên cho các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội. Trung tâm sẽ sử dụng các nền tảng chia sẻ và điều phối dữ liệu để đảm bảo tính kết nối và tránh xung đột hệ thống. Ngoài ra, việc thành lập Quỹ Phát triển Dữ liệu Quốc gia và Sàn Giao dịch Dữ liệu được quy định nhằm hỗ trợ phát triển thị trường dữ liệu, nhưng đòi hỏi đánh giá tác động kỹ lưỡng để đảm bảo tính khả thi và

tuân thủ các quy định nhà nước. Luật cũng nhấn mạnh sự cần thiết của Cơ sở Dữ liệu Tổng hợp Quốc gia, xác định rõ mối quan hệ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tránh trùng lặp, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả khai thác.

Đối với quản lý dữ liệu xuyên biên giới, Luật Dữ liệu 2024 quy định rằng các hoạt động cung cấp và chuyển dữ liệu ra nước ngoài phải đảm bảo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, an ninh quốc phòng, lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng. Dữ liệu được phân loại thành dữ liệu cốt lõi và dữ liệu quan trọng, với các yêu cầu nghiêm ngặt về đánh giá tác động và phê duyệt trước khi chuyển giao. Thủ tướng Chính phủ có quyền quyết định đối với dữ liệu cốt lõi, trong khi Bộ Quốc phòng chủ trì việc đánh giá và quyết định chuyển giao dữ liệu quan trọng liên quan đến quân sự và quốc phòng. Bộ Công an chịu trách nhiệm đánh giá tác động đối với dữ liệu quan trọng không thuộc lĩnh vực quân sự. Các quy định này nhằm giảm thiểu rủi ro như giả mạo, phá hủy, rò rỉ hoặc sử dụng trái phép dữ liệu, đồng thời đảm bảo dữ liệu quan trọng được lưu trữ bản sao tại Việt Nam và có các biện pháp truy xuất, kiểm soát sau khi chuyển giao. Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh Lê Tấn Tới đã nhấn mạnh rằng các quy định về dữ liệu xuyên biên giới cần được cân nhắc kỹ lưỡng để bảo vệ quyền lợi của công dân, đặc biệt là dữ liệu cá nhân, và xác định rõ các loại dữ liệu bị cấm hoặc hạn chế chuyển ra nước ngoài.

ĐẢM BẢO TÍNH ĐỒNG BỘ VÀ KHÔNG CHỐNG CHÉO VỚI CÁC LUẬT KHÁC

Một trong những mối quan ngại lớn trong quá trình xây dựng Luật Dữ liệu 2024 là nguy cơ chống chéo với các văn bản pháp luật hiện hành, chẳng hạn như Luật Giao dịch Điện tử và Luật Công nghiệp Công nghệ số. Để giải quyết vấn đề này, Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang, đại diện cơ quan soạn thảo, đã khẳng định rằng Luật Dữ liệu 2024 được thiết kế để điều chỉnh toàn diện các hoạt động xử lý, quản trị và điều phối dữ liệu, áp dụng

cho tất cả các loại dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân. Trong khi đó, Luật Giao dịch Điện tử tập trung vào việc kết nối, liên thông và ứng dụng dữ liệu trong các giao dịch điện tử, còn Luật Công nghiệp Công nghệ số chủ yếu điều chỉnh hoạt động của các ngành công nghiệp công nghệ và sử dụng dữ liệu số để phát triển sản phẩm, dịch vụ.

Luật Dữ liệu 2024 bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật, điều chỉnh các khía cạnh như phân tích dữ liệu, dịch vụ trung gian dữ liệu và sàn giao dịch dữ liệu, vốn không trùng lặp với các sản phẩm của Luật Công nghiệp Công nghệ số mà thay vào đó đóng vai trò là công cụ hỗ trợ. Trong quá trình xây dựng, cơ quan soạn thảo đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Quốc phòng - An ninh, Ủy ban Pháp luật và các đơn vị liên quan để rà soát và chỉnh lý, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật. Những nỗ lực này đã góp phần đảm bảo rằng Luật Dữ liệu 2024 không chỉ phù hợp với các quy định hiện hành mà còn tạo ra một khung pháp lý mạnh mẽ, đáp ứng các yêu cầu của chuyển đổi số.

THÁCH THỨC VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

Mặc dù Luật Dữ liệu 2024 là một bước tiến quan trọng, quá trình triển khai vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Thứ nhất, việc xây dựng và vận hành Trung tâm Dữ liệu Quốc gia đòi hỏi đầu tư lớn vào hạ tầng công nghệ, nhân lực và các biện pháp bảo mật, trong khi nguồn lực hiện tại còn hạn chế. Thứ hai, nguy cơ an ninh mạng ngày càng gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh các cuộc tấn công mạng trở nên tinh vi, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với việc bảo vệ dữ liệu. Thứ ba, quản lý dữ liệu xuyên biên giới cần cơ chế rõ ràng để cân bằng giữa hội nhập quốc tế và bảo vệ an ninh quốc gia, đặc biệt khi khối lượng dữ liệu xuyên biên giới đang tăng mạnh. Thứ tư, việc nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tuân thủ các quy định của Luật là một thách thức lớn, đặc biệt ở các địa phương và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để giải quyết các thách thức này, một số giải pháp được đề xuất. Trước hết, cần tăng cường đầu tư vào hạ tầng công nghệ và đào tạo nhân lực chuyên sâu về quản lý dữ liệu và an ninh mạng, đảm bảo Trung tâm Dữ liệu Quốc gia hoạt động hiệu quả và an toàn. Thứ hai, học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia có khung pháp lý tiên tiến, như Luật Dữ liệu Mở của Hàn Quốc, sáng kiến Smart Nation của Singapore và GDPR của EU, sẽ giúp Việt Nam hoàn thiện các quy định và cơ chế thực thi. Thứ ba, cần xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là về quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu, thông qua các chiến dịch tuyên truyền và đào tạo. Thứ tư, việc tổ chức tham vấn rộng rãi với các bên liên quan, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân, sẽ giúp đảm bảo rằng quá trình triển khai Luật phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn và nhận được sự đồng thuận cao.

Cuối cùng, cần thiết lập một cơ chế giám sát và đánh giá định kỳ để điều chỉnh các quy định của Luật, đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với những thay đổi nhanh chóng

của công nghệ và môi trường số.

KẾT LUẬN

Luật Dữ liệu 2024 được thông qua ngày 30/11/2024, là cột mốc quan trọng trong hành trình chuyển đổi số của Việt Nam, cung cấp một khung pháp lý toàn diện để quản lý dữ liệu, phát triển hạ tầng số và bảo vệ quyền lợi công dân. Với các chính sách về bảo vệ dữ liệu cá nhân, xây dựng Trung tâm Dữ liệu Quốc gia, quản lý dữ liệu xuyên biên giới và phát triển thị trường dữ liệu, Luật không chỉ đáp ứng các ưu tiên quốc gia mà còn hội nhập với các tiêu chuẩn toàn cầu.

Việc triển khai thành công Luật Dữ liệu 2024 đòi hỏi sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân, kết hợp với việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế và điều chỉnh linh hoạt để thích ứng với các thách thức mới. Khi được thực thi hiệu quả, Luật Dữ liệu 2024 sẽ trở thành động lực mạnh mẽ để Việt Nam kiến tạo một hệ sinh thái số hiện đại, an toàn và bền vững, góp phần nâng cao vị thế quốc gia trong kỷ nguyên số và mang lại lợi ích thiết thực cho người dân.❖

BẢO HÂN

Tài liệu Tham khảo

1. Luật số 60/2024/QH15 của Quốc hội: Luật Dữ liệu.
2. Nghị quyết số 97/NQ-CP của Chính phủ: Nghị quyết phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 06 năm 2024.
3. Công văn số 7455-CV/VPTW ngày 31/7/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.
4. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
5. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
6. Nghị quyết 29-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước đến năm 2030.
7. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Bảo vệ dữ liệu cá nhân.
8. Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội: Về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
9. Quyết định số 2289/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.
10. Liên minh Châu Âu, 2022. Luật Quản trị Dữ liệu (Data Governance Act). Brussels, Bỉ.
11. Chính phủ Singapore, 2024. Sáng kiến Smart Nation. Truy cập ngày 12/2/2025 từ <https://www.smartnation.gov.sg/>.
12. Bộ Khoa học và Công nghệ Thông tin Hàn Quốc, 2023. Chiến lược Chuyển đổi Số. Truy cập ngày 01/10/2024 từ <https://www.msit.go.kr/eng/bbs/view.do?sCode=eng&mlid=4&mPid=2&bbsSeqNo=42&nttSeqNo=559>.
13. Quốc hội Việt Nam, 2024. Văn bản số 4410/TB-TTKQH.

PHÒNG CHỐNG LỪA ĐẢO NGÂN HÀNG:

HIỂU BIẾT VÀ HÀNH ĐỘNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Sự phát triển của ngân hàng số và giao dịch trực tuyến đã mang lại tiện ích to lớn, nhưng đồng thời mở ra cánh cửa cho các loại hình lừa đảo tinh vi. Từ việc dụ dỗ học sinh, sinh viên bán tài khoản ngân hàng, đến sử dụng mã độc để đánh cắp thông tin tài chính, các đối tượng lừa đảo không ngừng sáng tạo để chiếm đoạt tài sản của người dân.



Đặc biệt, trong những dịp như Tết Nguyên đán, các vụ lừa đảo tăng mạnh, gây thiệt hại hàng tỷ đồng. Bài viết này dựa trên các nguồn thông tin từ cơ quan chức năng và báo chí, sẽ phân tích các chiêu trò lừa đảo ngân hàng phổ biến, làm rõ những hệ lụy nghiêm trọng, và đưa ra các biện pháp cụ thể để người dân tự bảo vệ tài sản trong kỷ nguyên số.

NHỮNG CHIÊU TRÒ LỪA ĐẢO TINH VI

1. Dụ dỗ mở, bán, hoặc cho thuê tài khoản ngân hàng

Một chiêu trò đáng lo ngại là các đối tượng lừa đảo nhắm đến nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, như học sinh, sinh viên, hoặc người lao động thu nhập thấp, để dụ dỗ họ mở tài khoản ngân hàng và bán lại. Các lời mời thường xuất hiện trên các nền tảng mạng xã hội như Telegram, Zalo

hoặc các nhóm kín trên Facebook, với lời hứa trả từ 300.000 đến 2 triệu đồng cho mỗi tài khoản. Sau khi nhận tài khoản, kẻ gian yêu cầu nạn nhân cung cấp thông tin đăng nhập, mã OTP, thẻ ngân hàng, và thậm chí dữ liệu sinh trắc học như khuôn mặt để hoàn tất xác minh.

Những tài khoản này sau đó được sử dụng cho các hoạt động bất hợp pháp, như rửa tiền, chuyển khoản

lừa đảo, hoặc thực hiện giao dịch chiếm đoạt tài sản. Người bán tài khoản, dù không trực tiếp tham gia, có nguy cơ bị truy cứu trách nhiệm pháp lý, đối mặt với mức phạt hành chính từ 40-100 triệu đồng hoặc xử lý hình sự theo quy định pháp luật.

Ví dụ thực tế: Tại Ninh Bình, một nhóm sinh viên đã bị dụ mở tài khoản ngân hàng với lời hứa nhận 500.000 đồng/tài khoản. Sau khi cung cấp thông tin, họ phát hiện tài khoản được dùng để chuyển tiền từ một vụ lừa đảo, dẫn đến việc bị cơ quan công an triệu tập điều tra.

2. SỬ DỤNG MÃ ĐỘC QUA ỨNG DỤNG GIẢ MẠO

Các đối tượng lừa đảo thường gửi tin nhắn hoặc email giả mạo, mạo danh ngân hàng, công ty thương mại điện tử, hoặc cơ quan chức năng, yêu cầu nạn nhân tải ứng dụng hoặc nhấp vào đường link để “xác minh tài khoản” hoặc “nhận ưu đãi”. Những ứng dụng này chứa mã độc, cho phép kẻ gian ghi lại thao tác nhập mật khẩu, mã OTP, hoặc thậm chí điều khiển toàn bộ điện thoại. Một số ứng dụng sử dụng kỹ thuật “overlay” để hiển thị giao diện giống ứng dụng ngân hàng chính thức, khiến nạn nhân vô tình nhập thông tin vào hệ thống của kẻ gian.

Ví dụ thực tế: Một người dùng tại Hà Nội nhận được tin nhắn từ “ngân hàng” thông báo tài khoản bị khóa và được yêu cầu tải ứng dụng “MB Bank Support” để mở khóa. Sau khi cài đặt, tài khoản của anh bị rút 70 triệu đồng chỉ trong vài phút, dù anh không chia sẻ mật khẩu hay OTP.

3. GIẢ DANH NHÂN VIÊN NGÂN HÀNG HOẶC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Kẻ lừa đảo thường gọi điện hoặc nhắn tin, tự xưng là nhân viên ngân hàng, cảnh sát, hoặc nhân viên chăm sóc khách hàng, thông báo rằng tài khoản của nạn nhân có vấn đề, như bị hack, liên quan đến hoạt động bất hợp pháp, hoặc cần xác minh giao dịch. Chúng cố tình nhập sai mật khẩu để khóa tài khoản, sau đó hướng dẫn nạn nhân cung cấp thông tin cá nhân hoặc tải ứng dụng để “khôi phục”. Một số trường hợp còn

sử dụng thông tin cá nhân bị rò rỉ, như tên, số điện thoại, hoặc lịch sử giao dịch, để tăng độ tin cậy.

Ví dụ thực tế: Gần Tết 2025, một phụ nữ ở TP.HCM nhận cuộc gọi từ “cảnh sát” thông báo tài khoản của chị liên quan đến một vụ rửa tiền. Người này yêu cầu chị cung cấp mã OTP để “kiểm tra an toàn”, và ngay sau đó, tài khoản bị rút 120 triệu đồng.

4. LỪA ĐẢO QUA TÍNH NĂNG CHIA SẺ MÀN HÌNH

Một thủ đoạn ngày càng phổ biến là lợi dụng tính năng chia sẻ màn hình trên các ứng dụng như Zoom, TeamViewer, hoặc các phần mềm giả mạo. Kẻ gian mạo danh nhân viên ngân hàng hoặc công ty thương mại điện tử, yêu cầu nạn nhân bật chia sẻ màn hình để “hỗ trợ kỹ thuật” hoặc “xác minh giao dịch”. Trong quá trình này, chúng ghi lại mọi thao tác nhập mật khẩu, OTP, hoặc thông tin tài khoản, sau đó sử dụng để chiếm đoạt tiền.

Ví dụ: Người đàn ông ở Quảng Đông, Trung Quốc mất tiền khi bật chia sẻ màn hình trên ứng dụng “WeiYiYun” theo hướng dẫn của “nhân viên chăm sóc khách hàng”. Ông nhập thông tin tài khoản mà không biết mọi thao tác đã bị ghi lại, dẫn đến mất hết tiền trong tài khoản.

5. CHIẾM QUYỀN MẠNG XÃ HỘI VÀ SỬ DỤNG DEEPPFAKE

Các đối tượng lừa đảo sử dụng virus hoặc kỹ thuật phishing để chiếm

quyền tài khoản mạng xã hội của nạn nhân, sau đó nhắn tin cho bạn bè, người thân để mượn tiền, kèm theo thông tin tài khoản ngân hàng trùng tên để tăng độ tin cậy. Một số vụ còn sử dụng công nghệ Deepfake để tạo video hoặc cuộc gọi giả mạo, trong đó kẻ gian đóng vai người quen để yêu cầu chuyển tiền. Theo thống kê của Bkav, năm 2023 ghi nhận hơn 745.000 máy tính bị nhiễm virus đánh cắp tài khoản, tăng 40% so với năm 2022.

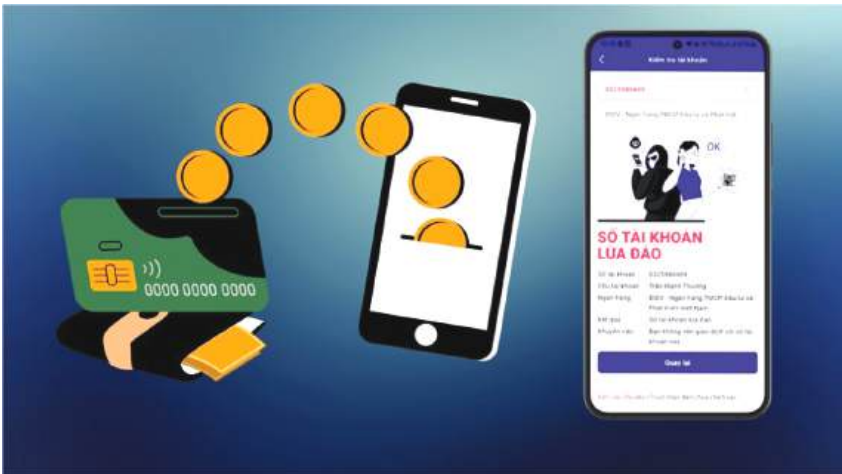
Ví dụ thực tế: Một người dùng tại Đà Nẵng nhận được tin nhắn từ tài khoản Zalo của chị gái, yêu cầu chuyển 50 triệu đồng để “trả nợ gấp”. Sau khi chuyển tiền, anh gọi điện xác minh mới biết tài khoản của chị đã bị hack, và số tiền đã bị chuyển sang tài khoản khác.

HỆ LỤY CỦA CÁC VỤ LỪA ĐẢO NGÂN HÀNG

1. Mất mát tài chính và nợ nần

Các vụ lừa đảo ngân hàng gây thiệt hại từ vài triệu đến hàng trăm triệu đồng mỗi trường hợp. Nhiều nạn nhân mất tiền tiết kiệm, tiền vay ngân hàng, hoặc các khoản dự trữ cho việc học tập, chữa bệnh. Một số người rơi vào cảnh nợ nần vì bị rút tiền từ tài khoản vay hoặc bị đăng ký dịch vụ trả phí mà không hay biết.

Ví dụ thực tế: Một người dùng tại Cần Thơ mất 150 triệu đồng sau khi quét mã QR giả mạo để “nhận quà Tết”. Số tiền này là khoản vay để xây nhà, khiến gia đình rơi vào khủng hoảng tài chính.





2. Hậu quả pháp lý cho người tiếp tay

Những người bán hoặc cho thuê tài khoản ngân hàng có nguy cơ bị xử phạt hành chính từ 40-100 triệu đồng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Nếu tài khoản được sử dụng cho các hoạt động như rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, họ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 291 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi 2017), với mức phạt tù lên đến 7 năm. Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến học sinh, sinh viên, làm xấu hổ sơ cá nhân và cản trở cơ hội học tập, làm việc.

3. Tổn thương tâm lý và mất niềm tin

Nạn nhân của các vụ lừa đảo thường rơi vào trạng thái hoảng loạn, tự trách bản thân, hoặc mất niềm tin vào các dịch vụ ngân hàng số. Một số người bị gia đình, bạn bè chỉ trích, dẫn đến căng thẳng tâm lý hoặc mâu thuẫn cá nhân. Về lâu dài, các vụ lừa đảo làm giảm lòng tin vào hệ thống tài chính, khiến người dân e ngại sử dụng các ứng dụng ngân hàng hoặc giao dịch trực tuyến.

4. Tác động đến an ninh mạng và kinh tế quốc gia

Các vụ lừa đảo ngân hàng góp phần làm gia tăng tội phạm mạng, tạo áp lực lên các ngân hàng và cơ quan chức năng trong việc nâng cấp hệ thống bảo mật. Về kinh tế, thiệt hại từ các vụ lừa đảo làm giảm sức mua, ảnh hưởng đến các hoạt động thương mại, đặc biệt trong các dịp lễ Tết. Hơn nữa, các tài khoản bị lợi dụng cho hoạt động bất hợp pháp có thể làm tổn hại đến uy tín của hệ thống ngân hàng Việt Nam trên trường quốc tế, gây khó khăn cho việc hợp tác tài chính toàn cầu.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ HÀNH ĐỘNG

Để tránh trở thành nạn nhân của các vụ lừa đảo ngân hàng, người dân cần áp dụng các biện pháp sau:

1. Bảo mật thông tin cá nhân và tài khoản

- *Không chia sẻ thông tin quan trọng:* Tuyệt đối không cung cấp mật khẩu, mã OTP, thông tin đăng nhập, hoặc dữ liệu sinh trắc học cho bất kỳ ai, kể cả người tự xưng là nhân viên ngân hàng, cảnh sát, hoặc công ty thương mại điện tử.

- *Từ chối bán tài khoản:* Không tham gia các lời mời mở, bán, hoặc cho

thuê tài khoản ngân hàng, vì đây là hành vi vi phạm pháp luật và có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

- *Xác minh người nhận tiền:* Trước khi chuyển tiền, xác minh danh tính người nhận qua cuộc gọi, video call, hoặc gặp trực tiếp. Không tin tưởng các tin nhắn từ mạng xã hội mà không kiểm tra.

2. Cảnh trọng với các liên kết và ứng dụng

- *Tránh các đường link không rõ nguồn gốc:* Không nhấp vào các đường link hoặc mã QR từ tin nhắn, email, hoặc mạng xã hội không xác định. Chỉ tải ứng dụng từ Google Play, App Store, hoặc các kho ứng dụng chính thức.

- *Kiểm tra quyền truy cập:* Trước khi cài đặt ứng dụng, kiểm tra quyền truy cập mà ứng dụng yêu cầu. Gỡ bỏ ngay các ứng dụng đòi hỏi quyền chia sẻ màn hình, đọc tin nhắn, hoặc truy cập toàn bộ dữ liệu.

- *Sử dụng công cụ bảo mật:* Cài đặt phần mềm chống virus uy tín, như Kaspersky, Norton, hoặc các giải pháp bảo mật của ngân hàng, để phát hiện mã độc và bảo vệ thiết bị.

3. Hành động nhanh khi nghi ngờ bị lừa

- **Khóa tài khoản ngay:** Nếu nghi ngờ tài khoản bị xâm phạm, gọi ngay hotline của ngân hàng hoặc đến chi nhánh để khóa tài khoản và đổi mật khẩu.

- **Báo cáo vụ việc:** Liên hệ công an địa phương hoặc Cục An ninh mạng (A05) qua hotline 113, cung cấp bằng chứng như tin nhắn, email, hoặc lịch sử giao dịch để hỗ trợ điều tra.

- **Thông báo ngân hàng:** Yêu cầu ngân hàng phong tỏa các giao dịch đáng ngờ hoặc tài khoản nhận tiền của kẻ lừa đảo để hạn chế thiệt hại.

4. Tăng cường trách nhiệm của ngân hàng và nhà nước

- **Nâng cấp hệ thống bảo mật:** Các ngân hàng cần triển khai các công nghệ như trí tuệ nhân tạo để phát hiện giao dịch bất thường, tích hợp cảnh báo mã độc, và tăng cường xác minh hai lớp cho các giao dịch lớn.

- **Giám sát hoạt động bất hợp pháp:** Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước cần phối hợp để triệt phá các hội nhóm, website quảng bá dịch vụ mua bán tài khoản, đồng thời công khai danh sách các tổ chức lừa đảo.

- **Truyền thông hiệu quả:** Đẩy mạnh

các chiến dịch truyền thông qua truyền hình, báo chí, và mạng xã hội, sử dụng các câu chuyện thực tế để minh họa nguy cơ và cách phòng tránh.

- **Hỗ trợ nạn nhân:** Thiết lập các đường dây nóng, quỹ hỗ trợ, hoặc dịch vụ tư vấn pháp lý để giúp nạn nhân phục hồi tài chính và tâm lý sau các vụ lừa đảo.

KẾT LUẬN

Trong kỷ nguyên số, các vụ lừa đảo ngân hàng đang trở thành mối đe dọa lớn đối với tài sản và niềm tin của người dân. Từ việc dụ dỗ bán tài khoản ngân hàng đến sử dụng mã độc và công nghệ giả mạo, những kẻ lừa đảo không ngừng đổi mới để lợi dụng kẽ hở công nghệ và tâm lý cả tin. Hậu quả của các vụ lừa đảo không chỉ dừng lại ở thiệt hại tài chính, mà còn gây tổn thương tâm lý, pháp lý, và ảnh hưởng đến kinh tế, an ninh mạng.

Tuy nhiên, với sự hiểu biết và hành động đúng đắn, người dân có thể tự bảo vệ mình trước những mối nguy này. Việc giữ bí mật thông tin tài khoản, cẩn trọng với các liên kết



lạ, và phản ứng nhanh khi nghi ngờ bị lừa là những bước quan trọng để bảo vệ tài sản. Đồng thời, sự phối hợp giữa các ngân hàng, cơ quan chức năng, và cộng đồng sẽ tạo nên một lá chắn vững chắc, đảm bảo môi trường tài chính số an toàn và bền vững. Hãy trang bị kiến thức và hành động ngay hôm nay để bảo vệ tương lai tài chính của bạn trong thời đại số hóa.❖ **TUẤN HƯNG**

Tài liệu tham khảo:
- Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13
- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11
- Luật Phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13
- Nghị định số 117/2018/NĐ-CP
- Nghị định số 87/2019/NĐ-CP
- Thông tư số 23/2019/TT-NHNN
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

GIẢ MẠO NHÂN VIÊN NGÂN HÀNG



Anh đang có món tiền treo trên hệ thống chờ nhận, anh vui lòng cung cấp số CMND và mã OTP để bên em hoàn tất thủ tục chuyển tiền về cho anh

THỰC TRẠNG, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT Ô NHIỄM TIẾNG ỒN TẠI CÁC KHU DÂN CƯ

Ô nhiễm tiếng ồn tại các khu dân cư ở Việt Nam đang trở thành một vấn đề môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe, chất lượng cuộc sống và sự phát triển bền vững của cộng đồng. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), ô nhiễm tiếng ồn là nguyên nhân gây ra hàng loạt vấn đề sức khỏe như mất ngủ, căng thẳng, suy giảm thính lực và các bệnh tim mạch. Tại Việt Nam, tình trạng này ngày càng gia tăng, đặc biệt ở các đô thị lớn, nơi mật độ dân số cao và các hoạt động giao thông, xây dựng, sản xuất diễn ra liên tục. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn tại các khu dân cư, thông qua việc đánh giá các quy định pháp luật hiện hành,

thực tiễn áp dụng và những thách thức còn tồn tại. Dựa trên các văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bài viết chỉ ra những hạn chế trong việc thực thi pháp luật, nhận thức cộng đồng và quản lý tiếng ồn, từ đó đề xuất các giải pháp toàn diện nhằm cải thiện hiệu quả kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn tại Việt Nam.

Hệ thống pháp luật Việt Nam đã xây dựng một khung pháp lý tương đối đầy đủ để kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn tại các khu dân cư. Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/01/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, là văn bản pháp luật nền tảng quy định về

kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn. Văn bản này nhấn mạnh trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc giảm thiểu tiếng ồn, đặc biệt tại các khu vực nhạy cảm như khu dân cư, trường học và bệnh viện, thông qua các điều khoản như khoản 4 Điều 6, khoản 2 Điều 40, khoản 1 Điều 60, khoản 2 Điều 64 và Điều 89. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được ban hành ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, yêu cầu các cơ quan nhà nước kiểm soát tiếng ồn thông qua việc ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các biện pháp xử lý vi phạm.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, như QCVN 26:2010/BTNMT (ban hành ngày 16/12/2010) và





QCVN 26:2023/BGTVT (ban hành ngày 23/2023), quy định mức giới hạn tiếng ồn tại các khu dân cư, với ngưỡng tối đa là 55 dB vào ban ngày và 45 dB vào ban đêm. Ngoài ra, các văn bản pháp luật khác như Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 và Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 23/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, bao gồm các quy định liên quan đến kiểm soát tiếng ồn từ phương tiện giao thông. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa được thực thi một cách hiệu quả, dẫn đến tình trạng vi phạm tiếng ồn vẫn diễn ra phổ biến.

Thực tiễn áp dụng các quy định về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn tại các khu dân cư ở Việt Nam cho thấy nhiều hạn chế. Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024) ghi nhận rằng, trong năm 2022, có đến 22% các khu vực dân cư tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận mức độ ô nhiễm tiếng ồn vượt ngưỡng cho phép. Nghiên cứu của Viện Khoa học Chính sách và

Pháp luật (tháng 12/2024) cũng chỉ ra rằng, các vi phạm về tiếng ồn tại các khu dân cư thường xuyên xảy ra trong các hoạt động kinh tế - xã hội như xây dựng, sản xuất và giao thông, nhưng việc xử lý vi phạm còn thiếu nghiêm minh. Một số nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này bao gồm sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra và xử lý vi phạm tiếng ồn, dẫn đến tình trạng "bỏ sót" các nguồn gây tiếng ồn. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân và doanh nghiệp về tác hại của ô nhiễm tiếng ồn còn hạn chế, khiến nhiều cá nhân và tổ chức không tuân thủ các quy định pháp luật. Hơn nữa, các cơ quan chức năng còn thiếu nhân lực, thiết bị và kinh phí để thực hiện giám sát và xử lý vi phạm tiếng ồn một cách hiệu quả.

Có thể dễ dàng nhận ra nhiều khu vực dân cư tại các đô thị lớn chưa được lắp đặt hệ thống quan trắc tiếng ồn, khiến việc thu thập dữ liệu và xử lý vi phạm gặp nhiều khó khăn. Ô nhiễm tiếng ồn tại các khu

dân cư gây ra nhiều tác động tiêu cực đến sức khỏe, tâm lý và chất lượng cuộc sống của người dân. Ô nhiễm tiếng ồn kéo dài có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng như mất ngủ, căng thẳng, suy giảm thính lực và các bệnh tim mạch. Một báo cáo của WHO (2021) cũng cho thấy, tiếp xúc với tiếng ồn vượt mức 55 dB trong thời gian dài có thể làm tăng nguy cơ mắc các bệnh về tim mạch lên đến 20%.

Tại Việt Nam, các nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn tại khu dân cư chủ yếu đến từ giao thông, xây dựng, sản xuất và sinh hoạt hàng ngày. Tiếng ồn từ phương tiện giao thông, đặc biệt là còi xe và động cơ là nguồn gây ô nhiễm lớn nhất tại các đô thị. Theo nghiên cứu của Viện Môi trường và Phát triển Bền vững (năm 2023), mức độ tiếng ồn từ giao thông tại Hà Nội thường xuyên vượt ngưỡng 70 dB, cao hơn nhiều so với mức cho phép. Các công trình xây dựng và hoạt động sản xuất tại các khu công nghiệp gần khu dân cư cũng tạo ra tiếng ồn lớn, đặc biệt trong các



khung giờ nhạy cảm như ban đêm. Ngoài ra, các hoạt động sinh hoạt hàng ngày như sử dụng loa công suất lớn, tổ chức sự kiện ngoài trời hoặc tiếng ồn từ các quán karaoke cũng góp phần làm gia tăng ô nhiễm tiếng ồn tại khu dân cư.

Việc kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn tại các khu dân cư ở Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức. Sự phát triển kinh tế và đô thị hóa nhanh chóng đã làm gia tăng các nguồn gây tiếng ồn, đặc biệt tại các đô thị lớn. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê (2023), tỷ lệ đô thị hóa tại Việt Nam đã đạt 40% vào năm 2023, kéo theo sự gia tăng của các hoạt động giao thông, xây dựng và sản xuất. Hệ thống pháp luật mặc dù đã có, nhưng vẫn thiếu các hướng dẫn cụ thể về việc giám sát và xử lý vi phạm tiếng ồn, chẳng hạn việc áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT trong thực tiễn còn gặp khó khăn

do thiếu các thiết bị đo lường tiếng ồn tại nhiều địa phương.

Nhiều địa phương chưa được trang bị hệ thống quan trắc tiếng ồn hiện đại, dẫn đến việc khó xác định và xử lý các nguồn gây tiếng ồn. Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024) cho thấy, chỉ 30% các đô thị lớn tại Việt Nam có hệ thống quan trắc tiếng ồn đạt chuẩn. Bên cạnh đó, nhận thức cộng đồng về tác hại của ô nhiễm tiếng ồn chưa cao, khiến việc sử dụng loa công suất lớn trong sinh hoạt hàng ngày vẫn diễn ra phổ biến tại nhiều khu dân cư.

Để nâng cao hiệu quả kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ. Trước hết, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành bằng cách bổ sung các hướng dẫn cụ thể về việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm tiếng ồn, đặc biệt trong các lĩnh vực giao thông,

xây dựng và sinh hoạt, đồng thời điều chỉnh mức xử phạt vi phạm về tiếng ồn để đảm bảo tính răn đe. Theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022, mức phạt cao nhất đối với vi phạm tiếng ồn hiện nay chỉ dao động từ 5 triệu đến 20 triệu đồng, chưa đủ sức răn đe đối với các doanh nghiệp lớn. Việc đảm bảo sự đồng bộ giữa các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia như QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 26:2023/BGTVT cũng cần được chú trọng, đồng thời cập nhật các quy chuẩn này để phù hợp với tình hình thực tế. Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường phối hợp trong việc thực thi pháp luật, chẳng hạn thành lập các tổ kiểm tra liên ngành để giám sát và xử lý các nguồn gây tiếng ồn tại các khu dân cư, đặc biệt trong các khung giờ nhạy cảm như ban đêm. Đầu tư vào hệ thống quan trắc tiếng ồn tại các khu vực dân cư cũng là một giải pháp quan

trọng để thu thập dữ liệu chính xác và kịp thời. Theo kinh nghiệm từ Nhật Bản, việc lắp đặt các trạm quan trắc tiếng ồn tự động tại các khu dân cư đã giúp giảm 30% các vi phạm về tiếng ồn trong vòng 5 năm.

Nâng cao nhận thức cộng đồng cũng là một yếu tố then chốt trong việc kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn. Các cơ quan chức năng cần tổ chức các chiến dịch truyền thông, tuyên truyền về tác hại của ô nhiễm tiếng ồn và các biện pháp giảm thiểu, như hạn chế sử dụng còi xe, giảm âm lượng loa tại các khu dân cư và sử dụng các vật liệu cách âm trong xây dựng. Đưa nội dung về tác hại của ô nhiễm tiếng ồn vào chương trình giáo dục tại các trường học sẽ giúp nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ. Ngoài ra, cần khuyến khích người dân tham gia giám sát và báo cáo các nguồn gây tiếng ồn trong khu vực sinh sống, chẳng hạn thông qua các ứng dụng di động hoặc đường dây nóng.

Công nghệ và nghiên cứu khoa học cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn. Việc nghiên cứu và ứng dụng các vật liệu cách âm tiên tiến trong xây dựng, như kính cách âm hoặc tường

cách âm, sẽ giúp giảm thiểu tiếng ồn tại các khu dân cư. Ứng dụng các công nghệ hiện đại như cảm biến tiếng ồn và trí tuệ nhân tạo (AI) để giám sát và phân tích tiếng ồn cũng là một hướng đi tiềm năng. Theo một nghiên cứu của Đại học Quốc gia Singapore (2022), việc sử dụng cảm biến tiếng ồn kết hợp với AI đã giúp giảm 40% các vi phạm về tiếng ồn tại các khu đô thị. Thiết kế đô thị giảm tiếng ồn, chẳng hạn như xây dựng các khu vực đệm xanh hoặc bố trí các khu công nghiệp xa khu dân cư là một giải pháp hiệu quả.

Hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển cũng là một hướng đi quan trọng để cải thiện việc kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn tại Việt Nam. Nhật Bản là một ví dụ điển hình với các biện pháp nghiêm ngặt, bao gồm lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và ban hành các quy định chặt chẽ về tiếng ồn từ phương tiện giao thông. Việt Nam có thể tham khảo mô hình này để xây dựng hệ thống quan trắc và tăng cường thực thi pháp luật. Hợp tác với các tổ chức quốc tế như WHO sẽ giúp Việt Nam tiếp cận các nguồn lực và công nghệ kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý. Những giải

pháp này nếu được triển khai đồng bộ, sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn tại các khu dân cư, hướng tới một môi trường sống bền vững hơn tại Việt Nam.

Ô nhiễm tiếng ồn tại các khu dân cư ở Việt Nam là một vấn đề môi trường nghiêm trọng, đòi hỏi sự quan tâm và hành động đồng bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng. Mặc dù hệ thống pháp luật hiện hành đã đặt nền móng cho việc kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, nhưng thực tiễn áp dụng vẫn còn nhiều hạn chế, từ việc thiếu nguồn lực, công nghệ đến nhận thức cộng đồng chưa cao. Các giải pháp như hoàn thiện pháp luật, tăng cường thực thi, nâng cao nhận thức cộng đồng, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế có thể góp phần cải thiện hiệu quả kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, hướng tới một môi trường sống bền vững hơn tại Việt Nam. Việc giải quyết vấn đề này không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước mà còn cần sự tham gia tích cực của toàn xã hội để đảm bảo một môi trường sống lành mạnh và an toàn cho các thế hệ hiện tại và tương lai❖

BẢO HÂN

Tài liệu tham khảo:

1. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2021), "Environmental Noise Guidelines for the European Region", truy cập tại: <https://www.who.int/publications/i/item/9789289053563>.
2. Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), "Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã quy định hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020", trích dẫn tại Điều 89 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.
3. Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Bảo vệ môi trường.
4. Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.
5. Viện Môi trường và Phát triển Bền vững (2023), "Báo cáo đánh giá ô nhiễm tiếng ồn tại Hà Nội", truy cập tại: <https://www.iem.org.vn/reports/noise-pollution-hanoi-2023>.
6. Tổng cục Thống kê (2023), "Báo cáo tình hình đô thị hóa tại Việt Nam năm 2023", truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/vi/thong-ke-do-thi-hoa-2023>.
7. Bộ Môi trường Nhật Bản (2020), "Noise Control Policies in Japan", truy cập tại: <https://www.env.go.jp/en/policy/noise-control.html>.
8. Đại học Quốc gia Singapore (2022), "AI-Based Noise Monitoring in Urban Areas", truy cập tại: <https://www.nus.edu.sg/research/ai-noise-monitoring-2022>.
9. Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 17/01/2020, có hiệu lực từ 01/01/2021.
10. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ban hành ngày 10/01/2022.
11. QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, ban hành ngày 16/12/2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường.
12. QCVN 26:2023/BGTVT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, ban hành ngày 23/2023, Bộ Giao thông Vận tải.

KHẮC PHỤC BẤT CẬP TRONG HỆ THỐNG BẢO HIỂM Y TẾ VIỆT NAM: HÀNH TRANG CHO TƯƠNG LAI

Hệ thống bảo hiểm y tế (BHYT) của Việt Nam là một trong những điểm quan trọng của chính sách y tế, đạt tỷ lệ bao phủ hơn 93% dân số tính đến năm 2024, tương đương khoảng 92 triệu người tham gia. Thành tựu này không chỉ giúp Việt Nam tiến gần hơn đến mục tiêu bao phủ y tế toàn dân mà còn được các tổ chức quốc tế như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đánh giá cao trong khu vực Đông Nam Á.



Tuy nhiên, đằng sau con số ấn tượng là những thách thức lớn về chất lượng dịch vụ, tính bền vững tài chính, và đặc biệt là niềm tin của người dân. Tỷ lệ tham gia tự nguyện thấp, chi phí tự chi trả cao, chính sách thiếu minh bạch, và nhận thức hạn chế của người dân đã làm giảm sức hút của BHYT.

CÁC BẤT CẬP CHÍNH TRONG HỆ THỐNG BẢO HIỂM Y TẾ

1. Tỷ lệ tham gia tự nguyện thấp

Mặc dù tỷ lệ bao phủ BHYT đạt mức cao, chỉ khoảng 30% người tham gia tự nguyện đóng phí bảo hiểm, tức là khoảng 27 triệu người. Phần lớn còn lại được hỗ trợ bởi ngân sách nhà nước (cho các nhóm như người

nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi) hoặc đóng qua doanh nghiệp (cho người lao động). Điều này cho thấy BHYT chưa thực sự trở thành lựa chọn hấp dẫn đối với những người phải tự chi trả, đặc biệt là người lao động tự do, công nhân

NGUYÊN NHÂN CHÍNH CỦA VẤN ĐỀ NÀY BAO GỒM:

- Thiếu niềm tin vào hệ thống: Nhiều người dân cảm thấy quyền lợi BHYT không tương xứng với số tiền đóng góp, do chi phí tự chi trả vẫn cao hoặc chất lượng dịch vụ tại các cơ sở y tế công chưa đáp ứng kỳ vọng.
- Nhận thức hạn chế: Một bộ phận lớn người dân, đặc biệt ở vùng nông thôn, không hiểu rõ lợi ích của BHYT

hoặc cách sử dụng thẻ BHYT để được hưởng quyền lợi.

- Gánh nặng tài chính: Đối với các hộ gia đình thu nhập thấp, mức phí BHYT (khoảng 800.000-1.000.000 đồng/năm/hộ) vẫn là một khoản chi đáng kể, đặc biệt khi họ không thấy lợi ích tức thì.

Hệ quả là hệ thống BHYT phụ thuộc nhiều vào nguồn tài trợ công, làm tăng áp lực lên ngân sách nhà nước và đe dọa tính bền vững của quỹ BHYT trong dài hạn.

2. Chi phí tự chi trả cao

Mục tiêu cốt lõi của BHYT là giảm gánh nặng tài chính cho người dân khi tiếp cận dịch vụ y tế. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều bệnh nhân

vẫn phải chi trả số tiền lớn, đặc biệt khi điều trị các bệnh mãn tính (như ung thư, suy thận, bệnh tim), hoặc các thủ thuật y tế phức tạp (như cấy ghép nội tạng, phẫu thuật sử dụng công nghệ cao). Theo báo cáo của Bộ Y tế, khoảng 40% chi phí y tế tại Việt Nam vẫn do người dân tự chi trả, một tỷ lệ cao so với các quốc gia có hệ thống BHYT phát triển.

NGUYÊN NHÂN CHÍNH BAO GỒM:

- Danh mục chi trả hạn chế: Danh mục thuốc và dịch vụ được BHYT chi trả chưa bao gồm nhiều loại thuốc đặc trị hoặc công nghệ y tế tiên tiến. Ví dụ, một số loại thuốc điều trị ung thư như Trastuzumab (dùng cho ung thư) có giá hàng chục triệu đồng mỗi liều, nhưng chỉ được chi trả một phần hoặc không được chi trả.

- Mức chi trả thấp: Ngay cả với các dịch vụ nằm trong danh mục, tỷ lệ chi trả của BHYT thường dao động từ 80% đến 100%, nhưng chỉ áp dụng cho một số trường hợp nhất định. Bệnh nhân khám chữa bệnh trái tuyến hoặc sử dụng dịch vụ ngoài danh mục vẫn phải trả toàn bộ chi phí.

- Thiếu cơ sở y tế chất lượng cao: Ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các cơ sở y tế thiếu thiết bị và nhân lực để cung cấp dịch vụ phức tạp, buộc bệnh nhân phải chuyển tuyến lên bệnh viện trung ương và chịu thêm chi phí đi lại, ăn ở. Những chi phí này không chỉ gây khó khăn tài chính cho các gia đình mà còn làm gia tăng tình trạng “nghèo hóa do y tế”, khi các hộ gia đình rơi vào cảnh nợ nần hoặc mất khả năng chi trả chỉ sau một lần điều trị lớn.

3. Chính sách hoàn trả thiếu minh bạch và thống nhất

Quy trình hoàn trả chi phí khám chữa bệnh theo BHYT thường phức tạp, thiếu minh bạch và không đồng bộ giữa các cơ sở y tế. Người dân gặp nhiều khó khăn khi yêu cầu hoàn trả, đặc biệt trong các trường hợp sau:

- Khám chữa bệnh trái tuyến: Khi bệnh nhân điều trị tại cơ sở y tế ngoài nơi đăng ký ban đầu, tỷ lệ chi trả thường giảm đáng kể (chỉ còn

40-60% tùy trường hợp), hoặc không được chi trả nếu không có giấy chuyển tuyến.

- Quy định không rõ ràng: Các quy định về hoàn trả thường phức tạp và không được truyền đạt đầy đủ đến người dân. Ví dụ, một số bệnh nhân bị từ chối chi trả vì sử dụng thuốc ngoài danh mục, nhưng không được giải thích rõ lý do.

- Chênh lệch giữa các cơ sở y tế: Mức chi trả và chất lượng dịch vụ khác nhau giữa các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh và phòng khám địa phương, gây ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ.

Ngoài ra, thời gian xử lý yêu cầu hoàn trả có thể kéo dài hàng tháng, gây bất tiện cho bệnh nhân, đặc biệt là những người cần chi phí để tiếp tục điều trị. Những vấn đề này làm tăng sự bất mãn và giảm động lực tham gia BHYT tự nguyện.

4. Lỗ hổng chính sách và triển khai

Hệ thống BHYT Việt Nam đang đối mặt với nhiều lỗ hổng về chính sách và triển khai, làm giảm hiệu quả và tính công bằng của hệ thống:

- Danh mục quyền lợi lỗi thời: Danh mục thuốc, dịch vụ và thiết bị y tế được BHYT chi trả chưa được cập nhật thường xuyên để phù hợp với tiến bộ y khoa. Ví dụ, nhiều loại thuốc điều trị bệnh hiếm hoặc công nghệ chẩn đoán như chụp PET-CT vẫn chưa được đưa vào danh mục, buộc bệnh nhân phải tự chi trả toàn bộ.

- Quản lý hành chính kém hiệu quả: Các quy định hành chính phức tạp, cùng với sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan quản lý (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bộ Y tế, và các cơ sở y tế) dẫn đến chậm trễ trong xử lý yêu cầu, thanh toán chi phí, và cập nhật chính sách.

- Bất bình đẳng vùng miền: Ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, cơ sở vật chất y tế còn hạn chế, thiếu bác sĩ chuyên môn và thiết bị hiện đại. Điều này khiến người dân khó tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng cao, ngay cả khi họ có thể BHYT. Trong khi đó, các bệnh viện

tuyến trung ương tại thành phố lớn thường quá tải, dẫn đến thời gian chờ đợi lâu và chất lượng phục vụ giảm sút.

Những lỗ hổng này không chỉ làm giảm hiệu quả của hệ thống mà còn tạo ra khoảng cách lớn giữa kỳ vọng của người dân và thực tế dịch vụ họ nhận được.

5. Nhận thức và niềm tin của người dân chưa cao

Nhận thức của người dân về BHYT vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở các khu vực nông thôn, miền núi, hoặc các nhóm lao động tự do. Nhiều người không biết rằng BHYT có thể chi trả cho các dịch vụ như khám sức khỏe định kỳ, xét nghiệm, hoặc điều trị ngoại trú. Một số khác không hiểu rõ quy trình sử dụng thẻ BHYT, dẫn đến việc bỏ lỡ quyền lợi hoặc gặp rắc rối khi yêu cầu hoàn trả.

Đồng thời, những trải nghiệm tiêu cực tại các cơ sở y tế công càng làm suy giảm niềm tin vào BHYT. Các vấn đề phổ biến bao gồm:

- Thái độ phục vụ kém: Một số nhân viên y tế có thái độ thiếu thân thiện, khiến bệnh nhân cảm thấy không được tôn trọng.

- Thời gian chờ đợi lâu: Tại các bệnh viện công, đặc biệt là tuyến trung ương, bệnh nhân thường phải chờ hàng giờ để được khám hoặc làm thủ tục.

- Chất lượng dịch vụ thấp: Ở một số cơ sở y tế, trang thiết bị lạc hậu và thiếu nhân lực khiến chất lượng điều trị không đạt kỳ vọng.

Những yếu tố này khiến nhiều người dân chỉ tham gia BHYT khi bắt buộc (qua doanh nghiệp hoặc chính sách nhà nước) và không có động lực đóng phí tự nguyện.

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC BẤT CẬP

Những bất cập trong hệ thống BHYT tạo ra nhiều hệ quả tiêu cực, ảnh hưởng đến cá nhân, gia đình và toàn xã hội:

- Gánh nặng tài chính cho hộ gia đình: Chi phí tự chi trả cao đẩy nhiều gia đình vào cảnh nợ nần hoặc nghèo đói do y tế. Theo Ngân hàng Thế giới, chi phí y tế là một trong những



nguyên nhân chính gây nghèo đói ở Việt Nam, với hàng nghìn hộ gia đình mất khả năng chi trả sau khi điều trị các bệnh nghiêm trọng.

- Bất bình đẳng xã hội: Sự chênh lệch trong tiếp cận dịch vụ y tế giữa các vùng miền và nhóm thu nhập làm gia tăng bất bình đẳng. Người dân ở khu vực nông thôn hoặc thu nhập thấp thường nhận được dịch vụ kém chất lượng hơn so với người ở thành thị.

- Áp lực lên hệ thống y tế: Tỷ lệ tham gia tự nguyện thấp làm giảm nguồn thu của quỹ BHYT, trong khi nhu cầu chi trả ngày càng tăng do già hóa dân số và gia tăng các bệnh mãn tính. Nếu không được cải thiện, quỹ BHYT có nguy cơ thâm hụt trong tương lai.

- Suy giảm niềm tin xã hội: Sự bất mãn với BHYT và hệ thống y tế công làm giảm niềm tin của người dân vào các chính sách công, ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội và hiệu quả của các chương trình y tế quốc gia.

Về lâu dài, nếu không được khắc phục, những bất cập này sẽ cản trở mục tiêu bao phủ y tế toàn dân, làm

chậm tiến trình phát triển bền vững của Việt Nam.

GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Để khắc phục các bất cập và xây dựng một hệ thống BHYT công bằng, hiệu quả, cần triển khai các giải pháp đồng bộ trên nhiều phương diện:

1. Mở rộng phạm vi chi trả cho điều trị chi phí cao

Để giảm gánh nặng tài chính cho người dân, cần mở rộng danh mục thuốc, dịch vụ và thiết bị y tế được BHYT chi trả, đặc biệt là:

- Thuốc đặc trị và công nghệ mới: Đưa các loại thuốc điều trị ung thư, bệnh hiếm, và các công nghệ chẩn đoán hiện đại (như chụp PET-CT, MRI) vào danh mục chi trả.

- Tăng tỷ lệ chi trả: Nâng mức chi trả lên 90-100% cho các dịch vụ thiết yếu, đặc biệt đối với bệnh mãn tính và điều trị dài ngày.

- Hỗ trợ bệnh nhân trái tuyến: Giảm các rào cản về chi trả khi bệnh nhân điều trị ngoài cơ sở đăng ký, đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp hoặc

không có dịch vụ tại địa phương.

Những thay đổi này sẽ giúp BHYT trở thành “lá chắn tài chính” thực sự, tăng sức hấp dẫn đối với người dân.

2. Đơn giản hóa và minh bạch hóa quy trình hoàn trả

Cải thiện quy trình hoàn trả là yếu tố then chốt để nâng cao trải nghiệm của người dân:

- Chuẩn hóa quy định: Ban hành các quy định rõ ràng, thống nhất về chi trả và hoàn trả, áp dụng đồng bộ trên toàn quốc.

- Ứng dụng công nghệ số: Phát triển các nền tảng trực tuyến để người dân có thể tra cứu quyền lợi, nộp yêu cầu hoàn trả, và theo dõi tiến trình xử lý theo thời gian thực. Ví dụ, một ứng dụng di động tích hợp với hệ thống BHYT có thể giúp người dân kiểm tra danh mục chi trả và tình trạng yêu cầu.

- Rút ngắn thời gian xử lý: Đặt mục tiêu xử lý yêu cầu hoàn trả trong vòng 7-14 ngày, thay vì hàng tháng như hiện nay.

Những cải cách này sẽ giảm bớt rào

cán hành chính, tăng sự hài lòng và khuyến khích người dân sử dụng BHYT thường xuyên hơn.

3. Cập nhật danh mục quyền lợi thường xuyên

Để đáp ứng nhu cầu y tế hiện đại, cần thiết lập một cơ chế cập nhật danh mục quyền lợi BHYT định kỳ, ví dụ mỗi 1-2 năm. Các ưu tiên bao gồm:

- Bổ sung thuốc và công nghệ mới: Làm việc với các chuyên gia y tế và tổ chức quốc tế để đánh giá và đưa các loại thuốc, thiết bị, và phương pháp điều trị tiên tiến vào danh mục.

- Tăng cường dịch vụ dự phòng: Mở rộng chi trả cho các dịch vụ như tiêm vắc-xin, khám sức khỏe định kỳ, và tư vấn dinh dưỡng, giúp giảm gánh nặng điều trị trong dài hạn.

- Hỗ trợ bệnh mãn tính: Cung cấp các gói chăm sóc dài hạn cho bệnh nhân mắc bệnh tiểu đường, cao huyết áp, hoặc ung thư, bao gồm thuốc và dịch vụ theo dõi tại nhà.

Việc cập nhật danh mục không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn giúp BHYT trở nên phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của người dân.

4. Nâng cao nhận thức và xây dựng niềm tin cộng đồng

Tăng cường nhận thức của người dân là yếu tố quan trọng để thúc đẩy tham gia tự nguyện:

- Chiến dịch truyền thông toàn quốc: Tổ chức các chương trình truyền thông trên truyền hình, mạng xã hội, và tại cộng đồng để giải thích rõ ràng về quyền lợi BHYT, cách sử dụng thẻ, và các câu chuyện thành công (ví dụ, bệnh nhân được chi trả hàng trăm triệu đồng cho điều trị ung thư).

- Hợp tác với địa phương: Làm việc với chính quyền địa phương, trường học, và các tổ chức xã hội để đưa thông tin về BHYT đến từng hộ gia

đình, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa.

- Cải thiện trải nghiệm tại cơ sở y tế: Đào tạo nhân viên y tế về giao tiếp và thái độ phục vụ; giảm thời gian chờ đợi bằng cách tối ưu hóa quy trình khám chữa bệnh.

Những nỗ lực này sẽ giúp người dân hiểu rõ giá trị của BHYT và cảm thấy được tôn trọng khi sử dụng dịch vụ.

5. Tăng cường triển khai chính sách và cơ sở hạ tầng

Để đảm bảo tính công bằng và hiệu quả, cần cải thiện khâu triển khai và cơ sở vật chất:

- Nâng cấp cơ sở y tế địa phương: Đầu tư vào trang thiết bị, nhân lực, và cơ sở vật chất tại các bệnh viện tuyến huyện và phòng khám xã, giúp người dân tiếp cận dịch vụ chất lượng mà không cần chuyển tuyến.

- Tăng cường quản lý quỹ BHYT: Tối ưu hóa việc sử dụng quỹ thông qua kiểm soát chi phí, chống lạm dụng, và phân bổ nguồn lực hợp lý giữa các địa phương.

- Đào tạo nhân sự: Tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ cho nhân viên y tế và cán bộ bảo hiểm về chính sách mới, kỹ năng giao tiếp, và ứng dụng công nghệ.

Những cải cách này sẽ giúp hệ thống BHYT vận hành trơn tru hơn, giảm chênh lệch vùng miền và nâng cao chất lượng dịch vụ.

6. Hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm

Việt Nam có thể học hỏi từ các quốc gia có hệ thống BHYT thành công, như Thái Lan, Hàn Quốc, hoặc Đức:

- Mô hình Thái Lan: Thái Lan đạt bao phủ y tế toàn dân nhờ mở rộng chi trả cho dịch vụ dự phòng và điều trị ngoại trú, đồng thời đơn giản hóa quy trình hành chính.

- Mô hình Hàn Quốc: Hàn Quốc sử dụng công nghệ số để quản lý quỹ BHYT và cung cấp thông tin minh bạch cho người dân, giúp tăng tỷ lệ tham gia tự nguyện.

- Hợp tác với WHO và Ngân hàng Thế giới: Nhận hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để cải thiện chính sách, cập nhật danh mục quyền lợi, và nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế.

Việc học hỏi và áp dụng kinh nghiệm quốc tế sẽ giúp Việt Nam xây dựng một hệ thống BHYT hiện đại, phù hợp với bối cảnh trong nước.

KẾT LUẬN

Hệ thống bảo hiểm y tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc mở rộng bao phủ, nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức lớn. Tỷ lệ tham gia tự nguyện thấp, chi phí tự chi trả cao, chính sách thiếu minh bạch, và nhận thức hạn chế của người dân đang cản trở tiềm năng của hệ thống. Những bất cập này không chỉ ảnh hưởng đến tài chính và sức khỏe của từng gia đình mà còn đe dọa mục tiêu bao phủ y tế toàn dân và phát triển bền vững của đất nước.

Bằng cách mở rộng phạm vi chi trả, đơn giản hóa quy trình, cập nhật danh mục quyền lợi, nâng cao nhận thức, và cải thiện triển khai, Việt Nam có thể biến BHYT thành một công cụ bảo vệ sức khỏe hiệu quả và đáng tin cậy. Những cải cách này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, ngành y tế, và cộng đồng, nhưng nếu được thực hiện đúng cách, chúng sẽ mang lại lợi ích to lớn, giúp mọi người dân được tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng với chi phí hợp lý. Hệ thống BHYT không chỉ là một chính sách y tế, mà còn là một cam kết cho sự công bằng và thịnh vượng của toàn xã hội.❖

TUẤN HƯNG

Tài liệu tham khảo:

- 1. Luật Bảo hiểm Y tế số 25/2008/QH12 (sửa đổi bởi Luật số 46/2014/QH13 và Luật số 32/2023/QH15)
- 2. Nghị định số 146/2018/NĐ-CP
- 3. Nghị định số 75/2023/NĐ-CP
- 4. Thông tư số 04/2017/TT-BYT (sửa đổi bởi Thông tư số 09/2021/TT-BYT)
- 5. Thông tư số 30/2020/TT-BYT
- 6. Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13
- 7. Nghị định số 105/2014/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 79/2020/NĐ-CP)

TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN TRỰC TUYẾN TẠI VIỆT NAM:

NGHIÊN CỨU PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

Sự phát triển vượt bậc của internet trong những thập kỷ gần đây đã tạo nên một cuộc cách mạng trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và giao tiếp toàn cầu. Internet không chỉ mang lại những cơ hội to lớn trong việc thúc đẩy thương mại điện tử, giao dịch tài chính xuyên biên giới và kết nối toàn cầu mà còn đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với an ninh tài chính và pháp lý.



Một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay là tình trạng gia tăng tội phạm công nghệ cao, đặc biệt là rửa tiền trực tuyến – một hình thức tội phạm tinh vi, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh tài chính quốc gia và toàn cầu. Tại Việt Nam, mặc dù hệ thống pháp luật đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý để phòng, chống rửa tiền, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế trong việc kiểm soát các hành vi rửa tiền trực tuyến, nhất là trong bối cảnh tội phạm ngày càng sử dụng các công nghệ tiên tiến như tiền ảo (cryptocurrency) và blockchain. Bài viết này sẽ phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam

về phòng, chống rửa tiền trực tuyến, đánh giá những thách thức hiện tại và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý và xử lý vấn đề này.

THỰC TRẠNG TẠI VIỆT NAM

Rửa tiền trực tuyến được hiểu là quá trình tội phạm sử dụng các nền tảng internet để hợp thức hóa tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp, che giấu nguồn gốc, quyền sở hữu hoặc mục đích sử dụng của tài sản đó. So với rửa tiền truyền thống, rửa tiền trực tuyến có những đặc điểm nổi bật như tính ẩn danh cao, tốc độ giao dịch nhanh chóng và khả năng vượt qua các rào cản địa lý. Tại Việt Nam,

tình trạng rửa tiền trực tuyến ngày càng gia tăng, đặc biệt thông qua các phương thức sử dụng tiền ảo số như đồng Bitcoin, ứng dụng trên các nền tảng blockchain. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong giai đoạn 2015-2020, khoảng 30% các giao dịch đáng ngờ có liên quan đến các tổ chức tín dụng, nhưng tỷ lệ xử lý thành công chỉ đạt từ 10 đến 15%. Con số này cho thấy những lỗ hổng lớn trong hệ thống pháp luật và năng lực thực thi pháp luật tại Việt Nam.

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là sự thiếu vắng các quy định cụ thể về kiểm soát tiền ảo và giao dịch trực

tuyển. Mặc dù Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định về tội rửa tiền, nhưng quy định này chủ yếu tập trung vào các hành vi rửa tiền truyền thống mà không đề cập rõ ràng đến các hành vi liên quan đến internet. Hơn nữa, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 cũng chưa có quy định cụ thể về tiền ảo, dẫn đến khó khăn trong việc xác minh và xử lý các giao dịch đáng ngờ liên quan đến các loại tài sản số này. Tình trạng này càng trở nên phức tạp khi các tổ chức tội phạm quốc tế lợi dụng sự thiếu đồng bộ trong quản lý giao dịch xuyên biên giới để thực hiện các hành vi rửa tiền. Ví dụ, các giao dịch thông qua tiền ảo thường được thực hiện qua các ví điện tử ẩn danh, đây là điểm mạnh của công nghệ blockchain, khiến việc truy vết nguồn gốc giao dịch trở nên gần như bất khả thi đối với các cơ quan chức năng Việt Nam.

Ngoài ra, rửa tiền trực tuyến còn liên quan đến nhiều hình thức giao dịch khác như sử dụng các nền tảng thương mại điện tử, ví điện tử, hoặc các dịch vụ tài chính trực tuyến để chuyển tiền bất hợp pháp. Những hình thức này thường được tội phạm thực hiện một cách tinh vi, với sự hỗ trợ của các công nghệ mã hóa và ẩn danh, khiến việc phát hiện và xử lý trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Tình trạng này không chỉ gây thiệt hại lớn về kinh tế mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của hệ thống tài chính Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời làm gia tăng nguy cơ bị các tổ chức quốc tế liệt vào danh sách các quốc gia có nguy cơ cao về rửa tiền.

KHUNG PHÁP LÝ HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý để phòng, chống rửa tiền. Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định chi tiết về trách nhiệm hình sự đối với hành vi rửa tiền, bao gồm việc sử dụng tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp để thực hiện các giao dịch tài chính. Cụ thể, điều luật này xác định rõ các hành vi như che giấu nguồn gốc tài sản, sử dụng

tài sản bất hợp pháp để đầu tư hoặc kinh doanh đều có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 đã đưa ra các yêu cầu cụ thể về việc kiểm tra, xác minh thông tin khách hàng, báo cáo giao dịch đáng ngờ, và hợp tác với các tổ chức quốc tế như Nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (Asia Pacific Group on Money Laundering - APG).

Tại Điều 2 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 quy định về các biện pháp phòng, chống rửa tiền, nhưng lại không đề cập đến tiền ảo hay các hình thức giao dịch trực tuyến. Điều 29 của luật này yêu cầu các tổ chức tài chính phải thực hiện các biện pháp kiểm soát nâng cao đối với giao dịch có nguy cơ cao, nhưng việc áp dụng vào thực tiễn gặp nhiều khó khăn do thiếu hướng dẫn chi tiết. Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng yêu cầu các tổ chức tài chính báo cáo giao dịch đáng ngờ, nhưng việc xác định và xử lý các giao dịch liên quan đến tiền ảo vẫn còn nhiều bất cập do thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả. Ví dụ, các tổ chức tài chính thường gặp khó khăn trong việc xác minh danh tính khách hàng khi giao dịch được thực hiện qua các ví điện tử ẩn danh hoặc các nền tảng blockchain.

Một điểm đáng chú ý khác là Việt Nam đã tham gia vào các cam kết quốc tế về phòng, chống rửa tiền, như việc tuân thủ các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (FATF). Theo các khuyến nghị này, các quốc gia cần xây dựng hệ thống pháp luật chặt chẽ để kiểm soát các giao dịch tài chính, bao gồm cả giao dịch trực tuyến và tiền ảo. Tuy nhiên, việc triển khai các cam kết này vào thực tiễn tại Việt Nam vẫn còn chậm, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý giao dịch trực tuyến. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong giai đoạn 2015-2020, chỉ có khoảng 10-15% giao dịch đáng ngờ được xử lý thành công, cho thấy sự hạn chế trong năng lực thực thi pháp luật và sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng.

NHỮNG HẠN CHẾ MÀ KHUNG PHÁP LÝ ĐANG GẶP PHẢI

Mặc dù đã có những quy định pháp luật nhất định, nhưng khung pháp lý về phòng, chống rửa tiền trực tuyến tại Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Thứ nhất, theo ông Cao Đăng Vinh, Vụ phó Pháp luật dân sự (Bộ Tư pháp), Việt Nam không cấm tiền số, tiền ảo, nhưng pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về tiền ảo, dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát các giao dịch liên quan. Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ quy định chung về hành vi rửa tiền mà không đề cập đến các hình thức rửa tiền trực tuyến, khiến việc áp dụng pháp luật vào các vụ án liên quan đến tiền ảo trở nên thiếu căn cứ. Điều 2 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 cũng không đề cập đến tiền ảo, trong khi đây là một trong những công cụ phổ biến nhất được tội phạm sử dụng để rửa tiền trực tuyến. Sự thiếu hụt này không chỉ gây khó khăn trong việc xử lý các vụ án mà còn tạo ra khoảng trống pháp lý, khiến tội phạm dễ dàng lợi dụng để thực hiện các hành vi bất hợp pháp.

Thứ hai, năng lực thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng tại Việt Nam còn hạn chế. Theo thống kê, trong giai đoạn 2015-2020, tỷ lệ xử lý thành công các giao dịch đáng ngờ chỉ đạt từ 10 đến 15%, một con số rất thấp so với yêu cầu thực tiễn. Nguyên nhân chủ yếu là do đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật chưa được đào tạo đầy đủ về công nghệ số và các phương thức rửa tiền mới. Ví dụ, nhiều cán bộ điều tra thiếu kiến thức về blockchain và tiền ảo, dẫn đến việc không thể truy vết nguồn gốc giao dịch hoặc xác minh danh tính của các bên liên quan. Ngoài ra, việc thiếu các công cụ kỹ thuật hiện đại để phân tích dữ liệu giao dịch trực tuyến cũng là một trở ngại lớn, khiến các cơ quan chức năng thường bị động trong việc phát hiện và xử lý tội phạm.

Thứ ba, sự thiếu hợp tác quốc tế cũng là một vấn đề đáng lo ngại. Tội phạm rửa tiền trực tuyến thường hoạt động xuyên quốc gia, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các quốc gia



và tổ chức quốc tế như Interpol. Tuy nhiên, Việt Nam hiện nay chưa có cơ chế hợp tác hiệu quả với các tổ chức này, dẫn đến khó khăn trong việc truy vết và xử lý các vụ án liên quan đến giao dịch quốc tế. Điều này đặc biệt nghiêm trọng trong bối cảnh tội phạm ngày càng sử dụng các nền tảng blockchain và tiền ảo để che giấu danh tính và nguồn gốc giao dịch. Ví dụ, một giao dịch rửa tiền có thể được thực hiện qua nhiều quốc gia khác nhau, nhưng do thiếu sự phối hợp, các cơ quan chức năng Việt Nam thường không thể thu thập đủ bằng chứng để truy tố tội phạm.

Thứ tư, hệ thống giám sát giao dịch trực tuyến tại Việt Nam còn nhiều bất cập. Hiện, các tổ chức tài chính chủ yếu dựa vào các hệ thống giám sát thủ công, thiếu sự hỗ trợ của công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) hoặc học máy (machine learning) để phát hiện các giao dịch đáng ngờ dẫn đến nhiều giao dịch rửa tiền trực tuyến không được phát hiện, tạo điều kiện cho tội phạm tiếp tục hoạt động. Hơn nữa, việc thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng làm giảm hiệu quả của hệ thống giám sát, khiến các nỗ lực phòng, chống rửa tiền trực tuyến chưa đạt được kết quả như mong đợi.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ

Để khắc phục những hạn chế nêu trên và tăng cường hiệu quả phòng, chống rửa tiền trực tuyến, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp cả về pháp lý lẫn thực tiễn. Dưới đây là một số đề xuất cụ thể:

Trước hết, Việt Nam cần bổ sung các quy định cụ thể về tiền ảo vào Luật Phòng, chống rửa tiền. Điều 29 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 có thể được sửa đổi để yêu cầu các tổ chức tài chính áp dụng các biện pháp kiểm soát nâng cao đối với giao dịch tiền ảo, tương tự như quy định của Liên minh châu Âu (EU) tại MICA (Regulation (EU) 2023/1114). Cụ thể, các tổ chức tài chính cần phải thực hiện kiểm tra, xác minh danh tính khách hàng (eKYC) đối với tất cả các giao dịch liên quan đến tiền ảo, đồng thời báo cáo các giao dịch đáng ngờ lên cơ quan chức năng. Ngoài ra, cần ban hành các hướng dẫn chi tiết về việc xác minh danh tính khách hàng trong giao dịch trực tuyến, đảm bảo rằng mọi giao dịch đều được ghi nhận và truy vết một cách minh bạch.

Bên cạnh đó, Việt Nam có thể xem xét áp dụng công nghệ blockchain để tăng cường khả năng quản lý giao dịch trực tuyến. Blockchain không

chỉ giúp truy vết nguồn gốc giao dịch mà còn đảm bảo tính minh bạch và bảo mật của dữ liệu, từ đó giảm thiểu nguy cơ rửa tiền. Ví dụ, các tổ chức tài chính có thể sử dụng blockchain để lưu trữ thông tin giao dịch, cho phép các cơ quan chức năng truy cập và phân tích dữ liệu một cách nhanh chóng và hiệu quả. Đồng thời, cần ban hành các quy định về việc cấp phép và quản lý các sàn giao dịch tiền ảo tại Việt Nam, đảm bảo rằng mọi hoạt động liên quan đến tiền ảo đều được kiểm soát chặt chẽ. Thực tế hiện nay các sàn giao dịch hoạt động ở quy mô đa quốc gia, không có đơn vị đại diện chính thức tại Việt Nam.

Việc nâng cao năng lực thực thi pháp luật là một yếu tố then chốt trong việc phòng, chống rửa tiền trực tuyến. Việt Nam cần tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho lực lượng thực thi pháp luật về công nghệ số, tiền ảo, và các phương thức rửa tiền mới. Các khóa đào tạo này nên tập trung vào việc cung cấp kiến thức về blockchain, tiền ảo, và các công nghệ mã hóa, đồng thời hướng dẫn cách sử dụng các công cụ kỹ thuật hiện đại để phân tích dữ liệu giao dịch trực tuyến. Ngoài ra cần tăng cường hợp tác giữa các cơ quan chức năng như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ để

đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong việc phát hiện và xử lý tội phạm.

Đồng thời, cần đầu tư vào các công cụ kỹ thuật hiện đại để hỗ trợ việc truy vết và phân tích giao dịch trực tuyến. Việt Nam có thể áp dụng các hệ thống giám sát giao dịch dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (machine learning), cho phép phát hiện các giao dịch đáng ngờ một cách nhanh chóng và chính xác. Các hệ thống này đã được áp dụng thành công tại nhiều quốc gia như Mỹ, nơi Ngân hàng Dự trữ Liên bang (Federal Reserve) sử dụng hệ thống giám sát giao dịch thời gian thực để phát hiện và ngăn chặn rửa tiền. Tại Việt Nam, việc áp dụng các công nghệ này sẽ giúp tăng cường khả năng kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ rửa tiền trực tuyến.

Hợp tác quốc tế là một yếu tố không thể thiếu trong việc phòng, chống rửa tiền trực tuyến. Việt Nam cần tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như Interpol để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm trong việc xử lý tội phạm xuyên quốc gia. Có thể tham gia vào các chương trình hợp tác quốc tế về chia sẻ dữ liệu giao dịch, cho phép các cơ quan chức năng truy vết các giao dịch xuyên biên giới một cách hiệu quả. Đồng thời, cần tham gia tích cực vào các cam kết quốc tế về phòng, chống rửa tiền, như các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (FATF), để đảm bảo sự đồng bộ trong quản lý giao dịch xuyên biên giới.

Ngoài ra, Việt Nam có thể học hỏi

kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển trong việc quản lý giao dịch trực tuyến. Như tại Mỹ, Ngân hàng Dự trữ Liên bang đã áp dụng hệ thống giám sát giao dịch thời gian thực, cho phép phát hiện và ngăn chặn rửa tiền một cách hiệu quả. Tại Singapore, các cơ quan chức năng sử dụng công nghệ blockchain để quản lý giao dịch tiền ảo, đảm bảo tính minh bạch và bảo mật của dữ liệu. Việt Nam có thể tham khảo những mô hình này để xây dựng hệ thống quản lý giao dịch trực tuyến phù hợp với điều kiện trong nước.

Cuối cùng, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống giám sát giao dịch tập trung để quản lý các giao dịch trực tuyến. Hệ thống này nên được thiết kế để tích hợp dữ liệu từ các tổ chức tài chính, ví điện tử và sàn giao dịch tiền ảo, cho phép các cơ quan chức năng phân tích và phát hiện các giao dịch đáng ngờ một cách nhanh chóng. Đồng thời, cần áp dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (machine learning) để nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát, đảm bảo rằng mọi giao dịch trực tuyến đều được kiểm soát chặt chẽ.

Hệ thống giám sát giao dịch tập trung không chỉ giúp phát hiện và ngăn chặn rửa tiền mà còn góp phần nâng cao uy tín của hệ thống tài chính Việt Nam trên trường quốc tế. Việc áp dụng hệ thống này có thể giúp Việt Nam tránh bị liệt vào danh sách các quốc gia có nguy cơ cao về rửa tiền của Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính (FATF), từ đó tạo điều kiện

thuận lợi cho việc hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, để triển khai hệ thống này, Việt Nam cần đầu tư lớn vào hạ tầng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng.

KẾT LUẬN

Rửa tiền trực tuyến đang trở thành một thách thức lớn đối với hệ thống pháp luật Việt Nam, đòi hỏi sự hoàn thiện cả về khung pháp lý lẫn năng lực thực thi. Những hạn chế hiện nay, như thiếu quy định cụ thể về tiền ảo, năng lực thực thi hạn chế, sự thiếu hợp tác quốc tế, và hệ thống giám sát giao dịch chưa hiệu quả, cần được khắc phục thông qua các giải pháp đồng bộ. Việc sửa đổi Luật Phòng, chống rửa tiền, tăng cường quản lý giao dịch tiền ảo, nâng cao năng lực thực thi pháp luật, thúc đẩy hợp tác quốc tế, và xây dựng hệ thống giám sát giao dịch tập trung sẽ là những bước đi quan trọng để Việt Nam kiểm soát hiệu quả vấn đề này.

Những giải pháp này không chỉ giúp bảo vệ an ninh tài chính quốc gia mà còn góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong nỗ lực toàn cầu nhằm chống lại tội phạm tài chính quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, việc hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả phòng, chống rửa tiền trực tuyến không chỉ là yêu cầu cấp bách mà còn là điều kiện tiên quyết để Việt Nam phát triển bền vững và hội nhập thành công vào nền kinh tế toàn cầu. ❖ **GIA HÂN**

Tài liệu tham khảo:

1. Luật số 100/2015/QH13 của Quốc hội: Bộ Luật Hình sự.
2. Luật số 14/2022/QH15 của Quốc hội: Luật phòng, chống rửa tiền.
3. Asia Pacific Group on Money Laundering, <https://apgml.org/>.
4. Viết Tuấn, “Bộ Tư pháp: Không cấm tiền số, tài sản ảo” - 2024, VnExpress, truy cập ngày 10/2/2025.
5. Thông tư số 09/2023/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.
6. Minh Đức, “Quy định giao dịch chuyển tiền điện tử trong phòng, chống rửa tiền” - 2023, Cổng TTĐT Chính Phủ, truy cập ngày 10/2/2025.
7. Anh Minh, “Hoàn thiện pháp lý cho tài sản số, tạo điều kiện cho DN công nghệ phát triển” - 2024, Cổng TTĐT Chính Phủ, truy cập ngày 11/2/2025.
8. MICA (Regulation (EU) 2023/1114) của Liên minh châu Âu.
9. Anh Minh, “Khẩn trương xây dựng khuôn khổ quản lý tài sản mã hóa” - 2024, Cổng TTĐT Chính Phủ, truy cập ngày 11/2/2025.
10. Ngân Nga, “Đâu là ‘lỗ hổng’ để tội phạm rửa tiền hàng trăm nghìn tỉ đồng?” - 2024, Báo Thanh Niên, truy cập ngày 11/2/2025.
11. Bạch Dương, “Phòng, chống rửa tiền trong thời đại công nghệ số” - 2024, Báo Nhân Dân, truy cập ngày 12/2/2025.
12. Leslie, D. (2014). “Money Laundering and Cybercrime”. In: *Legal Principles for Combatting Cyberlaundering*. Springer, Cham.

HÀNH TRANG CHO GIẤC MƠ AN TOÀN

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhu cầu làm việc và học tập ở nước ngoài tại Việt Nam ngày càng tăng, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng kéo theo những rủi ro nghiêm trọng. Các vụ lừa đảo liên quan đến xuất khẩu lao động và du học đã trở thành một vấn nạn xã hội, lợi dụng khát vọng đổi đời của người lao động và giấc mơ học tập ở môi trường quốc tế của giới trẻ. Những kẻ lừa đảo sử dụng các chiêu trò tinh vi, từ quảng cáo hấp dẫn, giả mạo giấy tờ, đến khai thác tâm lý cả tin, gây thiệt hại hàng trăm tỷ đồng và để lại những vết thương sâu sắc về tài chính, tâm lý, và xã hội.



Dựa trên các phân tích từ báo chí uy tín, bài viết này sẽ đi sâu vào các thủ đoạn lừa đảo, phân tích hậu quả trên nhiều khía cạnh, và đề xuất các giải pháp cụ thể, dài hạn để người dân tự bảo vệ mình, đảm bảo hành trình theo đuổi giấc mơ được an toàn và bền vững.

CÁC THỦ ĐOẠN LỪA ĐẢO TINH VI
1. Quảng cáo “mồi nhử” và mạo danh tổ chức uy tín
Những kẻ lừa đảo thường bắt đầu bằng các chiến dịch quảng cáo rầm rộ, hứa hẹn cơ hội vàng cho người lao động và học sinh. Họ cam kết việc làm tại các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, hoặc Úc

với mức lương cao (từ 30 đến 60 triệu đồng/tháng) và điều kiện làm việc lý tưởng, hoặc các chương trình du học chi phí thấp (dưới 100 triệu đồng) tại các quốc gia như Canada, Mỹ, Anh. Để tạo lòng tin, họ mạo danh các công ty xuất khẩu lao động hoặc trung tâm du học uy tín, sử dụng logo, giấy phép giả, và thiết kế



website chuyên nghiệp có giao diện giống các tổ chức hợp pháp.

Mạng xã hội là “sân chơi” chính của các nhóm lừa đảo, với các bài đăng trên Facebook, Zalo, TikTok được đầu tư kỹ lưỡng, kèm theo hình ảnh sang trọng, video phỏng vấn giả mạo, và bình luận tích cực từ các tài khoản “ma”. Họ còn tạo các hội nhóm giả với hàng nghìn thành viên, thuê người đóng vai “cựu học viên” hoặc “người lao động thành công” để chia sẻ câu chuyện hư cấu. Một số nhóm tổ chức hội thảo trực tuyến hoặc tại các văn phòng, khách sạn sang trọng, mời các “chuyên gia” giả mạo để thuyết phục nạn nhân nộp tiền ngay lập tức.

Ví dụ thực tế: Một phụ nữ ở Hà Tĩnh đã bị thu hút bởi quảng cáo trên Facebook về chương trình làm điều dưỡng tại Nhật Bản với lương 40 triệu đồng/tháng. Công ty tự xưng là đối tác của một bệnh viện lớn, tổ chức buổi tư vấn tại khách sạn địa phương, và yêu cầu chị nộp 150 triệu đồng để “giữ suất”. Sau khi đóng tiền, công ty liên tục trì hoãn với lý do “chờ visa” và cuối cùng biến mất, để lại chị trong cảnh nợ nần.

2. Giấy tờ và hợp đồng giả mạo

Một chiêu trò phổ biến là cung cấp các giấy tờ và hợp đồng giả mạo, được thiết kế tinh vi để đánh lừa nạn nhân. Các hợp đồng thường có ngôn ngữ phức tạp, điều khoản mập mờ, yêu cầu nộp các khoản phí như “phí hồ sơ”, “phí đào tạo”, “phí đặt cọc visa”, hoặc “phí dịch thuật”. Nhiều nạn nhân, do thiếu kiến thức pháp lý hoặc quá tin tưởng vào vẻ ngoài chuyên nghiệp của công ty, đã ký hợp đồng mà không kiểm tra kỹ, dẫn đến mất tiền mà không thể khởi kiện.

Ngoài hợp đồng, các tổ chức lừa đảo còn cung cấp thư mời nhập học giả từ các trường đại học quốc tế, thư chấp thuận visa từ đại sứ quán, hoặc hợp đồng lao động từ các công ty nước ngoài. Những tài liệu này thường được làm giả bằng công nghệ cao, với con dấu và chữ ký trông giống thật. Trong một số trường hợp, nạn nhân được đưa sang nước ngoài,



nhưng thay vì làm việc hoặc học tập như cam kết, họ bị ép làm việc chui, làm công việc nặng nhọc, hoặc bị bỏ rơi ở một quốc gia xa lạ.

Ví dụ thực tế: Một nhóm 20 người tại TP.HCM đã nộp hơn 2 tỷ đồng cho một công ty hứa đưa họ đi du học Canada. Họ nhận được “thư mời nhập học” từ một trường đại học, nhưng sau khi kiểm tra qua Đại sứ quán Canada, các tài liệu này đều là giả. Công ty cắt liên lạc, để lại các nạn nhân trong cảnh mất trắng tiền và tan vỡ giấc mơ.

3. Tạo áp lực tâm lý và lợi dụng mối quan hệ cá nhân

Để thúc đẩy nạn nhân nhanh chóng nộp tiền, các nhóm lừa đảo thường tạo áp lực thời gian, thông báo rằng “chỉ còn vài suất cuối cùng” hoặc “hạn visa sắp hết”. Họ cũng khai thác lòng tin bằng cách sử dụng các mối quan hệ cá nhân, như mời người quen trong làng, xã làm trung gian để thuyết phục. Những trung gian này đôi khi cũng là nạn nhân, bị lôi kéo vào mô hình đa cấp với lời hứa nhận hoa hồng nếu giới thiệu thêm người.

Một số nhóm còn yêu cầu nạn nhân ký cam kết bảo mật, khiến họ ngại tố cáo khi phát hiện bị lừa, vì sợ bị đe dọa hoặc xấu hổ với cộng đồng. Thủ đoạn này đặc biệt hiệu quả với các đối tượng dễ bị tổn thương, như người lao động thu nhập thấp, học

sinh vùng nông thôn, hoặc các gia đình khó khăn muốn con em có cơ hội học tập ở nước ngoài.

Ví dụ thực tế: Một thanh niên ở Nghệ An đã nộp 200 triệu đồng cho một chương trình làm việc tại Đức sau khi được người quen trong làng giới thiệu. Công ty cung cấp “thư mời làm việc” từ một công ty Đức và yêu cầu anh giữ bí mật để “bảo vệ cơ hội”. Khi phát hiện bị lừa, anh không dám tố cáo vì sợ bị hàng xóm chê cười, dẫn đến mất trắng số tiền.

4. Sử dụng công nghệ cao và mô hình đa cấp

Sự phát triển của công nghệ đã giúp các nhóm lừa đảo nâng cấp chiêu trò của mình. Họ tạo ra các website giả mạo với giao diện chuyên nghiệp, sử dụng tên miền gần giống các tổ chức uy tín (ví dụ, studyabroad-vn.com thay vì studyabroad.com). Các email giả mạo được gửi từ địa chỉ trông giống email chính thức, như info@studyabroad.com, nhưng thực chất là tài khoản cá nhân. Một số nhóm còn sử dụng phần mềm gọi điện tự động hoặc chatbot để tiếp cận hàng loạt nạn nhân, tạo cảm giác rằng họ đang làm việc với một tổ chức lớn.

Một chiêu trò nguy hiểm khác là hoạt động theo mô hình đa cấp, khuyến khích nạn nhân giới thiệu thêm người tham gia để nhận hoa hồng (thường từ 10-20% số tiền người mới



nộp). Điều này khiến nhiều người không chỉ mất tiền mà còn vô tình kéo bạn bè, người thân vào bẫy, làm gia tăng quy mô thiệt hại. Mô hình này đặc biệt phổ biến ở các tỉnh miền Trung, nơi người dân thường có xu hướng tin tưởng người quen.

Ví dụ thực tế: Một nhóm lừa đảo tại Hà Nội đã thu hút hàng chục người tham gia chương trình xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, hứa hoàn lại 15% số tiền cho những ai giới thiệu thêm nạn nhân. Kết quả, tổng thiệt hại lên đến 1,5 tỷ đồng, với nhiều gia đình bị lôi kéo bởi chính người thân của mình.

5. Đưa nạn nhân vào tình huống nguy hiểm

Một số trường hợp, các nhóm lừa đảo thực sự đưa nạn nhân ra nước ngoài, nhưng không đúng với cam kết ban đầu. Người lao động có thể bị ép làm việc chui, không có hợp đồng, hoặc làm việc trong các ngành nguy hiểm như xây dựng, đánh cá, hoặc sòng bạc bất hợp pháp. Du học sinh có thể bị ép làm việc trái phép, sống trong điều kiện tồi tàn, hoặc bị trục xuất vì vi phạm luật nhập cư. Những tình huống này không chỉ gây thiệt hại

tài chính mà còn đe dọa tính mạng và an toàn của nạn nhân.

Ví dụ thực tế: Một nhóm 15 lao động Việt Nam được hứa đưa sang làm việc tại nhà máy ở Campuchia, nhưng thực tế bị ép làm việc trong các sòng bạc bất hợp pháp. Họ không được trả lương, bị đe dọa, và phải nhờ sự can thiệp của cơ quan chức năng để trở về nước. Một trường hợp khác là một du học sinh bị đưa sang Úc với visa du lịch, bị ép làm việc tại một trang trại với mức lương vài đô la mỗi ngày, và cuối cùng bị trục xuất.

HẬU QUẢ CỦA CÁC VỤ LỪA ĐẢO

1. Thiệt hại tài chính nghiêm trọng

Các vụ lừa đảo xuất khẩu lao động và du học gây thiệt hại tài chính lớn, với số tiền mỗi vụ dao động từ vài chục triệu đến hàng tỷ đồng. Theo thống kê không chính thức, trong năm 2023, các cơ quan chức năng đã ghi nhận hàng trăm vụ lừa đảo, với tổng thiệt hại ước tính hàng trăm tỷ đồng. Nhiều gia đình phải vay nợ ngân hàng, bán đất đai, hoặc cầm cố tài sản để nộp tiền, dẫn đến cảnh nợ nần chồng chất và mất khả năng chi trả.

Ví dụ thực tế: Một gia đình ở Quảng Nam đã bán mảnh đất cuối cùng để nộp 300 triệu đồng cho một chương trình du học Úc. Sau khi công ty biển mất, gia đình không chỉ mất tài sản mà còn không có nơi ở, con cái phải bỏ học để đi làm thuê. Một trường hợp khác ở Nghệ An cho thấy một người lao động đã vay 200 triệu đồng từ ngân hàng để tham gia chương trình làm việc tại Đức, nhưng mất trắng số tiền và phải trả lãi hàng tháng trong nhiều năm.

2. Tác động tâm lý và xã hội

Nạn nhân của các vụ lừa đảo không chỉ chịu thiệt hại tài chính mà còn phải đối mặt với những tổn thương tâm lý nghiêm trọng. Nhiều người rơi vào trạng thái trầm cảm, tự trách bản thân, hoặc mất niềm tin vào xã hội. Một số nạn nhân bị gia đình, hàng xóm trách móc vì cả tin, dẫn đến mâu thuẫn gia đình, thậm chí ly hôn. Trẻ em trong các gia đình bị lừa thường phải bỏ học hoặc sống trong môi trường căng thẳng, ảnh hưởng đến tương lai lâu dài.

Hơn nữa, các vụ lừa đảo làm suy giảm niềm tin vào các chương trình

xuất khẩu lao động và du học hợp pháp. Nhiều người dân trở nên nghi ngờ ngay cả với các tổ chức uy tín, gây khó khăn cho các doanh nghiệp và trung tâm tư vấn hợp pháp trong việc tuyển dụng hoặc hỗ trợ. Về mặt xã hội, các vụ lừa đảo làm gia tăng bất bình đẳng, khi các gia đình nghèo càng trở nên kiệt quệ, trong khi những kẻ lừa đảo thu lợi bất chính.

3. Nguy cơ an toàn và pháp lý khi ra nước ngoài

Những nạn nhân được đưa ra nước ngoài thường đối mặt với các rủi ro nghiêm trọng. Người lao động có thể bị bóc lột sức lao động, làm việc trong điều kiện nguy hiểm, hoặc bị giam giữ bởi các tổ chức tội phạm. Du học sinh bị ép làm việc trái phép có nguy cơ bị trục xuất, để lại hồ sơ nhập cư xấu và ảnh hưởng đến cơ hội ra nước ngoài trong tương lai. Trong một số trường hợp, nạn nhân bị đe dọa tính mạng hoặc bị bỏ rơi ở một quốc gia xa lạ mà không có giấy tờ hợp pháp.

Ví dụ thực tế: Một nhóm lao động Việt Nam bị đưa sang Thái Lan với lời hứa làm việc tại nhà máy chế biến thực phẩm, nhưng thực tế bị ép làm việc trong các cơ sở sản xuất bất hợp pháp với điều kiện sống tồi tàn. Một du học sinh khác bị đưa sang Úc với visa du lịch, bị ép làm việc tại một trang trại với mức lương vài đô la mỗi ngày, và cuối cùng bị trục xuất sau khi bị phát hiện.

4. Tác động đến kinh tế và hình ảnh quốc gia

Các vụ lừa đảo không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn gây tổn hại đến kinh tế và hình ảnh của Việt Nam. Về kinh tế, các gia đình mất tiền dẫn đến giảm sức mua và tăng gánh nặng nợ nần, ảnh hưởng đến sự phát triển của các địa phương nghèo. Về mặt quốc tế, các vụ lừa đảo liên quan đến lao động chui hoặc du học bất hợp pháp làm xấu đi hình ảnh của Việt Nam, khiến các quốc gia khác siết chặt quy định nhập cư đối với công dân Việt Nam. Điều này gây khó khăn cho những người lao động và du học sinh chân chính trong việc xin visa hoặc tìm cơ hội ở nước ngoài.

YẾU TỐ XÃ HỘI THúc ĐẨY LỪA ĐẢO

Các vụ lừa đảo xuất khẩu lao động và du học không chỉ là vấn đề của những kẻ lợi dụng mà còn phản ánh những yếu tố xã hội sâu xa:

- Thiếu thông tin và nhận thức: Nhiều người dân, đặc biệt ở vùng nông thôn, thiếu kiến thức về quy trình xuất khẩu lao động và du học hợp pháp, dễ bị thu hút bởi những lời hứa hấp dẫn.

- Bất bình đẳng kinh tế: Các gia đình nghèo hoặc thu nhập thấp thường xem xuất khẩu lao động và du học là cơ hội thoát nghèo, khiến họ dễ trở thành mục tiêu của các nhóm lừa đảo.

- Tâm lý cả tin và thiếu cảnh giác: Văn hóa tin tưởng người quen hoặc các tổ chức có vẻ ngoài chuyên nghiệp khiến nhiều người bỏ qua các dấu hiệu cảnh báo.

- Lỗ hổng quản lý: Việc giám sát các công ty xuất khẩu lao động và du học còn lỏng lẻo, cùng với sự phát triển của công nghệ, đã tạo điều kiện cho các nhóm lừa đảo hoạt động.

Giải pháp phòng tránh và hành động

Để bảo vệ bản thân và cộng đồng trước các vụ lừa đảo xuất khẩu lao động và du học, cần thực hiện các giải pháp đồng bộ trên cả phương diện cá nhân, cộng đồng, và nhà nước:

1. Xác minh tính hợp pháp của tổ chức

- Kiểm tra giấy phép hoạt động: Trước khi tham gia bất kỳ chương trình nào, hãy xác minh xem công ty có giấy phép từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với xuất khẩu lao động) hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với du học). Danh sách các công ty được cấp phép có thể được tra cứu trên các trang web chính thức như www.molisa.gov.vn hoặc www.moet.gov.vn.

- Liên hệ cơ quan chức năng: Gọi điện hoặc đến trực tiếp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương, Đại sứ quán của quốc gia dự định đến, hoặc Cục Quản lý Lao động Ngoài nước để kiểm tra thông tin về công ty, chương trình, và giấy tờ liên quan.

- Kiểm tra website và email: Cẩn thận với các website có tên miền lạ hoặc email không chính thức. Ví dụ,

website của các trường đại học uy tín thường có đuôi .edu, và các công ty lớn sử dụng email gắn với tên miền công ty (như info@companyname.com). Sử dụng công cụ tìm kiếm như Google để kiểm tra đánh giá hoặc cảnh báo về công ty.

2. Đọc kỹ hợp đồng, yêu cầu minh bạch

- Hiểu rõ điều khoản hợp đồng: Đọc kỹ mọi điều khoản, đặc biệt là về chi phí, quyền lợi, trách nhiệm của công ty, và điều kiện hoàn tiền. Nếu có điểm không rõ, hãy tham khảo ý kiến luật sư hoặc người có kinh nghiệm trước khi ký.

- Yêu cầu hóa đơn và biên lai: Mọi khoản phí phải được thanh toán qua tài khoản công ty và có hóa đơn, biên lai rõ ràng. Tránh chuyển khoản vào tài khoản cá nhân hoặc nộp tiền mặt mà không có giấy tờ.

- Lưu giữ bằng chứng: Giữ lại tất cả tin nhắn, email, hợp đồng, biên lai, và ghi âm cuộc gọi (nếu có) để làm bằng chứng trong trường hợp cần tố cáo.

3. Nâng cao nhận thức và cảnh giác

- Không vội vàng quyết định: Đừng nộp tiền khi bị gây áp lực về thời gian, như “chỉ còn 1 suất” hoặc “visa sắp hết hạn”. Hãy dành thời gian kiểm tra thông tin và tham khảo ý kiến từ người thân, bạn bè, hoặc các chuyên gia.

- Cảnh giác với lời hứa quá hấp dẫn: Các chương trình lương cao (trên 50 triệu đồng/tháng) hoặc du học chi phí thấp (dưới 100 triệu đồng) thường không thực tế. Một chương trình hợp pháp yêu cầu trình độ, thời gian xử lý hồ sơ dài (thường 6-12 tháng), và chi phí minh bạch (ví dụ, chương trình lao động Nhật Bản hợp pháp thường tốn 120-150 triệu đồng).

- Tìm hiểu qua các kênh uy tín: Tham gia các diễn đàn như Cộng đồng Du học Việt Nam, nhóm Xuất khẩu Lao động Nhật Bản trên Facebook, hoặc hỏi ý kiến từ những người đã tham gia chương trình thực tế.

4. Hành động khi phát hiện lừa đảo

- Trình báo cơ quan chức năng: Nếu phát hiện bị lừa, hãy lập tức trình báo với công an địa phương, Cục



Quản lý Lao động Ngoài nước, hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Cung cấp đầy đủ bằng chứng như hợp đồng, biên lai, tin nhắn, email, và thông tin liên lạc của công ty để hỗ trợ điều tra.

- Liên hệ ngân hàng: Trong trường hợp đã chuyển khoản, liên hệ ngân hàng ngay để yêu cầu phong tỏa tài khoản của kẻ lừa đảo. Dù khả năng lấy lại tiền thấp, hành động nhanh chóng có thể giúp hạn chế thiệt hại.

- Chia sẻ câu chuyện: Công khai câu chuyện của mình trên mạng xã hội, báo chí, hoặc các diễn đàn để cảnh báo cộng đồng. Những chia sẻ này không chỉ giúp ngăn chặn các vụ lừa đảo tương tự mà còn hỗ trợ cơ quan chức năng thu thập thông tin.

5. Tăng cường vai trò của cơ quan chức năng và cộng đồng

- Giám sát và xử lý nghiêm: Chính phủ cần tăng cường kiểm tra và xử phạt các công ty hoạt động không phép, đồng thời công khai danh sách “đen” trên các kênh truyền thông chính thức như báo chí, truyền hình, và website của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các hình phạt cần đủ sức răn đe, bao gồm truy tố hình sự và tịch thu tài sản.

- Truyền thông giáo dục: Tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức về lừa đảo xuất khẩu lao động và du học, thông qua các chương trình truyền hình (như “Cảnh báo 24/7” trên VTV), báo chí, và mạng xã hội. Các chiến dịch này nên

nhắm đến các khu vực nông thôn, nơi người dân dễ bị tổn thương, và sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, ví dụ thực tế.

- Hỗ trợ nạn nhân: Thiết lập các quỹ hỗ trợ hoặc cơ chế pháp lý để giúp nạn nhân đòi lại quyền lợi, chẳng hạn như quỹ bảo vệ người lao động xuất khẩu. Cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý miễn phí cho những người bị ảnh hưởng, đặc biệt là các gia đình rơi vào cảnh nợ nần hoặc mất niềm tin.

- Xây dựng cộng đồng cảnh giác: Khuyến khích các tổ chức xã hội, trường học, và chính quyền địa phương tổ chức các buổi hội thảo, lớp học về kỹ năng nhận diện lừa đảo. Các cộng đồng trực tuyến cũng cần được quản lý chặt chẽ để ngăn chặn các hội nhóm giả mạo.

6. Học hỏi kinh nghiệm quốc tế

Việt Nam có thể học hỏi từ các quốc gia khác trong việc quản lý xuất khẩu lao động và du học, cũng như phòng chống lừa đảo:

- Mô hình Philippines: Philippines có Cơ quan Quản lý Lao động Nước ngoài (POEA) với hệ thống giám sát chặt chẽ, yêu cầu các công ty xuất khẩu lao động phải ký quỹ lớn để đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Việt Nam có thể áp dụng mô hình tương tự để giảm thiểu rủi ro.

- Mô hình Hàn Quốc: Hàn Quốc sử dụng hệ thống trực tuyến minh bạch để quản lý các chương trình lao động và du học, cho phép người dân tra cứu thông tin công ty và chương trình một

cách dễ dàng. Việt Nam có thể phát triển một cổng thông tin tương tự, tích hợp với các cơ quan như Bộ Lao động và Bộ Giáo dục.

- Hợp tác quốc tế: Làm việc với Interpol, các đại sứ quán, và các tổ chức như Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) để truy quét các đường dây lừa đảo xuyên quốc gia, đồng thời hỗ trợ nạn nhân bị mắc kẹt ở nước ngoài.

KẾT LUẬN

Các vụ lừa đảo xuất khẩu lao động và du học là một thách thức lớn đối với xã hội Việt Nam, không chỉ gây thiệt hại tài chính mà còn để lại những vết thương sâu sắc về tâm lý, xã hội, và hình ảnh quốc gia. Những thủ đoạn tinh vi, từ quảng cáo hấp dẫn, giấy tờ giả mạo, đến mô hình đa cấp và khai thác tâm lý, đã khiến hàng nghìn người rơi vào cảnh khốn khó, tan vỡ giấc mơ về một tương lai tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, với sự cảnh giác, kiến thức đúng đắn, và sự phối hợp giữa cá nhân, cộng đồng, và nhà nước, chúng ta hoàn toàn có thể ngăn chặn và giảm thiểu những rủi ro này.

Hành trình theo đuổi giấc mơ làm việc và học tập ở nước ngoài đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng, từ việc kiểm tra thông tin, đọc kỹ hợp đồng, đến nâng cao nhận thức về các dấu hiệu lừa đảo. Mỗi người dân cần trở thành một “lá chắn” cho chính mình và cộng đồng, bằng cách chia sẻ thông tin, tố cáo các hành vi bất hợp pháp, và lan tỏa những bài học từ thực tế. Đồng thời, vai trò của cơ quan chức năng trong việc giám sát, truyền thông, và hỗ trợ nạn nhân là yếu tố then chốt để xây dựng một môi trường an toàn, minh bạch. Chỉ khi đó, giấc mơ vươn ra thế giới mới thực sự trở thành hiện thực, mang lại cơ hội và hy vọng cho mọi người. ♦

TUẤN HƯNG

Tài liệu tham khảo:

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11
- Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13
- Nghị định số 112/2021/NĐ-CP
- Nghị định số 12/2022/NĐ-CP
- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14
- Thông tư số 11/2013/TT-BGDĐT